

Nguyễn Công Hoan

Tuyển tập truyện ngắn



(1903 – 1977)

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Tập Truyện ngắn

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Tiểu sử

Nguyễn Công Hoan sinh năm 1903, tại Xuân Cầu, Nghĩa Trụ, Văn Giang tỉnh Bắc Ninh, nay là tỉnh Hưng Yên, trong một gia đình Nho học, mất năm 1977 tại Hà Nội.

Nguyễn Công Hoan viết văn từ năm 17 tuổi, năm 20 tuổi xuất bản tập truyện ngắn Kiếp hồng nhan, và năm 32 tuổi (1935), nổi tiếng với tập truyện ngắn Kép Tư Bền.

Trước cách mạng tháng Tám ông làm nghề dạy học thường bị Pháp theo dõi phải đổi trường nhiều lần. Sau cách mạng tháng Tám ông hăng hái tham gia kháng chiến, trên lĩnh vực văn hoá văn nghệ: Chủ bút báo Vệ quốc quân, Chủ tịch đầu tiên của Hội Nhà văn Việt Nam... Nguyễn Công Hoan đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt 1, 1996).

Sự nghiệp văn học của Nguyễn Công Hoan khá đồ sộ với hàng trăm truyện ngắn và nhiều tiểu. Các tác phẩm của ông đã được tái bản nhiều lần và hiện được chọn lại trong bộ Tuyển tập Nguyễn Công Hoan (3 tập, Nhà xuất bản Văn học, 1983 - 1986).

Những ngày đáng nhớ của nhà văn Nguyễn Công Hoan tại 66 Thợ Nhuộm Suốt 12 năm (từ năm 1964 - 1976), nhà văn Nguyễn Công Hoan cùng vợ là cụ Vũ Thị Yén đã về sống với con cháu và sáng tác trong một căn phòng vón vện 30m² trong ngôi nhà 66 phố Thợ Nhuộm nay là trụ sở Báo CAND. Ngày 6/6, Báo CAND đã long trọng tổ chức buổi lễ gắn biển kỷ niệm tên nhà văn Nguyễn Công Hoan tại 66 - Thợ Nhuộm, Hà Nội, trụ sở của Báo CAND, đúng ngày giỗ lần thứ 29 của ông.

Có mặt trong buổi lễ này là con trai của nhà văn, Anh hùng LLVTND Nguyễn Tài, nguyên Thứ trưởng Bộ Công an cùng phu nhân; vợ chồng nhà văn Lê Minh, con gái của nhà văn và các con cháu. Cũng thật thân tình trong buổi lễ hôm nay còn có sự tham dự của các Giám đốc NXB Văn học,

NXB Hội Nhà văn, NXB Thanh niên, NXB Công an nhân dân... những nơi từng in rất nhiều tác phẩm của nhà văn Nguyễn Công Hoan. Đọc diễn văn tại buổi lễ, Thiếu tướng, nhà văn Hữu Ước, Tổng Biên tập Báo CAND và Chuyên đề ANTG khẳng định: "Khuôn viên và cấu trúc tòa nhà này có thay đổi nhiều so với trước, nhưng lòng ngưỡng mộ của chúng tôi đối với nhà văn Nguyễn Công Hoan và Anh hùng LLVTND Nguyễn Tài, thủ trưởng cũ của chúng tôi thì không hề suy giảm...".
Những con số 6 thú vị

Nhà văn Nguyễn Công Hoan sinh ngày 6/3/1903 tại làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (không phải là thuộc tỉnh Hải Dương như Từ điển Văn học - bộ mới NXB Thế giới 2004 trang 1.114 đã nhầm). Ông sinh ngày mùng 6, mất cũng ngày 6 (tháng 6/1977). Năm 1946, nhà văn Nguyễn Công Hoan, khi đó là Giám đốc Sở Kiểm duyệt báo chí trong chính quyền cách mạng đã cấp giấy phép cho Báo CAND ra số đầu tiên với tên là Công an mới, tiền thân của Báo CAND ngày nay.

Người có sáng kiến tổ chức xin giấy phép xuất bản tờ báo Công an mới là chiến sĩ Công an trẻ Nguyễn Tài, Bí thư chi bộ kiêm Bí thư Đoàn Công an cứu quốc. Nhờ thế, ngày 1/11/1946, Báo Công an mới đã phát hành số đầu tiên. Đến nay, Báo CAND đang tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm 60 năm Ngày phát hành số báo đầu tiên.

Lại nữa, suốt 12 năm (từ năm 1964 - 1976), nhà văn Nguyễn Công Hoan cùng vợ là cụ Vũ Thị Yến đã về sống với con cháu và sáng tác tại ngôi nhà 66 Thợ Nhuộm này. Đến năm 1976, ông cùng gia đình con trai là Cục trưởng Công an Nguyễn Tài vừa bắt khuất trở về từ nhà tù của Mỹ - chính quyền Sài Gòn chuyển về khu tập thể Trung Tự. Và năm 1996, nhà văn Nguyễn Công Hoan được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Vậy là sắp 60 năm, ngày nhà văn Nguyễn Công Hoan ký giấy phép xuất bản Báo Công an mới, tại 66 Thợ Nhuộm nơi ông sống xưa và trụ sở Báo CAND nay, đúng vào ngày giỗ của ông 6/6, tờ báo mà ông ký cho ra mắt long trọng làm lễ gắn biển kỷ niệm tên tuổi ông, Chủ tịch đầu tiên Hội Nhà văn Việt Nam...

Trang đời trang văn

Bà Trần Thị Bắc (tên khai sinh là Nguyễn Thị Nghiêm), phu nhân đồng chí Nguyễn Tài, người nhiều năm được Bộ Công an cử chăm sóc và đào tạo con cái của các cán bộ miền Bắc chi viện cho An ninh miền Nam kể cho chúng tôi nghe: Trước đây, gia đình bà được Bộ Công an xếp cho ở trong ngôi nhà

66 Thợ Nhuộm cùng với 3 gia đình khác, trong đó có gia đình cố Thiếu tướng Hoàng Mai, nguyên Tổng Biên tập Báo CAND...

Đầu năm 1964, do đồng chí Nguyễn Tài bí mật vào miền Nam chiến đấu, ông bà Nguyễn Công Hoan rời làng Võng Thị thơ mộng về 66 Thợ Nhuộm để giúp con dâu chăm sóc 4 cháu nhỏ để con trai yên tâm công tác. Vậy là cả ông bà nội với 5 mẹ con chỉ sống trong một căn phòng vốn vẹn có gần 30m².

Bà Bắc kể rằng, những ngày ấy, đêm nào bà cũng thấy nhà văn Nguyễn Công Hoan dậy viết trên một cái bàn nhỏ kê ở góc nhà, người con dâu cùng mẹ chồng đã kê cho ông một bộ bàn ghế uống nước để tiếp khách văn. Thi thoảng, bà thấy nhà thơ Tú Mỡ, Xuân Diệu đến chơi. Nhà văn Nguyễn Công Hoan có vóc dáng cao cao, ông thường đi dép nhẹ nhàng lúc đêm khuya ra bàn viết những điều vừa chợt đến. Sáng ra ông thức dậy sớm đi tưới mấy cây hoa trước nhà.

Còn cụ bà Vũ Thị Yến thì chăm một cây trầu tươi tốt ở phía tay trái ngôi nhà 66 Thợ Nhuộm, bà cũng hay ăn trầu nên răng rất chắc và đẹp. Rất nhiều lần, nhà văn đang viết say sưa thì Hà Nội báo động có máy bay Mỹ bắn phá, bà Vũ Thị Yến xua con dâu và các cháu nhỏ xuống hầm. Riêng nhà văn Nguyễn Công Hoan thì chạy ra đường, ngửa mặt lên trời mong nhìn thấy máy bay địch. Bà hét lên: "Ông có vào không, nó bắn chết bây giờ". Không ngờ nhà văn trào phúng bậc thầy vẫn dí dỏm ngạo nghễ: "Bà không phải lo. Nó có nhìn thấy tôi đâu mà bắn".

Nhà văn Lê Minh, người con gái út của nhà văn Nguyễn Công Hoan kể, hồi ấy, căn buồng ở 66 Thợ Nhuộm quá chật, ông thường sang nhà bà ở 72 Lý Thường Kiệt để viết. Có hai cuốn sách được cha bà viết trong thời gian này, đó là cuốn "Hỏi chuyện các nhà văn", cuốn thứ hai là "Nhớ gì ghi nấy". Cuốn sách với tên gọi giản dị thô mộc này không ngờ lại có số phận long đong lận đận đến kỳ lạ. Năm 1977, sau khi ông mất, cuốn sách này đành dở dang. Đến năm 1998, nhà văn Lê Minh tổ chức in toàn tập và lấy lại tên ban đầu "Nhớ gì ghi nấy".

Có một câu chuyện mà đến bây giờ bà Trần Thị Bắc còn nhớ như in: "Ông thường dạy các cháu những điều tưởng như nhỏ vụn: rải cái chiếu phải rải cho ngay ngắn thì cái tâm của mình cũng ngay ngắn. Bữa cơm dọn ra, ông thường ăn thức ăn còn dư từ bữa trước để nhường thức ăn mới cho con cháu. Nghĩ lại thấy thương ông quá. Những ngày kham khổ, vất vả đó có lẽ cũng thấm vào trang văn của bố chồng tôi".

Xin kể lại một chút về người vợ của nhà văn Nguyễn Công Hoan, cụ Vũ Thị

Yến. Theo lời bà Trần Thị Bắc, có lần nhà văn Nguyễn Công Hoan đã tâm sự với con dâu thế này: "Mẹ con là người đóng góp hơn 50% vào thành công sự nghiệp văn học của cha". Bà đã vượt qua nhiều gian khổ, chịu đựng nhiều mất mát, đau đớn, chăm sóc các con, coi sóc việc nhà chồng để dồn sự bình tâm cho ông trên từng trang viết.

Hiếm có một người vợ nhà văn nào như bà Vũ Thị Yến, người có công với nước từng phải chứng kiến nhiều nỗi đau đến thế. Trong kháng chiến chống Pháp, bà đau đớn lắm khi biết tin hai người em trai nhà văn Nguyễn Công Hoan là Nguyễn Công Bông (Nha Công an Trung ương) và Nguyễn Công Mỹ hy sinh trong công tác. Rồi người con trai của ông bà là Nguyễn Tài Khoái cũng hy sinh ở Nam Định.

Ngày 19/12/1949, bà chịu 3 cái tang đau đớn cùng một lúc: Bom của giặc Pháp đã bỏ xuống Đào Xá, Hà Nam làm chết người mẹ của nhà văn Nguyễn Công Hoan, vợ và con liệt sĩ Nguyễn Công Mỹ...

Nhưng sức vóc của một phụ nữ như bà chịu đựng thật vô bờ. Có lần, suốt 3 năm không thấy con trai Nguyễn Tài từ chiến trường gửi thư về, bà linh cảm con có điều gì không lành và năm 1973 bí mật vào trụ sở Bộ Công an xin gặp Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn.

Gặp Bộ trưởng, bà nói quả quyết: "Thưa bác, bác đã hiểu rõ hoàn cảnh gia đình nhà tôi qua bao hoạn nạn rồi. Chúng tôi đủ can đảm để đón nhận điều xấu nhất. Vì sao ba năm nay Tài không gửi thư về? Có chuyện không hay xảy ra với Tài phải không? Chúng tôi muốn biết sự thật vì đủ sức chịu đựng và có trách nhiệm giữ bí mật cho cách mạng". Nói những lời quả quyết, kiên gan, có lẽ người mẹ ấy muốn nén giữ một tiếng khóc, một nỗi đau đang chực bật ra khỏi lòng.

Nghe vậy Bộ trưởng im lặng trong giây lát, giọng nhỏ lại: "Bác đã nói thế thì chúng tôi cũng xin nói thật. Trong một chuyến đi công tác, Tài bị địch bắt giam nhưng Bộ vẫn nắm được tin tức, hiện Tài vẫn khỏe mạnh, hai bác cứ yên tâm". Bà Yến chào Bộ trưởng ra về. "Bí mật" ấy chỉ có bà, nhà văn Nguyễn Công Hoan và cô con dâu biết. Bạn bè, con cháu, họ hàng, ai hỏi tin tức gì về Nguyễn Tài, bà đều bảo: "Tài đi học ở Liên Xô".

Đằng đằng 11 năm xa con, vợ xa chồng, đến tháng 6/1975, người con Nguyễn Tài đã trở về sum họp với gia đình tại 66 Thợ Nhuộm. Suốt đời bà lặng lẽ hy sinh như thế, không yêu cầu chồng con một điều gì. Chỉ duy một lần bà "xin" tiền của ông. Năm 1996, bà nhận được số tiền Giải thưởng Hồ Chí Minh của nhà văn Nguyễn Công Hoan, bà đã lấy 1 triệu đồng gửi biếu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Thù ở Quảng Nam có 9 con đẻ, một con rể, một cháu nội hy sinh trong hai cuộc kháng chiến. Mãi sau này, có người lần ra địa chỉ, đến hỏi mới biết là của bà Vũ Thị Yến, vợ nhà văn

Nguyễn Công Hoan gửi.

Cũng tại buổi lễ nói trên, thay mặt các thế hệ làm Báo CAND, nhà văn Hữu Ước một lần nữa xúc động nói: Những nhà báo CAND chúng tôi rất tự hào được làm việc ở ngôi nhà 66 Thợ Nhuộm, nơi nhà văn Nguyễn Công Hoan từng sống và sáng tác văn học 12 năm cuối đời. Nhà văn Nguyễn Công Hoan luôn là tấm gương trong cuộc sống, lao động và sáng tạo của những người cầm bút CAND".

Thu Phương

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Nguyễn Công Hoan được tăng lương sau khi... tạ thế?

"Nghĩa tử là nghĩa tận" - các cụ ta dạy vậy. Nhưng cứ theo như mẩu chuyện có cái tên câu khách: "Để được chôn khu A" thì quả là nhà văn lớn Nguyễn Công Hoan (1903 - 1977) chết rồi vẫn còn... long đong. Chuyện rằng, trước khi hạ huyệt, ông "bị" người quản lý nghĩa trang Văn Điển phản ứng quyết liệt, không chịu cho chôn, vì theo tiêu chuẩn khu A (khu chôn vĩnh viễn) thì mức lương của ông còn thiếu... một bậc.

Xin trích nguyên văn:

"Nguyễn Công Hoan mất. Khi ban tổ chức lễ tang gọi điện đến ban quản lý nghĩa trang Văn Điển để xin xe tang, người nhận điện nói ậm ờ rằng chẳng biết tám giờ, chín giờ hay mười giờ mới có xe.

- Vâng, tùy các anh. Chỉ xin báo cho các anh biết hiện nay trực bên linh cữu nhà văn có đồng chí Trần Quốc Hoàn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (con trai nhà văn là Nguyễn Công Tài lúc bấy giờ là Thứ trưởng Bộ Nội vụ); đồng chí Tố Hữu, Ủy viên Bộ Chính trị; đồng chí Lê Văn Lương, Bí thư Thành ủy Hà Nội và một số cán bộ cao cấp khác.

Đầu kia điện thoại rồi rít:

- Vâng, chúng tôi sẽ điều xe đến ngay!

... Đến Văn Điển, một nhân viên ban quản lý nghĩa trang đến hỏi mức lương của người quá cố. Anh ta giầy nảy lên:

- Còn thiếu năm đồng mới được chôn ở khu A!

Thế là Hội Nhà văn phải cho người về làm quyết định tăng cho Nguyễn Công Hoan một bậc lương mới đúng thủ tục!".

(Theo "Giai thoại làng văn Việt Nam" - NXB Văn hóa Dân tộc, 1999).

Nhận thấy mẩu giai thoại trên có một số tình tiết không đáng tin cậy, tôi liên

hệ xin được gặp và trao đổi với đồng chí Nguyễn Tài, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), con trai cụ Nguyễn Công Hoan. Đúng như tôi dự đoán, ông Tài đưa mắt đọc suốt lượt bài viết rồi buông sách xuống, nói ngay: "Tôi đề nghị người viết phải cải chính và xin lỗi gia đình công khai trên báo".

- Thưa bác, những chi tiết nào ở bài viết mà bác thấy chưa chuẩn, cần phải nói lại?

- Ông Nguyễn Tài: Ngay với tên tôi họ cũng in sai. Tôi tên thật là Nguyễn Tài Đông, sau đi hoạt động bỏ tên chính, lấy tên Tài làm bí danh. Chưa bao giờ có chữ Công ở giữa. Họ nhà tôi có 8 chữ đệm: Đức, Đạo, Công, Tài, Trường, Thiên, Thế, Tộ. Các cụ quy định mỗi thế hệ là một chữ đệm. Đưa tên tôi thêm chữ Công là nâng tôi lên một thế hệ, ngang với cha tôi là không đúng.

Thứ nữa, nói các anh Trần Quốc Hoàn, Tô Hữu túc trực bên linh cữu cha tôi cũng là bịa. Các anh ấy đại diện lãnh đạo Đảng, chỉ đến viếng thôi. Còn túc trực bên linh cữu cha tôi là con cái trong nhà, là đại diện Hội Nhà văn. Cái gì cũng phải có nguyên tắc, có tôn ti trật tự chứ.

- Còn chuyện Ban tổ chức lễ tang phải nói gần như "dọa", cán bộ quản lý nghĩa trang mới cho điều xe đến chuyển linh cữu cụ Hoan đi?

- Khi cha tôi mất, Hội Nhà văn đứng ra lo hết. Cụ được quản ở 51 Trần Hưng Đạo (trụ sở Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam). Tôi không rõ Hội Nhà văn gọi xe ở đâu, nhưng chắc chắn không phải ở nghĩa trang Văn Điển. Người viết rất dốt về lịch sử. Tôi khẳng định: Từ khi thành lập, nghĩa trang này chưa bao giờ có dịch vụ xe tang.

- Như vậy, việc Ban quản lý nghĩa trang không đồng ý để cụ Hoan được chôn ở khu A cũng là do người viết bịa ra?

- Không bao giờ có chuyện vớ vẩn đó. Ông Hoan từng là Chủ tịch Hội Nhà văn, làm sao không đủ tiêu chuẩn? Cha tôi mất ở Bệnh viện Việt - Xô (nay là Bệnh viện Hữu Nghị). Bấy giờ chưa có điều hòa, bệnh viện phải bảo quản xác cha tôi bằng đá cây; tới ba, bốn hôm mới đưa đám. Như vậy, Hội Nhà văn phải liên hệ với nghĩa trang từ trước khi chôn chứ. Theo quy định, ông Hoan được "nằm" ở khu A thì ở đấy người ta phải đào huyệt sẵn rồi. Mọi người chỉ việc kéo nhau đến. Làm gì có chuyện đến đó còn tranh cãi có được

chôn hay không. Rồi chuyện cán bộ Hội chạy về ký tăng lương. Hội Nhà văn không làm chuyện trẻ con đó đâu.

- Thưa bác, hiện di hài của nhà văn Nguyễn Công Hoan có còn ở nghĩa trang Văn Điển hay đã chuyển vào nghĩa trang Mai Dịch - như trường hợp nhà thơ Xuân Diệu?

- Không! Khi cải táng, gia đình đã đưa cụ về quê rồi (thôn Tam Kỳ, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, Hưng Yên). Chúng tôi muốn để cụ nằm bên mộ bà nội tôi cùng các chú, các em của cụ. Tất cả một dãy bên nhau, rất tình cảm...

- Nhân việc này, bác có nhắn gửi gì tới tác giả bài viết?

- Viết vui gì thì cũng phải trên cơ sở sự thật, chứ bịa ra để "cù" người đọc và kiếm tiền là không được. Bài viết không chỉ xúc phạm gia đình tôi đâu, mà lớn hơn, là xúc phạm tới chính sách của Đảng, Nhà nước đối với văn nghệ sĩ. Tôi đề nghị người viết phải cải chính...

Phạm Khải

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Ái tình tiểu thuyết (Thuật theo lời của B.)

Sợ các ngài tẩy chay tôi, hôm nay tôi xin hiến các ngài một thiên ái tình tiểu thuyết. Nhưng ái tình tiểu thuyết tôi vốn không quen viết, nên tôi chỉ dám coi nó như câu chuyện chó chết mà thôi.

Ông hàng xóm tôi mới đem ở Hà Nội về một con chó trắng. Ông đặt tên cho nó là Tóp. Con Tóp, tôi chẳng biết có cái gì đáng quý, nhưng mà, trời ơi, gớm, ông ấy làm bộ như một bà mẹ có con gái đến thì? Ông ấy khoe khoe những đức tính nó thể nọ thể kia, nghĩa là con chó ấy chẳng may chó đến nỗi phải làm kiếp chó, chứ giá được làm người, thì tất cũng phải làm đến gì gì chứ chẳng vừa?

Thế nhưng tôi tưởng làm cái giống chó An-nam mình, thì dù có tài xuất chúng đến đâu cũng vậy, sự nghiệp bất quá cũng chỉ đến giữ nhà cho chủ là hết; mà có hơn chó thiên hạ về cái thỉnh thoảng được phát tài vì có bông ngoại, nhưng dăm ba bữa tiệc ấy, bất quá cũng chỉ là cái bã giả của người ta mà thôi, ngon gì!

Ấy là nói những giống chó khôn, biết thân phận làm kiếp chó, chứ nếu lại có tính ngông nghênh mà cắn trộm, bặng nặng mà ăng săng, hoặc đại dột mà vực đầu vào chĩnh tương hay niêu cá chẳng hạn, thì đeo riềng vào cổ lúc nào không biết đấy.

Vậy mà chó nhà quê thì mới thế, chứ nếu chẳng may ở các thành phố lớn, luật pháp nghiêm ngặt, mà quá giờ tiên sinh cứ tự do ngôn luận oang oang lên, hoặc ban ngày, tư-lơ-mơ đi ra đường chơi phiếm, thì có mà tù sớm. Chính con chó Tóp của ông hàng xóm tôi, sở dĩ bị trục xuất cảnh ngoại, cũng chỉ vì tội nhiều khi đang đêm, không biết cao hứng cái gì, cứ diễn thuyết rầm lên, hô hào dữ đến nỗi cả nhà mất ngủ; lại mới đây giữa ban ngày ban mặt, nó dám công nhiên - nói vô phép các ngài, - nó dám công nhiên hiếp dâm ngay con chó con mới mua buổi sáng. Vô đạo thật? Chẳng biết rằng nó đoán là chủ nó định tống cổ nó, nên nó mới giở thói cầu-trệ định làm hại cho mà làm ăn xúi quẩy, hay nó cố tình làm mất trình chị đồng nghiệp sắp hót căng nó. Nhưng cứ xem cái đời tư của nó như thế, thì dù ông hàng xóm tôi có làm trạng sư bên vực nó kỳ cùng, tôi cũng kết luận rằng ở nhà quê này mà con Tóp cứ giở cái thủ đoạn ấy ra, thì có ngày chết mất mạng. Con chó Tóp được về nơi rộng rãi, lấy làm khoái lắm. Ngay lúc mới được thả xích ra, nó loăng quăng chạy hết đằng sau ra đằng trước, nhà dưới lên

nhà trên, hễ động có ai qua ngõ, là anh chàng chạy ngay ra chất vắn. Chẳng bù với khi còn ở ngoài tỉnh, cả ngày phải khoá miệng, có cất lên một vài tiếng để làm châu chay cho đỡ buồn, thì đã bị mắng chửi rầm rĩ.

Ở nhà quê được hít không khí trong sạch, được vận động luôn chân, lại được ông chủ cho ăn uống tử tế, nên Tóp ta mập mạp, trắng nõn, trông ra phết anh chị?

Ngày mới ở tỉnh về, nó hay hổng hách, thấy ai lạ cũng định gây sự. Nhưng từ hôm bị cái gậy đầu tiên của thằng Mỗ giáng vào lưng thì nó cũng lịch duyệt hơn một chút, không chơi đại nữa, bớt sự băng nhăng.

Thấy ai qua ngõ, nó chỉ gâu một tiếng xoàng gọi là tác oai, rồi cúp đuôi nhanh nhẩu chui tọt vào hàng rào, giữ thể thủ cần thận, mới dám thò đầu ra, trợn mắt, gờ nanh, gầm gừ cho đến khi người ta đi khuất.

Nhưng ở nơi thôn dã này, thì sự canh gác của nó chỉ cần có trong khi đêm tối, nên rồi nó cũng bắt chước ngay các đồng nghiệp nó, cả ngày nằm cuộn tròn ở công, gọi là chiếu lệ, rồi đánh một giấc ngủ dài cho tiêu thì giờ.

Nghề thế, nhàn cư vị bất thiện, nếu cứ ngày đánh hai bữa no phình bụng rồi “la siết” suốt cả buổi trưa thì cuộc đời tẻ ngắt, mà cái thanh niên cũng đến mòn mỏi đi mà thôi. Cho nên được độ nửa tháng, người ta đã thấy con Tóp đứng tụ họp ở ngã ba, với dăm bảy con chó quanh đây.

Cái tính chơi bời của nó nẩy nòi ra từ khi nó còn ở chốn ngàn năm văn vật, nay nó thấy một nơi mà bất cứ đức hay cái tụ bạ để làm chỗ hẹn hò, như bờ hồ Hoàn Kiếm, như trong cuộc chợ phiên của chúng ta, thì muốn chừng nó cũng chệnh nông nổi riêng nên cứ đứng giờ giấc là nó lững thững ra đó, để gạ gẫm giở trò trai gái. Mà trong cánh ấy, trông nó bột nhất! Ngày nào cũng vậy bộ lông trắng nuột như quần áo mới giặt là? Rành là nó ăn đứt tụi con cộc, con sòm, con vắn, con vện, trông nhà quê quá. Khoa tán gái chẳng hay nó học ai, mà nghe chừng mả lăm, chẳng thể những tiểu thư mặc khoác bộ áo nhung, tiểu thư đóm mặc hàng bom-bay, nó điều nước non được cả. Thì ra có bộ mã tốt bao giờ cũng vẫn dễ làm si tình, cho nên cái số đào hoa của anh công tử Tóp đã làm cho trong làng êu, nhiều tay phải phát tức!

Rồi chẳng bao lâu, con Tóp một tay chôn biết bao cảnh Phù-dung. Nhà nào có những chị mới nứt mắt ra là nó cũng đâm vào cho kỳ được. Dù lần đầu có cự tuyệt, nhưng đến lần thứ hai, hay lần thứ ba là cùng chị ả phải cảm ngay chàng có duyên ấy. Thế rồi nó rủ rê ngay ý trung nhân ra luỹ tre để chỉ non thề biển!

Nhiều người bắt gặp nó giờ cái mặt chó, ở ngoài đường lấy làm chướng mắt, đã giọt cho nó bao nhiêu phen nhưng chó đen giữ mực, nào nó có chữa. Đến nỗi chỉ một mình nó, mà trong ngót một tháng trời, bao nhiêu bạn gái trong xã hội mồm nhọn, nhất là bọn cấp-tiến đều bị hư, hoặc chữa hoang vó nó cả? Bơm thế đấy!

Cậu phong lưu công tử nổi tiếng trong áng nguyệt hoa hồi ấy, trác táng lắm mà không có thâm nhưng quá phụ để tầm bổ, cho nên đâm ra yếu ớt gầy gò. Đã nhiều bận, vì sự ghen tuông, nó bị những tình địch trong.eu giới đồng minh nhau cắn nó kịch liệt, có khi toạc đầu xẻ tai xuýt thành án mạng to. Nhưng giá như độ trước, hẳn nó lặn lưng vào một phen sống mái để giữ thể diện với gái. Nhưng độ này thì người anh em đành chịu tho, dần lòng tạm ly biệt mấy cô nhân ngãi mà cúp đuôi cắm cổ chạy một mạch về nhà, chui tọt vào gầm phản!

Nhưng mà đã có thói đa tình, thì dù có mắc bệnh gần chết cũng vẫn ngứa, cái đó chó cũng như người.

Kìa, vết thương hồ lạnh, người ta đã bắt gặp nó đi mò gái; mà lần này quái làm sao, nó đánh hơi biết ngay là trong nhà kia, mới có cô chó tây rất sộp! Con Tóp vừa thoát trộm liếc dung nhan của cô bạn mẫu quốc đã đâm ra mê đặc, chồn vờn ngay đến gần.

Muốn chừng nó cũng như ta, thấy món lạ thì thích nếm cho rộng kiến-văn, nên ngày nào nó cũng đến tán tỉnh hai ba dạo? Chẳng biết mắt xanh nàng có lọt chàng anh-đi-dền hay không nhưng dù có chim được mà cứ phải phỏ-mát hão huyền như thế thì thá gì, cho nên xin. chàng trước hết nghĩ đến vấn đề phụ nữ giải phóng.

Cô ả chó tây đây thật đáng gọi là một trang thiếu nữ tân thời, đủ làm cho chim sa cá lặn. Này, hươu cốt cách, vượn tinh thần, mà gấu ghen thua mồm, cọp hờn kém nanh, mỗi khi hoa gâu ngọc ửng, tiếng oanh như rung động, dây đàn tim của Tóp như oán như thanh. Không những thế, chiếc vòng da đeo quanh cổ, bộ lông nhẫy chết vào mình trông đặc Lemur, lại như tăng cái nét yêu kiều của tấm thân mơn mớn. Nói tóm lại, con chó tây đáng gọi là một đoá hoa khô, một ngôi sao sáng, khiến cho mỗi khi chàng Tóp loanh quanh ngửi ngửi bên chôn khuê cũi, cũng không muôn về nhà nữa. Rồi thế quái nào, chẳng biết ngôn ngữ của hai giống chó ấy có đồng hay không, nhưng chắc Tóp ta sinh trưởng ở đất Hà Nội, thì cũng nói được dăm ba tiếng bồi, nên đồng tây gặp nhau ngay.

Có một hôm, con Tóp cũng diện bộ cánh mọi khi đương bắt chước hệt như cái mốt ngoáy ba-toong công tử bột mà ngoe nguẩy cái đuôi, lượn xung quanh cũi nàng, thì có một đứa bé con ra phang cho một que củi vào lưng. Sợ xấu hổ với nhân ngãi, vả tức vì bị ngăn trở trong cuộc vui vẻ trẻ trung, Tóp ta ngoạm ngay cho một miếng vào đuôi thằng bé, rồi đi bài tẩu-mã. Đứa bé kêu rầm, cả nhà xô ra đuổi Tóp, nhưng không kịp. Thế là con Tóp có một một bọn thù nhân.

Họ bàn với nhau, rồi sẽ đánh Tóp chết, mà người anh em thì ketch, ba bốn hôm không dám thò mồm ra ngoài.

Nhưng ngọn lửa dục bao giờ cũng cướp hết ánh sáng của sự suy xét; người

cũng vậy mà chó cũng vậy. Rồi chắc rằng Tóp ta nhớ người yêu ở nơi cao tương kín cổng, suốt ngày bị cấm cung trong cửa buồng khuê. Ừ tội gì không lẽ cá đã cắn câu lại chịu vớt cần đó để phí hoài mất cái bỏ lạc, rồi đưa khác nó nước trước bể hoa thì đại hơn cày, cho nên anh ta lại mon men đến đứng ở bờ giậu nhìn vào để thăm tin tức. Khi títt mù nào thấy bóng hồng vào ra, anh ta mới lách qua hàng rào, có lẽ định bàn với cô em cái chúc xỏ lồng tháo cũi.

Nhưng mà khôn nạn cho con Tóp. Người ta biết tính quan viên mê gái hay liều, nên đã quyết với nhau rằng thế nào rồi Tóp ta cũng còn đến nữa: Vì vậy họ không thả con chó cái ra vội, để dùng kế mỹ-nhân, thì mới dử được con Tóp vào tròng để đánh chết.

Cái số con Tóp đến ngày hôm nay là hết, hẳn các ngài cũng đoán như vậy chứ gì! Phải, nhưng nó chết một cách thảm thiết, một cách đau đớn, khiến cho ai được mắt trông thấy cái phút sau cùng của đời nó, cũng phải rùng mình ghê sợ cái bả tình, cũng phải thương xót những con người đương đắm đuối trong bể ái.

Con Tóp nhìn trước nhìn sau, lững thững đến bên cạnh cũi. Khi nó tưởng rằng được bình yên như mọi ngày, nó bèn ngoe nguẩy đuôi như phát cờ thắng trận chạy xung quanh cũi như điên như cuồng, rít ầm lên rồi thò mõm vào hít lấy hít để. Nó hôn chán như thế rồi nó thè lưỡi ra liếm, liếm mặt, liếm lưng, liếm cả chỗ không đáng liếm. Con chó cái thấy tình lang ân ái hình như sóng tình cũng xiêu xiêu nên nằm yên. Con Tóp thừa cơ, tiến đến gần, cố chui lách cái đầu vào khe cũi Giữa lúc ấy, người ta thò dây thung thông lọng vào cổ nó và dòn buộc vào cột.

Nó không biết rằng đã mắc vào tròng, nó cứ tuân theo mệnh lệnh của nữ thần Vénus. Lách đầu vào khe không ăn thua, nó mới nhảy hai chân trước lên mặt cũi như lối mọi khi của nó. Nhưng cũng không thấy công hiệu gì, nó lại đành nằm ẹp xuống đất, liếm láp liếm để, rồi lại cố lấy đầu, muốn hảy cho đổ cái cũi.

Rành là nó muốn đập tiêu phòng để vớt người trầm luân. Nhưng sức nó không sao làm chuyện được cả cái cũi nặng trong nhót một con chó phốp pháp, nó đành chịu phép. Lúc này người ta thò dây vào hai chân trước nó, thắt chặt lại, và trói ghì ra đằng lưng. Lại cho con Tóp chẳng thấy cái tình thế nghiêm trọng, hình như nó chỉ nghĩ làm sao cho đạt tới mục đích là được cọ xát vào người yêu, còn ngoài ra, nó chẳng trông thấy, chẳng để ý cái gì cả.

Con chó cái ở trong cũi, thấy sự nguy hiểm, cắn rống lên mấy tiếng để ra hiệu cho bạn biết vụ bất bớ quan trọng, nhưng con Tóp thì như bị mù mắt, cứ rít, cứ liếm, cứ cố nhấc đầu lên cho vừa tầm. Thỉnh thoảng nó thấy vương víu khó chịu, thì cũng hực hực cựa cựa nhưng hể cái lưỡi nó còn được gần

bên hông con chó cái, thì nó lại yên ngay. Ấy thế rồi người ta cột nốt hai chân sau nó lại.

Bây giờ thì nó chỉ còn cựa cạy được cái đuôi và cái lưỡi mà thôi, mà thật là nó mê gái đến nỗi chết đến đít mà không biết? Chẳng thế, bị trói mất cựa mà đầu nó còn húc vào bẹn con kia, đuôi còn ve vẩy ra đáng khoái trí lắm. Con chó cái thấy tấn bị kịch bên cạnh, lồng lên và cắn rầm rầm, rồi cựa mình sang chỗ khác. Con Tóp cũng lẫn lộn theo đến gần, nhưng chân bị trói không đi được vậy mà nó mặc kệ, nó cố lê bằng bụng để được đến gần chỗ la liếm cho thỏa dục tình, rồi nó rít lên mấy tiếng đặc thắng!

Nếu ai chú ý nhìn cái chết của con Tóp mới thấy động tâm! Trói xong, người ta dốc ngược nó lên xà nhà nhưng ác quá, họ tình nghịch để cho cái, mõm nó vừa đúng với bạn gái nó...

Bị đau đớn, nó cũng cựa cạy, cũng giẫy giụa. Nhưng khi mắt nó trông thấy con chó cái, thì như nó lại quên hết mọi sự để cố chịu đựng nỗi khổ thống về vật chất mà ngoe nguẩy đuôi và thè dài lưỡi ra, làm cái việc sung sướng về tinh thần.

Lúc ấy, người ta bắt đầu xử tội nó. Người ta chằng hai đầu dây buộc cổ nó, thiết thật chặt lại cho nó mất cựa, rồi thò dao nhọn vào họng nó, cứa mấy nhát. Con Tóp ặc ặc kêu rú lên vài tiếng, tia máu vọt ra. Không hiểu nó có biết là sắp chết hay không, nhưng sau khi không còn hơi sức mà giẫy nữa, mà mắt nó vẫn chăm chăm vào con chó tây, lưỡi nó vẫn thè lè ra để liếm la liếm liếm, đuôi nó vẫn vẩy nhanh nhẩu như thường.

Nhưng chỉ được vài phút như thế, rồi mắt nó đờ đi đuôi nó yếu đi, lưỡi nó cố thò dài ra mà liếm cả vào thanh cũi. Rồi dần dần, như chiếc đồng hồ hết giây đuôi nó không vẩy được nữa, oặt lả xuống, mắt nó hết tinh thần, nhưng chỉ còn có cái lưỡi là vẫn còn ít tinh lực sau cùng, thấy đưa đi đưa lại được đến năm sáu cái nữa mới im hẳn.

- Thế là con Tóp hy sinh tính mệnh để thờ phụng ái tình, vậy mà đã chắc gì nó biết là nó đã chết. Nhưng chó chết hết truyện...

17 Aout 1993

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Anh xẩm

Từ chiều, lại bắt đầu trở rét.

Gió.

Mưa.

Não nùng.

Đường vắng ngắt. Chưa đến 8 giờ mà đường đã vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá. Lại thỉnh thoảng một người đi lén dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng. Thật là cả một đụn vải chỉ hờ có cái mặt. Trên đầu một cái mũ trùm hum xuống đến mi, quanh cổ, một cuộn khăn len dây cộm.

Rời áo, quần, giày, bít tất, găng tay, có bao nhiêu thứ để chống nhau với rét, đều quện cả vào người xù xù.

Mưa như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lơ mờ trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đầm lệ rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bông nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Gió giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấm buốt đến tận xương.

Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng một giọng hát ảo não xen lẫn vào tiếng gió.

Hội Chùa Thầy anh em ơi còn đương lúc đua chen,

Hễ nhanh chân thì tới, chứ vơn hèn thì í xa.

Dưới mái hàng nước đầu ngã ba, một anh xẩm đương lắc lư, ngêu cổ lên mà hát.

Anh ngồi trên manh chiếu, trước cái xoong sắt tây thủng, một đùi ghếch lên mặt đàn. Tay nắm cần, tay bật dây, anh uốn cung đàn trầm bổng theo tiếng hát khàn khàn. Cái mũ dạ, trơn từ đỉnh đến rìa, mềm oặt theo khuôn đầu, che cho anh khỏi lạnh gáy. Nhưng cái áo tây vàng rộng thùng thình không giữ nổi hơi rét cắt da. Mặt anh xám lại.

Hết bài xâm chợ, anh quay ra cải lương. Anh ngâm:

Hai năm i i mới rõ la à mười i,

Hể mà hai sáu ú ú, tôi i thời mười i hai ai...

Mà chứ tôi cảm tạ các à ngài...

Điều hành vân bắt đầu.

Anh ngửa đầu, dùm gân mặt, há mồm ra mà hát. Tiếng đàn từng tưng hoà theo, lúc khoan, lúc nhặt.

- Nào các ông các bà cho nhà cháu kiểm bữa.

Anh nhăn răng ra cười.

Nhưng mà...

Gió vẫn giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Ho lạnh thấm buốt đến tận xương. Cây và cột đèn rú lên.

Mưa vẫn như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lơ mờ, trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đầm lệt, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đương bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vẫn vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bụng, lép nhép, chạy uể oải, tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá lại thỉnh thoảng một người đi lén dưới mái hiên, run rầy, vội vàng.

Thế mà anh xâm vẫn hát. Anh kẻ sa mạc:

Mà chứ anh khoá ơi, em tiễn chân anh xuống tận bến tàu,

Hai tay sém xách cái khăn giầu em lấy đưa anh.

Và đến Ma-đơ lông:

Là bá i a phố rrê.

Thau anh vẫn không một tiếng vang động. Một xu cũng chẳng có. Một chinh to cũng chẳng có. Một chinh con cũng chẳng có. Anh càng hết sức để hát, để đàn, và để... không ai nghe.

Bởi vì...

Đường càng vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bụng, lép nhép chạy uể oải, lại thỉnh thoảng một người đi lén dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Bởi vì...

Mưa càng như rây bột, như chằng lưới. Phố xá lò mờ trắng xoá. Xung quanh ngọn lửa điện đầm lệt, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Bởi vì...

Gió vẫn giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấu buốt đến xương. Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng anh xầm có trông thấy đâu cảnh ấy.

Anh lại nói:

- Các ông các bà bớt chút ít cho cháu kiếm bữa gạo.

Ông nào? Bà nào? Quanh anh nào có ai?

Song anh vẫn cứ hát, hát một mình.

Anh, anh cùng em, có giờ có giờ xui khiến

Cho chúng ta dịp này.

Rồi lại kể chuyện Sài Gòn:

Anh tiếc cho cô mình mơn mớn đương tơ,

Buồng không lạnh ngắt đương chờ đợi ai.

Và thỉnh thoảng lại giục:

- Các ông các bà thương kẻ khó, các ông các bà ơi.

Anh tưởng đông người đứng nghe lắm.

Chứ biết đâu, xung quanh anh, gió giạt từng hồi, lá vàng trút xuống mặt đường, lẫn theo nhau rào rào.

Mưa như rây bột, như chăng lưới. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vắng ngắt. Thỉnh thoảng những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải. Lại thỉnh thoảng, một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Anh cứ hát. Hết sức hát. Gò ngực mà hát. Há miệng to mà hát. Hát như con cóc kêu thương.

Ông giăng lên cao, ông giăng xuống thấp, ông giăng lẫn bóng chuối, chứ ông giăng lại i a mờ.

Và khi đã đến hết tất cả các bài anh thuộc, anh ngồi im lặng để chờ và để nghe. Sau hết, sờ tay vào lòng thau không để vết.

Rồi anh run cầm cập, xếp thau, ôm đàn cuộn chiếu, cầm gậy, đứng dậy, thông thả lần lối đi.

Gió.

Mưa...

Não nung.
1936

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Bà chủ mất trộm

Bà chủ là một me tây đủ cung cách. Nghĩa là bà cũng có một đôi má chây, một cái mồm đỏ, một hòm khăn châu áo ngự, và một thằng bếp đẹp trai. Bà lại còn có cái kèn hát chạy điện, cả ngày vô tình làm phúc cho hàng xóm được nghe nhờ, từ điệu nhảy đầm đến bài niệm Phật.

Bà đã ngoại tứ tuần, mà xuân sắc chưa hề giảm bớt.

Vì nhờ có đôi giày cao gót, bà hãy còn đủ cả đằng trước lẫn đằng sau.

Tuy vậy, từ ngày quan Chủ về quê quốc, không sang nữa, thì bà nhất định căm cung, “mét-xì” cả đánh chán và đi xem chiếu bóng. Bà thay hai thứ tiêu khiển ấy bằng quyển truyện và cái kèn hát. Vậy nên bà bảo:

- Thế mới biết Tây người ta nói “phú quý sinh chữ nghĩa” là phải. Chẳng giấu gì ông, từ ngày đánh bạn với quan nhà tôi, tôi mới được học. Thành ra bây giờ sách tây, sách tàu, tôi đã được xem qua. Nhưng tôi suy nghĩ, không quyển nào có giá trị bằng bộ La Thông Tảo Bắc.

Rồi bà móc trong tủ chè, lấy ra một chồng sách. Hay nói cho đúng, một vật làm bằng giấy, có trộn lẫn mùi mồ hôi và phấn hồng.

Bà đóng kín những năm còn lại vào một gian nhà có trần song sắt, có chuông bấm và có cổng hậu.

Cả phố, ai cũng phục bà là người chân tu. Vì ngoài ngày rằm, mùng một, bà đi lễ, đồ ai còn gặp mặt bà ở đường.

Những người biết rõ bà, thì lại khen cách khác:

- Thực là đàn bà hiếm có, quảng giao mà tháo vát đủ việc.

Bà đã bảo lập cái điện ngay trên gác nhà bà. Nhất là thời thường, dăm bảy ông Tây, bà đàm đến dự tiệc khi về, ai cũng tươi cười, bắt tay, cảm ơn bà rất vui vẻ

Một người như thế, ai chẳng kính nể?

Thế mà một buổi sáng về mùa đông, người ta thấy hàng phố xúm đông đồ trước nhà bà, kiềng chân, há mồm, cổ dòm vào. Ông đội sếp vút lia lịa.

Thì ra bà bị mẻ trộm to, mới hồi năm giờ rưỡi.

Cảnh sát, mật thám tức tốc tới nơi. Nhưng quân gian chỉ còn để lại có sự mất tiền.

Các nhà chuyên trách khám xong, bước một chân lên ô-tô, còn quay lại an ủi:

- Bà cứ yên tâm. Việc ai, chứ việc bà, thì chúng tôi xin cam đoan trong một

tuần lễ sẽ bắt được thủ phạm. Rồi bà muốn trị tội nó bao nhiêu năm, quan toà cũng chiều ý.

Bà cảm ơn bằng một nụ cười héo hắt, xanh nhợt hàm tiếu trên cặp môi chưa kịp bôi sáp.

Ai thấy bà lúc ấy mà chả ái ngại. Nhất là bao nhiêu sự lo lắng, sự sợ hãi lộ cả trên bộ mặt trần truồng, thì đến những quả tim sắt đá cũng phải rung chuyển.

Bà đã tưởng mang những đức tính hiền hoà, thờ chồng trong khi xa vắng để mà mua chuộc lòng người cho số bạc trong tú kết được yên nghỉ. Ai ngờ nghĩ một đằng, đi một nẻo. Bà mới biết lời quan ông thường nói khi trước là chí lý:

- Giống An-nam là giống nói dối và ăn cắp. Mà không nên tin ai, nhất là đối với những kẻ đầy tớ, càng nên cẩn thận.

Vì thế, đến buổi trưa, mấy chức vụ đến xích tay một xóc người An-nam: Thăng ở, con đòi. Tuốt, tuốt.

Một chuỗi phóng viên chực sẵn ở cửa, nhìn bọn kia bị bắt bằng con mắt khinh bỉ, ti hí trong cặp kính trắng có lẽ là cận thị. Vì không được phỏng vấn bà, bọn ấy đành chịu điều tra, cốp nhặt đó đây một vài tin tức. Rồi lên mặt ông quan toà cao đoán, và nhà tù thiện cao tay theo thói quen, họ viết một bài bốn cột, mà văn chương có giá trị hơn sự thực. Cuối bài, độc giả còn được tráng miệng bằng đoạn buộc tội, và đoạn luân lý thết không:

- Một người đàn bà phúc hậu, hiền từ như cụ Chủ mà bị mất trộm, thì ai không ái ngại và tức cho bọn đầy tớ bất lương, đồng đảng với kẻ gian phi.

Một lễ các cửa ngõ nhà đều đóng kín nguyên, duy có số bạc hơn một nghìn và chiếc nhẫn kim cương trong nhà không cánh mà bay, cũng đủ để khép lũ ong sống trong tay áo vào tội nặng được.

Ôi! Tiện đây xin nhắc nhở bà con thành phố ta, từ nay có nuôi người nhà đầy tớ thì nên xem xét tông tích cho cẩn thận.

Nhưng chẳng bao lâu thủ phạm và đồng phạm sẽ cùng nhau đọc kinh sám hối trong nhà pha. Lưới pháp luật chẳng dễ thoát bao giờ.

Chính thế. Lưới pháp luật có hở mắt đâu, nên bọn phạm tội biết lách chỗ nào mà ra khỏi? Cho đến người lương thiện lỡ sa phải cũng khó lòng lọt được nữa là bọn đầy tớ cố nghênh cổ, dài môi, để kêu oan. Song ai dại gì mà tin chúng. Hễ chính thủ phạm bị bắt, thì sẽ biết trắng đen. Trong khi đợi thuyền chài chằng lưới kéo lưới, thì chúng cứ việc chịu khó nằm yên trong buồng rệp.

Ba tháng đã qua.

Màn bí mật vẫn đóng kín, lấp những việc tà khuất bên trong. Con mắt những nhà trinh thám vẫn mãi mãi trên cổ tổ tôm hoặc trên các mặt phản, nhưng cũng không đủ sức để nom thấu.

Vì rằng muốn mở chiếc màn đó, chẳng nên hấp tấp cứ từ từ kiểm lấy cái chìa khoá, khe khẽ cho vào ổ, rồi vặn. Chỉ một chốc, là trong bóng tối, trên thảm nhung ta im lặng mà xem sự thực bày ra trước mắt.

Nhưng cái chìa khoá quý hoá kia, kiếm đâu ra?

Có người thì thảo:

- Nó ở trong túi bà ấy. Bà có quyền dùng nó, như dùng cái chìa khoá kết của bà.

- Nhưng nào bà có hớ hênh mà dùng đến nó?

Vì trước cái buổi sáng nặng nề mùa đông kia, bà có khách. Một ông khách người làng, bà bảo thế, trẻ tuổi vạm vỡ, mặc quần áo tây, được bà tiếp đón rất long trọng.

Trong nhà, đèn lửa sáng choang, kẻ hầu người hạ tha hồ mà bận rộn, mà lập công, mà ăn bột, mà ăn vụng và phải mắng.:

- Chả mấy khi, tủ “ích-phê” mở cửa, bao tiền mở miệng, tội gì chẳng hưởng chút thừa thãi của bữa tiệc vui mừng.

Chủ khách trò chuyện, nói cười ở nhà trên, thì ở nhà dưới, câu trao đi, lời đáp lại, cũng chẳng kém.

Chín giờ: Hơi men đã nồng. Tình “thiên lý tha hương ngộ cố tri” như một cái dây kéo hai chiếc ghế đối diện sang một phía. Tiếng nói khẽ dần, hai đầu phải châu vào nhau mới đủ nghe thấy.

Mười giờ: Cuộc rượu đã tàn. Dây thân ái thắt chặt thêm một vòng, kéo cả một chân khách lên đùi già nẫu của chủ. Tiếng nói không thấy nữa, nhưng bốn mắt nhìn nhau: Sự im lặng còn nói nhiều gấp mấy.

Mười một giờ: Ngọn đèn mờ tỏ, gió động bức màn tuyền.

Chủ khách bấy lâu khát khao gặp mặt, chẳng lẽ bỏ phí thì giờ. Mà cái dây kia cứ thít mãi, cứ thít mãi. Thì chẳng mấy chốc, giữa cái lạng lẽ thiêng liêng của ban đêm, hai tấm thân một già một trẻ, lẫn lộn với nhau như một...

Con chuột rúc. Con mối chếp môi. Chúng cũng muốn hưởng cái thú vị của bóng tối.

Nhà dưới, vú già, anh bếp, thằng xê, con sen, hồn thơ lai láng, to nhỏ câu chuyện mùi soa lựa, thất lưng sôi.

Rồi, khoảng đêm trường như miếng vải đen, đây kín lấy từng ấy phiền thít...

Nghe đời, tức nước thường vỡ bờ, hay nói nôm, cái dây bền đến đâu, bị co

lắm cũng phải đứt.

Cho đến cái dây mạnh mẽ, vô hình, buộc những người trong nhà bà Chủ, đôi một vào nhau, đến năm giờ sáng cũng phải đứt phụt?

Thằng xe mở mắt. Con sen đã biến đâu rồi.

Anh bếp choàng tỉnh. Vú già chẳng thấy đấy nữa.

Bà chủ tỉnh giấc mơ màng, chỉ thấy mình trên đệm mà cạnh mình, hoạ chăng còn lại vết trứng, ghi tích của một xác thịt nằm bên.

Như ngày thường, bà đưa mắt nhìn ra tử kết. Thì chao ôi! Bà thấy nó há hốc mồm ra, hãy còn tỏ vẻ ngạc nhiên, vì không phải bàn tay quen mở nó.

Tính bà điềm đậm, chẳng la ó om sòm, chỉ lẳng lặng lên sở mật thám, xin người đến làm biên bản một vụ trộm quan trọng.

2-1934

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Bà lái đò

Chúng tôi tới một bờ sông và phải qua con sông khá rộng ấy. Chà, chúng tôi thử phào một hơi khoan khoái: Chúng tôi sẽ được nghỉ ngơi trên thuyền. Một người đàn bà ngoại bốn mươi, ngồi cạnh một thằng bé chừng tám chín tuổi, hướng mặt ra sông, đang vót tre bằng con dao nhọn.

Thấy tiếng động, người ấy quay nhìn chúng tôi và có ý hốt hải, thu xếp các thứ rồi một tay cầm dao, một tay dắt con, nhảy xuống thuyền. Bà ta lay nhỏ vôi vàng cái sào cắm chặt vào bùn, rồi đẩy mạnh chiếc thuyền nan.

Con thuyền chòng mũi lên trời, vỗ sóng đành đập, nhảy chồm ra xa. Nhưng không hiểu sao tự nhiên nó quay lại ghé vào bờ.

Đồng chí Việt Nam muốn chừng hiểu ý, nói:

- Bà cho chúng tôi sang sông với chứ. Sáu người chở không nặng lắm đâu.
- Vâng, cháu ghé vào chỗ khô để các ông khỏi lấm giày.

Chúng tôi xuống thuyền, ngồi thẳng bằng thì thuyền quay mũi. Chúng tôi đuổi chân cho đỡ mỏi, rồi lấy thuốc lá ra hút. Chúng tôi nói chuyện với nhau về các khúc sông bên châu Âu. Gió hiu hiu lướt trên da chúng tôi mát rượi. Sóng phản ánh vàng, mặt nước chói như gương. Quá nửa bên này, yên lặng, thuyền tới chỗ chảy xiết.

Chúng tôi phải vịn vào nhau để ngồi cho vững. Bỗng tự nhiên con thuyền chòng chành, đảo lộn đi, hất thằng bé con xuống nước. Đồng thời chúng tôi nghe tiếng bùng bực: người đàn bà tay cầm con dao nhọn đang xĩa đâm nát cả phía lái.

Nước ủa vào và trong khoảnh khắc, cả chúng tôi băng ra giữa dòng. Trước thế nguy, chúng tôi giữ bình tĩnh.

- Anh em! Phải cứu lấy đàn bà và trẻ con!

Lệnh đưa ra, chúng tôi hết sức.

Chúng tôi chống nhau với sóng, với xoáy, để đuổi kịp những cái đầu lúc nhô lên, lúc thụt xuống, theo đà nước đỏ ngầu.

Anh Bảo - tên Việt Nam của đồng chí Đức - đã nhanh tay ôm được thằng bé và cống nó vào bờ.

Còn chúng tôi đuổi theo người mẹ. Nhưng hễ nắm được cánh tay, thì người đàn bà quái gở ấy lại giãy giụa, hình như muốn chạy trốn.

Nhưng không thể. Chúng tôi phải cứu. Và sau hết, bà ta cũng được diu vào bờ. Chúng tôi đặt hai mẹ con nằm trên cỏ, xúm lại chữa. Cả hai người đã nôn ra được nhiều nước và đã thở được đều.

Chừng nửa giờ sau, bà lái đò mới mở đôi mắt mệt nhọc nhìn chúng tôi, thờ dài, nhắm mắt lại. Biết rằng bà ta đã tỉnh, đồng chí Việt Nam hỏi:

- Tại làm sao bà nữ xử với chúng tôi như thế?
- Họ là người Pháp, chúng tôi không chớ cho giặc!

Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau. Đồng chí Việt Nam mỉm cười:

- Các đồng chí này không phải là người Pháp mà người châu Âu, giúp Chính phủ ta đánh Pháp đấy bà!

Bà lái đò uể oải nhìn chúng tôi một lượt, rồi không hiểu bà ta có tin hay không, lại thấy bà ta nhắm mắt như trước.

- Thế nếu các đồng chí này là người Pháp, sao bà còn để xuống thuyền?
- Tôi cũng tính chạy, nhưng sau sự nghĩ ra là các ông có súng, không để các ông xuống cũng chết. Đàng nào cũng chết, thà tôi chết mà giết được tất cả có hơn không?

Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau. Đồng chí Việt Nam lắc đầu hỏi:

- Nhà bà ở đâu?

- Tôi không có nhà, chỉ có chiếc thuyền ấy.
- Thế gia đình bà có những ai? Chúng tôi muốn vào thăm.
- Tôi goá, chỉ có một thằng bé.

Bà thở mắt ra nhìn con, rồi quờ tay sờ trán và ngực nó.
(Thuật theo lời một đồng chí Tiệp Khắc tháng 8-1948)

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Biểu tình

Ông huyện nghe nói thế, nên vừa và được một miếng cơm, ông giật mình, vội bỏ bát xuống bàn, hỏi dồn:

- Đích thực à?

Thám tử chấp tay, đáp:

- Lạy quan lớn, đích lắm. Con phải giả dạng làm người buôn cau, luồn quần trong làng mất bốn hôm, khôn khéo lắm mới dò nổi tin này, mới dám về trình quan lớn.

- Thế lý trưởng không biết một tý gì về làng nó sắp có cuộc tụ họp khả nghi à?

- Dạ, chắc rằng thế. Mà dễ thường nó còn về hòa với dân nữa.

Ông huyện ngẫm nghĩ, nói một mình:

- Quái, bây giờ thì làm gì mà cũng những nhiều thế nhỉ.

- Lạy quan lớn, con không rõ, nhưng đích rằng ba giờ chiều nay, thế nào ở làng Cao Hạ cũng có ít ra là hai trăm người, có cả khí giới.

Ông huyện không nói gì, ông liếc mắt lên tường, nhìn đồng hồ. Rồi ăn nốt bát ấy, ông đứng dậy, vừa đi rửa mặt, vừa bảo người lính hầu cơm:

- Gọi tài-xế sắp xe, tao ra tỉnh mau?

Người thám tử biết tính quan thầy vốn nhanh nhẩu, bèn rút sẵn chén nước và đặt cái tắm ngang đĩa, để ở bàn.

Ông huyện rửa mặt xong, uống quàng chén nước, rồi mặc áo, chụp khăn. Và trong khi ông ngồi trên ghế để gài khuy và cạo râu, thì thám tử lom khom xỏ đôi giày tây vào chân ông và buộc dây hộ.

Mọi việc làm rất nhanh nhẹn, ông huyện ngậm tăm, bước ra hè, để lên xe ô-tô.

Bữa sáng nay, ông chỉ ăn có mỗi một bát cơm. Ông vất vả như vậy, vì thì giờ cấp bách quá. Ba giờ chiều nay, dân làng Cao Hạ làm biểu tình, ông phải lên ngay tỉnh trình quan sứ. Trách nhiệm của ông bắt ông phải làm thế, tuy ông chưa rõ nguyên nhân vì đâu có vụ làm rối cuộc trị an này. Ông tin những thám tử của ông. Xưa nay họ đã giúp ông rất đắc lực.

Chiếc ô-tô tung bụi đi khỏi khúc đường đá hẹp thì đến quãng đường nhựa. Nó chạy hết tốc lực, để cho ông huyện được giáp quan chủ tỉnh trước khi ông này nghỉ giấc trưa.

Thì may quá, lúc xe đến cổng toà, tuy đã hơn mười hai giờ, nhưng ông Sứ vẫn còn ngồi ở buồng giấy.

Được lệnh trên, ông huyện ở toà sứ ra, tức tốc sang trại lính khố xanh. Ông đưa danh thiếp và phong thư của ông Sứ cho người nhà ông Giám binh. Lập tức, ông này mời ông vào buồng khách để bàn việc.

- Tôi sẽ cho ngay mười tay súng về làng Cao Hạ.

Ông Giám binh nói xong, lấy giấy bút để viết.

Nhưng ông huyện lo lắng, hỏi:

- Vậy ông không về tận nơi?

Ngần ngừ, ông Giám binh đáp:

- Chiều hôm nay, tôi bận tuyển lính mới, chắc rằng không có thì giờ đi được. Mười người lính của tôi sẽ dưới quyền chỉ huy của ông, tuy ông sai bảo họ.

- Nhưng ông nên đến tận nơi, vì cuộc biểu tình này có lẽ to. Làng Cao Hạ vốn xưa nay là một làng có nhiều dân bướng bỉnh. Và lại quan Sứ có hẹn tôi rằng chính ngài sẽ thân hành về.

- Ngài thân hành về?

- Phải, vào độ khoảng 4 giờ chiều. Vì chắc lúc ấy cuộc đàn áp đã xong. Ngài sẽ hiểu dụ cho dân rằng sự làm rối trật tự chỉ có hại cho công cuộc mở mang của Nhà nước.

Ông Giám binh nghĩ ngợi, rồi đáp:

- Vậy thì tôi cũng phải về, mà về trước ngài mới được. Lính tôi sẽ đi xe đạp ngay bây giờ, chừng độ hơn hai giờ thì tới. Còn tôi, độ khoảng ba giờ, tôi sẽ có mặt tại đó

Ông huyện vui vẻ:

- Vâng, thực là may cho tôi. Vì tôi chỉ quen cai trị dân trong lúc bình yên, chứ chưa hề sai lính tráng khi có những việc nghiêm trọng như thế này bao giờ.

- Nhưng ông cũng phải cả mười tên lính cơ của ông, đến giờ ấy về làng Cao Hạ hợp sức với lính của tôi.

- Vâng, việc ấy dĩ nhiên. Chúng nó sẽ chờ lệnh ông.

Từ lúc ấy, ông huyện mới được yên tâm. Ngồi trên xe về nhà, ông mỉm cười, bảo thám tử:

- Đấy đứng ngoài vòng, chúng nó tưởng làm ông quan thì chỉ việc ngồi một chỗ để ăn tiền dân, chứ chúng nó biết đâu những lúc này, cơm chả kịp ăn, mà lại lo sốt vó. Nếu không được quan Sứ và quan Giám giúp tao, thì tao

không biết xoay ra làm sao.

- Lay quan lớn, con sợ việc này quan Giám lại chia công với quan lớn.

Ông huyện lắc đầu, cười:

- Không đời nào. Tao trình quan Sứ, tức là công của tao đầu tiên. Quan Giám đến đây, chẳng qua chỉ là vì tuân lệnh quan Sứ, đi giúp việc tao mà thôi. Vì nếu không có tao đi báo, thì quan Giám tự nhiên có biết làng Cao Hạ có cuộc biểu tình mà cho lính về hay không? Vả lại chính tao phải giục, thì ông ấy mới thân hành về, chứ bằng không, người ta thiết kếch gì.

Người thám tử gãi tai, xun xoe nói:

- Lay quan lớn, con hầu hạ quan lớn...

Ông huyện hiểu ý, gật đầu:

- Đã tao đã trình quan Sứ rằng tin này là do mày báo cho tao. Tao đã bẩm chuyện mày với ngài, ngài có hẹn sẽ tư thưởng cho mày.

Thám tử vui sướng:

- Lay quan lớn, quan lớn thương xin chò con cái cữu phẩm.

- Được. Tao đã bẩm với quan Sứ rồi. Ngài hứa thế nào cũng lưu tâm đến mày. Nghĩa là khi ngài định tư cho tao, tất thế nào cũng hỏi tao xem những ai cũng có công trong việc này. Lúc ấy, tao sẽ bẩm cho.

- Dạ, đội ơn quan lớn.

Một lát, ông huyện hỏi:

- Đi xe đạp hết sức từ tỉnh về Cao Hạ hết độ bao nhiêu lâu?

- Bẩm chừng hai giờ đồng hồ.

Ông huyện lăm bẩm:

- Bây giờ đã một giờ. Vậy đến ba giờ họ mới tới. Thế thì chúng nó đang biểu tình. Chậm quá nhỉ.

- Bẩm ai ạ.

- Lính khố xanh của ông Giám binh.

- Lay quan lớn, như thế càng may. Con sợ các quan và lính về trước lúc ba giờ thì dân họ sợ, không dám tụ họp nữa. Con thiết nghĩ việc đàn áp đã có quan Giám binh và lính tỉnh, thì sự khó nhọc về phần họ chịu cả cho quan lớn rồi. Vậy dù có gây ra cuộc đổ máu, quan lớn cũng không phải khó nhọc. Cứ như con, con chỉ mong cho việc to thêm ra, vì việc càng to bao nhiêu, công quan lớn càng lớn bấy nhiêu.

Ông huyện gật gù, mỉm cười:

- Có lẽ!

Thám tử thấy đắc lực, bàn thêm:

- Bẩm quan lớn, xin phép quan lớn cho con đi về Cao Hạ trước, đứng đón lính tỉnh ở đường đồng, không cho họ vào làng vội. Vì con sợ người làng biết, thì họ tan, không dám tụ họp mất.

- Được, tao sai lính cơ huyện đứng đón họ ở ngay đầu cánh đồng.

- Dạ, nhưng lính cơ nhà, xin quan lớn bắt ăn mặc quần áo nâu cả. Nếu dân trông thấy quần áo vàng, họ cũng có thể đoán được. Nếu lính vụng, để tan mất cuộc biểu tình, thực là công quan lớn là công không.
 - Được tao dặn cai cơ cẩn thận. Mà tao bảo cai cơ dẫn lính đi quanh lên làng Đa Văn rồi hãy về làng Cao Hạ. Như vậy thực là kín đáo.
 - Lạy quan lớn, độ mấy giờ thì quan lớn vào làng Cao Hạ?
 - Chừng nào quan giám tới. Tao cùng vào với quan Giám và hai đội lính.
 - Vâng, quan lớn cứ đóng ở đình làng Đa Văn, đã có chúng con đi do thám và trình báo.
 - Mày phải làm thế nào cứ độ mười lăm phút, cho tao một tin mới.
 - Dạ, con xin tuân lệnh. Làng Cao Hạ họ quen mặt con, nhưng họ vẫn cứ tưởng con đi buôn cau, không ai ngờ con cả. Con xin quan lớn cho con ba người lính phụ, cũng ăn mặc giả vờ như phường buôn, đi với con, để rồi đem tin về hầu quan lớn cho tiện.
 - Được, cốt mày làm được việc.
- Xe ô-tô quanh vào cổng huyện, và đỗ trước công đường.

Ông huyện vào buồng giấy, lập tức sai gọi cai cơ, đội lệ cắt đặt công việc. Rồi nhìn giờ, ông thấy vẫn còn sớm, bèn để cả khăn áo lẫn giấy tây, ngả lưng trên giường nằm yên một lát.

Làng Cao Hạ là một làng đông dân cư. Nó ở vào một khoảng đất rộng rãi, theo dọc bờ một khúc sông khá to, nước trong vắt. Một con đường thẳng thang nối với những làng bên cạnh. Con đường ấy, cả ngày tấp nập kẻ qua người lại, vì nó lại ăn thông với một bên chợ Đống Đa và một bên là chợ Mới. Hai chợ ấy ngày nào cũng có phiên.

Nhân dân cả một vùng gần đó, hàng ngày đến họp chợ, đều phải qua làng Cao Hạ mới đi tới được.

Bởi ở vào một nơi có địa thế dễ làm ăn, nên ba phần tư dân Cao Hạ sống về nghề buôn bán. Bên sông ngay trước cửa đình, mà mùa hè, hoa phượng đỏ ối nặng trĩu đầu cành rủ xuống soi gương trên làn nước xanh biếc, lúc nào cũng có giã ba con thuyền từ các nơi xa đến cắm sào, bán những hàng hoá họ có thừa và buôn những thức họ chưa có. Các bà đàn bà trong làng, ngày nào cũng vậy, dậy từ lúc tinh sương. Mùa hè nóng như thiêu, cũng như mùa đông rét như cắt, khi mờ điểm tan canh đồ hời, trong các bếp đã thấy ngọn lửa vàng lập loè và trên mái đã tía ra những dòng khói lam ẻo lả. Họ thổi cơm, nấu nước, và ăn xong, người nào người nấy gánh vôi đôi bò đi chợ kéo trưa. Và trong khi ấy, đàn ông đã vai vác cây, tay xách mồi, lững thững theo trâu ra đồng đổi mồi hôi lấy bát cơm.

Họ đi vắng như vậy, đến tận lúc mặt trời bắt đầu ngả về tây mới trở về. Vợ

đến nhà trước thì chạy quanh ra đồng dắt trâu cho chồng. Chồng đến nhà trước thì đón gánh hàng cho vợ. Từ lúc ấy, trong làng Cao Hạ, sự hoạt động mới trở về cùng với người. Ngọn lửa lại bắt đầu cháy trong bếp và tia khói lại bắt đầu ủ ấp lấy mái rơm. Người ta thổi cơm, tắm giặt cho con cái, rồi làm nốt công việc đồng áng ở sân gạch, hoặc đi đòi nợ hay lấy lại một vài thứ hàng cần bán ngày hôm sau.

Từ hai ba giờ chiều trở đi, đường làng Cao Hạ đã đông lại càng đông. Và độ bốn năm giờ, người ta ra sân đình, ngồi chơi mát. Họ đem những chuyện đồn đến tai hoặc có lý hoặc vô lý đã nhặt được đó đây, để nói, làm dậy lên những tiếng cười rộn ràng. Cho mãi tới lúc nhọ mặt người, họ mới đứng dậy về nhà, đánh một giấc ngủ ngon, để sáng hôm sau dậy, lại làm công việc như những hôm trước.

Cả một làng, từ người lớn đến trẻ con, từ đàn ông đến đàn bà, quanh năm chỉ biết một việc mưu sống, thì bỗng nay đến tai quan trên có một cuộc tụ họp lớn, dân làm biểu tình, có cả khí giới. Thế thì làng ấy sẽ trông thấy sự trừng phạt gớm ghê của hai mươi tay lính súng, của quan Giám binh và quan Huyện có trách nhiệm coi giữ cuộc trị an.

- Lạy quan lớn, chẳng có biểu tình gì cả.

Nghe người thám tử nói, ông Huyện tái mét mặt, hỏi dồn:

- Không có biểu tình, thế thì làm thế nào?

Người thám tử gãi tai, ấp úng:

- Lạy quan lớn tha tội cho con, không phải con dám trình bày, nhưng thực ra là con phải lừa. Người ta thấy con được việc nên thù mà nghĩ kế này để quan lớn không tin gì con nữa.

Ông huyện không đáp. Ông lo hơn là giận. Ông mở đồng hồ ra coi: đã quá hai giờ rưỡi. Người thám tử thấy ông không nói năng gì thì càng sợ. Nhất là hẳn lại thấy cách ông ăn mặc gọn gàng, lối quan binh. Ông đã bỏ lối y phục bệ vệ ngày thường. Khăn nhiều, áo sa, thẻ bài, giày ban, tất cả những thứ chỉ lợi cho ông quan khi được bình tĩnh ngồi giữa ông đường để hứng lấy sự khúm núm của dân đen. Chứ đến khi trong hạt phải lúc đa sự như hôm nay, thì ông phải đội mũ, mặc áo vàng, quần cụt ống và giày da dầu, bụng thắt dây súng lục và vai đem súng trường. Ông ăn mặc như một vị quan võ vì công việc ông phải dùng võ lực bên cạnh hai chục người nhà binh, bên cạnh một ông quan binh, và bên cạnh một ông chủ tỉnh chắc rằng không thích ông lượt lượt. Ông Huyện đã nghĩ cách thay đổi về hình thức để người trên vừa lòng và yên trí ông sẵn sàng chịu đựng sự vất vả để cố làm tốt bốn phận trị an. Sự miễn cán ấy hẳn đem cho ông một phần thưởng xứng đáng. Thế mà

nay vì không do thám kỹ lưỡng, người thám tử báo cho ông một tin bậy hẵn tội anh ta tày đình. Vì vậy, anh ta sợ:

- Lạy quan lớn, con trăm tội với quan lớn.

Ông Huyện phát câu:

- Bây giờ ông Giám binh gần đến nơi rồi.

- Dạ, lạy quan lớn.

- Mà chốc nữa quan Sứ cũng đến.

Người thám tử run lấy bầy. Ông Huyện nghiêng răng, nói tiếp:

- Mày hại tao. Mày giết tao. Tao biết nói thế nào bây giờ?

Người thám tử nhăn nhó như sắp mếu:

- Lạy quan lớn, con nào dám có bụng hại quan lớn. Con mà phản thầy như thế, xin quan lớn cứ cho con một phát đạn, con chết không dám oán hận một điều gì. Quan lớn thương hại con. Thực là con phải lừa người ta.

- Thành ra tao mang tiếng lừa quan Sứ, lừa quan Giám binh. Chốc nữa tao nói thế nào được.

Người thám tử chỉ gãi tai và quả quyết thưa:

- Bẩm xin quan lớn cứ đổ cả cho con, con xin chịu quả phạt tù tội với quan Sứ.

Ông Huyện cười gằn:

- Nhưng tao cũng không phải vô tội. Thành ra từ trước đến giờ tao tin mày, quan Sứ cho là tao chỉ nhắm mắt nghe bậy và làm bậy. Thế sao mày dám bảo dân Cao Hạ là biểu tình?

Người thám tử chấp tay:

- Lạy quan lớn, con có ngờ đâu phải lừa người ta.

- Thế không có một tí gì gọi là biểu tình cả à?

- Dạ, đâu chỉ có mấy người có gà chọi, đến ba giờ, định đem ra sân đình cho đấu chọi mà thôi.

Ông Huyện thở dài, giậm chân:

- Chết mẹ người ta mất? Chọi gà mà dám nói biểu tình.

Nghĩ ngợi một lát, ông hỏi:

- Thế nhưng lính tỉnh với lính huyện ở đâu cả?

- Bẩm họ vẫn lảng vảng cả ở các nơi quan lớn đã cất đặt.

- Chúng nó đã biết tin này chưa?

- Lạy quan lớn chưa.

Ông Huyện móc túi lấy thuốc lá, bật diêm châm để hút, rồi ông vất tay ra sau, đi đi lại lại, chốc chốc lại mở đồng hồ ra coi.

Người thám tử ngấm dấp anh hùng ở cách ăn mặc của quan thầy mà càng thấy tội mình to bội phần.

Một lát, ông đứng dừng lại, nói:

- Mày đi gọi thầy đội lính tỉnh với cai cơ huyện lại ngay đây, có việc cần.

Người thám tử chạy ba chân bốn cẳng.

Lúc bấy giờ chừng ba giờ. Trước sân đình, trong bóng râm sáu bảy người đương mắt chăm chăm nhìn đôi gà trọi lông, da đỏ hồng, hăng hái mổ và đập nhau. Nhưng hai đầu làng bỗng có hai toán lính súng đứng.

Một bọn người ở chợ Đồng Đa qua làng Cao Hạ để về nhà vừa nói chuyện vừa cười. Nhưng bỗng:

- Ê ê đi lộn lại.

- Các thầy cho chúng cháu đi, kéo đến nhà thì chiều cả mắt.

- Không biết, đó là lệnh quan.

Một bọn người ở chợ Mối, qua làng Cao Hạ để về nhà, hã hê tính toán tiền nong với nhau.

- Ê ê đi lộn lại.

- Làng chúng cháu ở đằng kia, các thầy cho chúng cháu về, chứ còn lộn lại thì đi lối nào?

- Mặc kệ, lối này quan cấm.

Chẳng mấy chốc, làng Cao Hạ chỉ có thu người vào mà không có chi ra thành thử suốt dọc đường làng, người cứ ùn lại. Mà những người bị giữ, ai cũng ngơ ngác hỏi nhau. Song, đồ ai giải nghĩa được, vì chẳng ai hiểu có gì hết.

Nhưng duy có người nào yên trí rằng làng Cao Hạ có cuộc biểu tình mới có thể giảng rằng đám đông người đứng tụ họp đây nghĩa là gì. Khốn nỗi người ấy giảng theo sự yên trí của mình, cho nên đám đông đó là ngay đám dân biểu tình.

Làng Cao Hạ có biểu tình.

Trăm phần trăm là đúng rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa.

Đến lúc ông Sứ và ông Giám binh xuống xe ô-tô, ông Huyện trình ngay sự quan trọng của cuộc rối loạn trật tự này. Và được lệnh, bọn lính bắt đầu giải tán.

Người ta càng không hiểu làm sao. Nhưng biết rằng cứ đứng trong ngoài đường để chờ quan cho phép đi về nhà thì thế nào cũng bị đánh đập nên họ chạy tán loạn và tìm lối trốn tránh. Trong khoảng từ ba giờ rưỡi đến bốn giờ, làng Cao Hạ bỗng diễn ra một cảnh ghê sợ. Ai nấy mặt cắt không được một hột máu. May người nào có nhà quen đề ẩn núp, ấy là phúc. Nếu không, họ

cũng quăng gồng gánh để chạy thoát thân. Họ nấp sau đồng rơm, trong bụi rậm, nhịn thở để chờ cho đến lúc yên yên mới dám lộ mặt ra để nghe ngóng tình hình.

Cho mãi đến năm giờ, bọn đàn anh trong làng khăn áo ra nghe quan Sứ hiệu dụ. Họ mới ngã ngựa ra là làng họ có một cuộc biểu tình lớn.

1938

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Bố anh ấy chết

Ngày ấy tôi học năm thứ tư trường Sư phạm. Tuy còn hai tuần lễ nữa thì tới kỳ thi ra, nhưng mai là chủ nhật, còn ai cấm chúng tôi nghỉ ngơi sớm nữa?

Ở trường Sư phạm, không biết bây giờ còn được thế nữa không, chứ mà mấy năm về trước thì khiếp quá? Nhất là các “cụ cát dem” chúng tôi, làm như ông Hạng! Ăn cũng hơn món, học cũng hơn giờ, mà đến cái trái Luật, cái bướng bỉnh, cũng có phần hơn anh em các lớp dưới! Ừ, được thể sắp thi ra, lớn nhỏ cũng làm ông giáo, cho nên chẳng sợ, chẳng nề ai cả. Mà cũng chẳng ai buồn giầy với chúng tôi làm gì cho thêm ác cảm. Không những thế, học trò năm thứ tư, lại được phép lần lượt coi lẫn nhau, mà người coi ấy phải chịu hết trách nhiệm, cho nên lắm lúc chúng tôi hoành hành như “ông tướng Quảng Lạc”! Chín giờ tối hôm thứ bảy ấy. Trống ngủ đã đánh rồi. Anh em các lớp khác đá lên trên gác, bỏ màn nằm yên tĩnh cả, lúc bấy giờ chúng tôi mới “khênh khênh” lên, lê giầy sên sệt, nói chuyện bô bô. Mà chúng tôi có cùng lên cả một chuyến đâu. Người thì còn xuống nhà dưới ăn phở. Người thì còn ngồi trong lớp học đến mười một giờ khuya. Nhưng chúng tôi lên sớm, có phải đi ngủ sớm cho béo mắt đâu. Cạnh chuồng tiêu, ba bốn anh còn quây xung quanh anh Đoàn “Bà một” để chờ anh đánh diêm “khao” nót mẩu thuốc lá ban chiều. Bên vòi nước, anh Bách “Tu-via” miệng lúng búng ngậm nước tay cầm cái diều cày cán chổi còn chờ anh Vũ “Oản” lấy diêm để “tế” một tuần ngoài hiên, bên dây tủ quần áo anh Văn, trắng trẻo và đẹp trai, đang mồm môi mồm lợi giở võ đánh đôi giầy giôn cho bóng lộn để diện với “en” Tuyết, thỉnh thoảng lại thử soi mặt vào mũi giầy xem đã được như gương chưa. Anh Chính thì đương chạy nháo lên về tìm ai có ít sì đặt đen để “cộng sản”.

Trong buồng mấy anh nghịch tình, xúm xúm nhau để lật chặn anh Thọ là tín đồ đạo “thờ quần” vì sờ “vỡ hộp” hôm chủ nhật, nên tối thứ bảy anh vẫn chịu khó nằm vo mốt ông Táo?

Lúc ấy tôi cũng duỗi thẳng cẳng, ngồi phệt ngay bên cửa chớp trông ra đường cái để dạy nét mấy anh vài ngón đàn tam thập lục. Xung quanh các bạn ngồi chồm chồm như lũ cọp đắp ở tường các đền. Ấy trong bọn “ma cà cúi” chỉ còn thiếu có anh Dính, anh Rững, anh Khải, mà thôi.

Các anh ấy đâu? Cơ chừng các cậu bị “công-sinh”, nên không còn hy vọng gì ra ngày chủ nhật mà hoài công sắm sửa. Trong bọn bị phạt ngày mai, có anh Rững là liễu lĩnh nhất. Thi đến nơi rồi, mà anh ấy chẳng lo gì cả, chỉ nay trả lời cái thư tim tím, mai học thuộc cái thư hồng hồng. Cả buổi chỉ giờ quyền Kiều, gia công khảo cứu những câu tình tứ. Bài làm thì “cóp”, bài thi thì “phim”, cho nên bao giờ anh bị “truy”, mặt anh cũng xám như gà cắt tiết. Nhưng anh Rững vui tính lắm, chẳng lúc nào trên môi anh không để một nụ cười. Giờ học nào anh cũng pha trò cho chúng tôi được phen vỡ bụng. Cho nên anh Rững tuy thầy ghét, nhưng bạn yêu.

Lúc tôi đang đánh đàn, thì bỗng thấy có tiếng gọi.

Tôi dừng tay lắng tai nghe:

- Cậu nào trên gác thượng, cho tôi nhờ một tí!

Tôi đứng dậy, cúi nhìn xuống đường phố, thấy dưới cột đèn, một đứa bé chừng 14, 15 tuổi, vẫy tay và gọi:

- Tôi nhờ cậu, cậu ơi?...

Tôi hỏi:

- Ai đấy? Hỏi gì?

- Nhờ cậu bảo cậu Rững rằng thầy cậu ấy mới mất cậu ấy phải về ngay, có ô-tô chờ.

Chúng tôi thấy cái tin dữ dội của bạn, anh nào anh nấy giật nảy mình, kinh hoàng ngơ ngác nhìn nhau và hỏi:

- Rững lên nghỉ chưa?

Tôi bảo thằng bé con:

- Chờ đấy, cậu ấy ra đây bây giờ.

Nói xong, chúng tôi làm nôn nao cả buồng ngủ chạy toán loạn đi tìm anh Rững. Anh em lớp khác choàng cả mắt dậy, rồi kháo nhau:

- Bớ anh Rững “cát dem” chết.

Anh Rững lúc ấy còn đang ở buồng học, xem cuốn tiểu thuyết. Nghe tin như sét đánh ngang tai, anh tái mét mặt, run bần bật, máu mếu, hấp tấp xếp sách vở gấp năm sáu cái thư kín vào cặp, rồi tất tả hỏi tôi:

- Đâu thằng bé con nào đấy?

. Chúng tôi vội chạy xuống nhà dưới, đưa anh Rững tìm đến chỗ cột đèn, nhưng không thấy thằng bé con ban nãy đâu, tôi bèn hỏi to:

- Ai là người nhà cậu Rững đâu rồi?

Không thấy ai thừa cả. Anh Đoan trên gác, thò cổ xuống bảo:

- Nó về rồi...

Anh Rững lập cập chạy lên gác, nằm ườn trên giường lăn lộn khóc nức khóc

nở. Chúng tôi hết lời khuyên giải, nhưng, những lời khuyên giải ấy đối với tâm lý anh Rững lúc bấy giờ, chỉ là vô hiệu, chúng tôi bèn người thì thu xếp quần áo hộ, người thảo tờ giấy phép hộ, rồi giục anh Rững sang ngay nhà ông Đốc mà xin phép. May quá, ông Đốc có nhà, ký giấy cho anh nghỉ một tuần lễ. Thế là anh bắt mở cổng ra ngay.

- Chúng tôi nhìn theo anh Rững mà ái ngại cho anh.

Tội nghiệp! Trông thấy anh ấy ban nãy vui vẻ, cười khanh khách, ngồi trong lớp còn tán chuyện ầm ầm chê hết người nọ, lại trêu người kia, mà bây giờ anh đã bị vào cảnh gia biến, vật mình vật mảy nói không ra hơi, khóc không ra tiếng, thì ai là người không động tâm!

Vả chẳng, ông cụ thân sinh ra anh ấy, chúng tôi đều được biết cả, vì nghỉ hè anh có mời chúng tôi lên nhà tại Bắc Giang chơi. Ông cụ phúc hậu mà vui tính, coi chúng tôi như con, cho nên nay không nghe tin ồm mà bỗng đánh đùng thấy nói mất, thì tuy không máu mủ nhưng cũng đều thở dài thương tiếc.

Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ, chúng tôi thấy tin buồn của bạn, liền rủ nhau xuống cả buồng học, đề bàn bạc góp tiền sửa đồ phúng viếng. Anh Mộng có tài hùng biện, ngồi cao làm chủ hội đồng. Cái hội đồng này cũng có tính chất êm đềm như hội đồng các dân biểu, anh Mộng nói ra điều gì, chúng tôi cũng gật ngay không ai phản kháng. Kết cục, các anh giao cho tôi phải đi sửa ngay câu đối và mua các thứ để kịp mai, buổi trưa, anh Thuận đáp xe lừa đi Bắc Giang.

Hội đồng giải tán, ai nấy đều im lặng lên gác bỏ màn đi ngủ, ngậm ngùi tiếc người thiên cổ, ái ngại thương bạn số đen.

Kể ra anh Rững cũng thực đáng ái ngại. Bà thân sinh ra anh cũng đã mất sớm, nay ông cụ lại quy tiên thì thực là anh ấy vô phúc quá. Vả, còn hơn tháng nữa thì thi, giá ông cụ có ở lại ít ngày, để được trông thấy anh ấy thành đạt, có phải vui vẻ thỏa lòng biết bao không? Mà anh ấy cũng khỏi thiệt một tuần lễ để học rần lên, có phải thi may cũng có phần chắc không? Nay anh Rững ở vào cảnh ngộ sâu khổ như thế, thì còn ruột gan nào mà học nữa!

Thực là con Tạo oái oăm, hay bày trò thêm rắc rối.

Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ không yên giấc, thỉnh thoảng lại hỏi nhau:

- Bây giờ Rững đến nhà chưa nhỉ?

- Bây giờ Rững chắc đương lẫn lộn bên quan tài.

Sáng sớm hôm chủ nhật, trước khi tôi ra phố, anh em lại dặn tôi rằng:

- Anh phải giục thợ làm ngay câu đối mới kịp.

Tôi mượn được xe đạp, thượng khẩn cuộc đi sắm sửa lễ vật. Xong xuôi, tôi

liền về trường định giao trả anh Mộng để anh cắt anh Thuận đi. Nhưng lúc qua phố sông Tô Lịch, tôi chợt nhớ ra nên qua nhà cô anh Rững ở phố Hàng Cót mà hỏi thăm tin bạn.

Đến nhà, thấy vú già đứng cửa, tôi hỏi:

- Cậu Rững đi lúc mấy giờ?

- Thưa chưa đi đâu cả, cậu ấy mới ở trường ra đến nơi?

Có lẽ vú già không biết gì, nên mới trả lời vợ vắn tắt, tôi liền đẩy cửa vào, thì lạ quá, chả anh Rững nằm dài ở trường kỷ kia thì là ai? Anh thấy tôi có ý biến sắc mặt và nói tiếng tây khề rằng:

- Đừng nói gì về việc hôm qua.

Tôi chẳng hiểu ra sao cả. Thế là thế nào? Trong khi bao nhiêu dấu hỏi còn đương mọc óc tôi, thì anh Rững đã mặc áo xong, anh liền cầm mũ rủ tôi đi. Ra đến cửa, anh có ý lo, vật đầu vật tai nói.

- Nguy quá, anh ạ.

- Sao? Cụ bây giờ thế nào?

- Ác quá, con ranh con nó làm hại tôi.

- Sao nó không cho anh về à?

- Không phải, nó nghe tin tôi phải phạt, sợ hôm nay không gặp tôi, nên nó nói láo là thầy tôi mất để tôi ra với nó!

Tôi nghe câu nói, lạnh toát cả người, choáng váng đầu như bị chóng mặt, tôi phải đứng dừng lại và vịn lấy anh Rững. Trời ơi? Thế ra nhân tình anh ấy nhớ anh ấy mà muốn được gặp, chứ có gì đâu? Thế có giận không? Thì ra chúng tôi phải lừa cả. Tôi tức lộn ruột nghiêm nét mặt mà trách móc, anh Rững chẳng cãi sao, chỉ nhăn nhó hối hận và xin lỗi. Rồi anh nói:

- Còn một việc khó nghĩ cho tôi, nhờ anh tính hộ. Tôi mà không về trường, thì mất sáu ngày học, tôi mà về trường thì ông Đốc thấy tôi khăn thâm áo thâm, mà biết là tôi nói dối, có lẽ lôi thôi, không khéo tôi phải đuổi mất, kỳ thi sắp tới, mà nếu bốn năm học uổng công thì thầy tôi mắng, rồi lỡ việc này đến tai thầy tôi thì tôi chết mất! Làm thế nào cho êm được?

Về lo sợ của bạn, tôi không mấy khi trông thấy lộ trên nét mặt ngày thường, cho nên tôi nhận biết bấy giờ anh ấy nghĩ ngợi lắm. Tôi lại thương anh ấy, chẳng qua nhăn nhó chỉ vì tình, tôi nghĩ một lát, rồi nói:

- Chỉ còn cách tối nay anh về thú thật với ông Đốc nói là anh bị đũa nào nó thù, nó đánh lừa báo tin ấy. Nay anh lại xin đi học là êm truyện.

- Còn cách gì êm hơn, anh nghĩ kỹ hộ. Hôm qua tôi lo phờ cả đầu!

Tôi lại nghĩ một lát, nhưng không còn kế gì hơn tôi nói:

- Anh cứ làm thế là êm nhất.

Anh Rững vẫn ra dáng lo nghĩ, rồi có lẽ anh cho kế ấy là diệu; nên anh lay van, và dặn tôi rằng về trường chớ nói với ai. Anh nói:

- Sau này có xảy ra sự gì, tôi cứ anh đấy!

Tôi đã hứa hết sức giữ kín, cho nên rồi tôi cũng chẳng nói chuyện cùng ai, mà việc lên Bắc giang tôi cũng tìm cách ngăn trở, nói là thợ làm không kịp. Các anh liền bảo tôi khi nào được thì gửi ngay xe hoả cho tiện. Thế là tôi dìm đồ phúng đi.

Tối hôm ấy, tôi về trường sớm. Tôi ngồi trong buồng học, tuy mắt nhìn vào sách, nhưng vẫn lắng tai để ý nghe, mỗi bận thấy tiếng giầy tây lộp cộp của một anh ở phổ vào lớp, là tôi lại giật mình hộ anh Rững. Anh mà bị anh em hỏi chuyện thì không biết anh trả lời. làm sao cho trôi. Nhưng quá, hết giờ rồi mà không thấy bóng anh Rững đâu cả. Tôi lại không đoán được là anh ta định làm thế nào. Rồi thứ hai, thứ ba, thứ tư,... Chẳng thấy Rững vào trường, mà lớp học vắng anh, cũng im phăng phắc. Từ hôm anh nghỉ, trừ tôi ra, còn anh em ai cũng thỉnh thoảng nhắc đến anh Rững mà ái ngại. Đến tối chủ nhật sau, gần tám giờ, khi chúng tôi đương cúi mặt, cặm cụi xuống quyển sách, thì bỗng có anh nói một cách mừng rỡ:

- À! Rững!

Rồi một vài anh:

- Ê! Rững. Tôi chia buồn cùng anh!

Tôi ngẩng đầu lên, thấy anh Rững mặt mũi xanh xao, bơ phờ, râu rĩ, chẳng hay anh lo hay đau buồn, tôi lại thấy anh ăn mặc đại tang, đầu thít khăn ngang sô mình mặc áo sô gấu.

Tôi lại một phen choáng óc, phân vân như mê mê hoảng hoảng. Ố hay, thế là nghĩa làm sao? Hay là bố anh chết thật chẳng? Tôi trở mắt lên nhìn anh Rững.

Anh mỉm cười chào các bạn, rồi tiến thẳng đến tôi, nắm tôi ra hè. Đến hè, anh hát hàm hỏi khế tôi:

- Không ai biết đấy chứ?

- Phải, nhưng sao lại khăn áo này?

Anh Rững tắc lưỡi đáp:

- Không. Còn vài hôm nữa thì thi ra, mà ông Đốc cũng không trông thấy mình nữa, cho nên tôi phải ăn mặc thế này cho êm câu chuyện trong mấy hôm cuối cùng!

20 Janvier 1932

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cái lò gạch bí mật Truyện trinh thám An Nam

- Vô phép các ngài?

Xưa nay, chỉ có khi người ta ăn cơm, mới phải “vô phép” nhau. Nhưng tôi đây, vừa bắt đầu viết truyện này, tôi đã phải “vô phép” các ngài ngay, là vì truyện tuy ly kỳ không kém gì các truyện trinh thám đại bí mật xảy ra ở đất nước An Nam - từ khi có một vài ông văn sĩ được trông thấy hẳn hoi - nhưng khôn thay, tác giả truyện Cái lò gạch bí mật này lại chẳng là nhà viết tiểu thuyết trinh thám chính ngạch!

Vậy thì trong khi kể chuyện có điều gì sơ suất, xin các cụ các quan, các ông (nhất là các ông viết tiểu thuyết trinh thám chuyên môn), các bà, bỏ quá đi cho, tôi được đội ơn vạn bội.

Đã ba tháng nay, tôi mới lại gặp anh Trinh. Trinh bây giờ không như Trinh trước nữa. Anh không nhìn gái, không nói tục, đến cả viết tiểu thuyết và làm thơ mới, anh cũng không nốt!

Tôi đã tính không chơi với Trinh nữa, thì một hôm, anh đến nhà tôi. Mặt anh hầm hầm, anh dán mắt nhìn đồ đạc hết thứ nọ đến thứ kia, rồi vẫn hầm hầm, anh nói:

- Tôi thích anh lắm. Anh không lại chơi, thành ra tôi buồn quá.

Nói xong, thấy có tiếng động ở trong nhà, anh ngó cổ vào một cách tò mò, và hình như nghĩ ngợi điều gì vậy.

Tôi đáp:

- Nhưng lại nhà anh, tôi buồn lắm. Anh không hợp tính tôi nữa. Anh không làm thơ, anh không viết truyện, thậm chí đến gái cũng không nhìn, thì có phải lỡ người ta già đi lúc nào, mình không biết hay không?

Trinh nghiêm trang nhìn tôi thờ dài, lắc đầu, nói bằng giọng khinh bỉ:

- Anh chỉ là quân tốt đen lẻ trong ván tam cúc. Xã hội nếu có toàn hạng người như anh, thì thôi, tha hồ cho chúng nó bóc lột nhau, tha hồ cho chúng nó đâm giết nhau. Mà để chúng nó hoành hành như vậy, một ngày kia, chính mình sẽ bị tay chúng nó bóc lột, đâm giết!

Tôi kinh hoảng. Hay anh đã hội kín hội hờ gì đây, sao lại thở ra độc một giọng “làm rối cuộc trị an”, như thế. Coi không lại vạ miệng nhé!

Thấy tôi không đáp, Trinh thốc một hồi nữa:

- Anh có mắt không biết trông, có tai không biết nghe, có óc không biết suy

nghĩ. Anh là hạng tàn tật về linh hồn.

Nói đoạn, Trinh đứng dậy, hằm hằm bắt tay tôi, rồi đi ra về. Sau, nghiền cứu mãi, tôi mới vỡ ra rằng Trinh độ này thích đọc truyện trinh thám tây. Và cả ngày, lúc nào anh cũng có vẻ bí mật, hay nhận xét từng cái cử chỉ cón con của người khác, và hay suy xét tâm lý người ta bằng những câu vụn vặt mà anh nghe lỏm được. Anh muốn làm nhà trinh thám thứ nhất của nước Việt Nam.

Một buổi tối, gặp tôi ở phố, anh nhìn tôi mãi cho đến khi tôi trông thấy anh. Anh khoèo hai ngón tay lại để vẫy và gật đầu để gọi.

Tôi cười ha hả, chạy đến, hỏi:

- Sao anh không gọi to lên, xuýt nữa tôi đăng trí không nom thấy anh.

Trinh lắc đầu, ra hiệu cho tôi theo.

Tự nhiên, tôi thấy lo sợ. Tôi ngờ anh rủ tôi đi làm một việc quan trọng. Tôi hỏi:

- Có việc gì cần không?

Trinh lắc.

- Chỉ thanh tra các phố thôi đấy chứ?

Trinh gật.

Mà trong khi lắc và gật, nét mặt anh hằm hằm, đôi mắt anh luôn luôn để ý đến những người qua đường.

Muốn biết tài học của bạn, tôi gọi:

- Hẳn anh đương khám phá một vụ cướp hoặc giết người.

Trinh ngậm ngùi, đáp:

- Tôi tiếc nước ta chưa có trường dạy làm trinh thám, đến nỗi một người yêu nghề trinh thám như tôi, phải học lấy như thế này.

- Anh học lấy bằng cách gì?

- Bằng mắt, bằng tai, bằng miệng, bằng óc của mình, chứ bằng gì!

Dứt lời, anh bấm tôi, trở vào một người đàn bà đi xe qua trước mặt và nói:

- Mẹ người này mới chết vì thuốc độc được hai giờ đồng hồ.

Tôi nhìn Trinh, có ý nghi hoặc câu nói dựng đứng ấy.

Nhưng rồi khi tình cờ qua một phố, tôi thấy trong một nhà, có một người đàn bà hai tay ôm lấp mặt, đương vật mình vật mẩy, và bù lu bù loa:

- Ôi mẹ ơi! Mẹ chẳng chờ con...

Trinh mỉm cười, đưa mắt nhìn tôi, vẻ hãnh diện. Và hình như kệ cho tôi bái phục tài anh, anh không hề nói một nửa lời về sự anh đoán đúng.

- Có thật là người đàn bà ban nãy không?

Trinh không đáp, chỉ cau mặt lại.

- Tại sao anh biết?

Trinh cười nhạt:

- Tự nhiên.

Rồi một lát, một cô tân thời thướt tha qua, có ý vội vã Trinh hắt hàm hỏi:

- Anh nghĩ thế nào?

Tôi tặc lưỡi, khen:

- Đẹp!

Trinh hích một cái vào mạng mỡ tôi:

- Ma bunn! Ai hỏi thế?

Rồi anh nói luôn:

- Anh ruột cô này phải bệnh ho lao đã đến thời kỳ thứ hai. Hiện cô này trốn nhà đi tình tự với trai. Anh con trai, tất là một người đầy đà, mặc bộ quần áo xám, đi giày trắng và đen miệng hơi rộng, trán cao, có cái nốt ruồi ở mép.

Tôi càng kinh ngạc, không hiểu anh thờ ma xó ma xiếc thế nào, chứ cái màn bí mật ấy ở đâu mà anh vén nhanh như thế. Rồi anh nói tiếp:

- Có học nghề trinh thám, mới thấy nhiều cái lạ lùng. Nhưng cái lạ lùng ấy nào ở đâu xa, nó hớ hênh ngay trước mắt ta mà người thường không thể thấy được. Tôi đã báo cho người ta được một vụ cướp sắp xảy ra. Tôi đã làm ngăn trở một đám giết người ghê gớm.

- Anh đã biết trước những việc ấy?

Trinh gật.

- Thế sao tôi không thấy nhật trình đăng?

- Anh thật ngốc! Tôi đã báo, tôi đã ngăn trở, thì những việc ấy không xảy ra, nghe thùng chưa?

Ngẫm câu nói của Trinh, tôi đâm tiếc. Sao tôi đã không lấu cá mà bịa ra vụ mưu cướp nhà cô Ngân, vụ mưu hại cha cô Tuyết, để tôi lấy cớ mà báo các cô. Những vụ ấy không thể nào xảy ra, vì nó không có. Mà nếu các cô thấy được bình yên, hẳn các cô cảm tôi đến chết mất!

Đoạn anh kể cho tôi nghe những chuyện trinh thám tây trong các sách.

Trong khi nói, thỉnh thoảng anh vẫn không quên đem con mắt và bộ óc để trông tìm, suy xét về những cảnh, những việc, những người lướt qua trước mắt anh.

Chẳng mấy chốc, chúng tôi tới một đường vắng, chỉ còn vài nhà nữa thì hết thành phố. Bỗng anh đứng dừng, kéo áo tôi lại, tay ra hiệu. Tôi thì thảo:

- Cái gì? Cái gì?

Trinh để ngón tay trở đặt trước miệng. Tôi không dám hỏi nữa.

Độ năm phút, móc túi lấy cuốn sổ tay và cái bút chì, anh ghé dưới ngọn đèn, hí hoáy biên lâu lắm. Rồi giật tôi một cái thật mạnh, anh nói:

- Đi! Mau! Ta nên cứu họ.

Trống ngực tôi bắt đầu nổi. Cứu! Cứu cái gì? Ít ra cũng là đám đánh nhau, không thì giết nhau. Tôi hỏi:

- Cái gì?

- Im? Phải theo tôi như cái máy. Tôi bảo gì phải nghe. Cầm hỏi.

Tôi run:

- Nhưng tôi sợ.

- Đồ hèn?

- Tôi cần anh cho tôi biết là đi đâu?

Một vụ ám sát bí mật. Tôi đi phố này rất có ý. Anh trông thấy người quần áo nâu ở trong nhà kia ra không?

- Không.

Bực mình, Trinh giẫy tôi một cái:

- Kia kia, cái bóng đen đen đằng xa. Nó đấy.

Tôi gật, vì tôi thấy một người đang hấp tấp lẫn vào trong ánh sương mù.

- Sao anh biết?

- Im!

- Anh đã thám ra thế?

Lại giẫy tôi cái nữa, Trinh gắt:

- Im! Đi mau!

Hai chúng tôi rón rén theo hút tên sát nhân. Nhưng rút cục, không kết quả gì. Chúng tôi đã cố trông, cố nghe, song trời tối và lặng lẽ quá. Một màu đen vô cùng vô tận như quây khít ngay xung quanh chúng tôi, làm chúng tôi vừa mù, vừa điếc.

Bỗng Trinh bấm tôi. Chúng tôi nấp sau gốc cây, nhịn thở. Tôi nghe tiếng gót chân nặng nề thình thịch trên mặt đường. Rồi cái bóng đen lướt qua, đi về mé phố.

Quay nhìn bốn bên, chúng tôi không thấy một ai theo.

Chờ cho người ấy đi thật xa, Trinh nói nhỏ:

- Tất có liên quan đến cái lò gạch kia.

Tôi hỏi:

- Đâu?

- Kia, cách đây độ năm thừa ruộng.

- Đâu? Tôi chẳng trông thấy gì cả.

Trinh cúi, giẫy mạnh tôi, làm tôi xuýt nhao xuống ruộng:

- Nó lù lù đây kia, mắt?

Để ý trông, tôi đã thấy cái lò gạch. Tôi nói:

- Tôi tưởng cái lò đang nung gạch, hoá ra là lò bỏ không à? Tôi cứ tìm chỗ có lửa sáng.

Trình thở dài:

- Tôi bức mình về anh. Nếu là cái lò đương nung gạch mà anh cũng còn phải tìm lâu thế, thì anh đáng quăng xuống ruộng? Anh đã thấy chưa?

- Rồi. Nó đen mù mù như cái gò.

- Phải, anh đã trông thấy cái lò gạch bỏ không bao giờ chưa?

- Đã.

- Thế thì anh có thể hiểu được vụ này quan trọng là ngần nào.

Tôi yên lặng một lát, rồi nói:

- Tôi chưa hiểu.

Trình gất:

- Thế cái lò gạch bỏ không nó thế nào?

- Nó chỉ có bốn bức tường xếp bằng gạch chưa nung. Nó lộ thiên.

- Mà nó có cái cửa nhỏ, để người ta cho rơm vào lò.

- Phải, có thể ra vào được.

Trình cười:

- Điều đó rất dễ đoán. Ở trong lò kín lăm, không ai trông thấy được. Và ai ngờ rằng trong ấy có người? Vậy mà trong ấy có thể có một cái xác chết thối không ai biết, vì lò ở giữa đồng.

Tôi kinh ngạc:

- Anh làm tôi rùng mình.

- Đi!

- Đi đâu?

- Đến nơi cái lò gạch bí mật ấy mà xem xét.

- Thôi!

- Sao?

- Tôi... sợ...

Như ông tướng độc tài, Trình trợn mắt, trở tay:

- Đi!

- Tôi sợ. Anh cho tôi ở lại.

Câu tiết Trình “xi” một cái khinh bỉ vào mặt tôi. Rồi một mình vén áo, anh hăm hở bước rất nhẹ nhõm. Bỗng một tiếng khàn khàn hỏi:

- Này, cậu kia, đi đâu đấy; đừng có bậy bạ ra ruộng su hào, bắt cái của người ta nhé!

Thấy Trình không trả lời, tôi phải đáp hộ:

- Không.

- Phải, chẳng có người ta chứ cho lại trách!

Độ mười lăm phút sau, Trình làm tôi giật nảy mình.

Tự nhiên, anh hiện ra trước mặt tôi lúc nào, tôi không biết. Anh nói:

- Xong rồi.

- Anh thấy cái gì thêm?

- Đích là cái lò gạch. Nhưng hiện nay chúng nó tản đi hết cả rồi.

Bồng anh lại hỏi:

- Vừa rồi có tiếng người nói?

- Phải.

- Nói gì?

- Nói rằng nếu anh ỉa bậy ra ruộng su hào, bấp cái thì người ta chửi.

- Còn tiếng khác nữa kia.

Tôi nghĩ, rồi đáp:

- Có

- Ai? Ở đâu?

- Tôi không biết.

- Đồ tồi!

Trình cắn môi, rồi lên tiếng:

- Ai vừa bảo chúng tôi gì đấy?

Có tiếng đáp:

- Tôi, tôi bảo cậu đừng bậy bạ ra ruộng.

- Ruộng này của ai?

- Của cụ tôi.

- Cụ giàu lắm, và quyền thế lắm phải không, bác?

- Còn phải nói!

- Cụ có con gái?

- Phải!

- Cụ yêu quý cô ấy lắm?

- Sao cậu biết?

- Cô ấy đang học ban tú tài?

- Không, cô tôi đang học nói.

Trình nói:

- Nói tiếng Anh, và học thêm cả tiếng Đức?

- Không, nói tiếng ta.

- Học nói tiếng ta? Cô ấy là người đầm à?

- Không, cô tôi mới lên hai.

Trình lại cắn môi, nghĩ ngợi, rồi gật gù:

- Phải rồi. Không hề gì. Ta về.

Rồi vừa đi, anh vừa thỉnh thoảng tại cho tôi biết một điều anh mới khám phá thấy:

- Thằng vừa nói là đầy tớ... Nó mới ở coi ruộng được hơn hai mươi hôm...

Cụ đây là cụ Hồng-lô, nếu không thì là một cụ Tuấn về hưu trí đã ba năm rồi... Hắn cụ này có con gái lớn mà thằng đầy tớ chưa biết.

- Thế thằng đầy tớ này có đồng đảng không với thằng ban nãy không?

- Không. Nếu phải người vụng đoán, thì thằng đầy tớ này bị bắt oan. Thằng

kia định giết cụ... Đã ba lần, nó khởi sự, nhưng không thành... Cứ đến giờ này là y như nó đi một cách bí mật ra đây. Tất nó vào trong lò gạch ấy... Tất đồng đảng nó có từ năm người trở lên. Ừ, người ta có súng... Tất nó cũng có súng...

Đến trước cửa nhà người ban nãy, Trinh dừng lại, nhìn nhận hồi lâu, rồi quả quyết:

- Không phải nhà nó. Đây chẳng qua nó ra vào để che mắt các nhà trinh thám... Đảng nó to... Tổ chức theo khoa học... Phải có súng lục... Phải có mặt nạ... Phải có... Được!

- Thế nào?

Không được hỏi nữa. Tôi xem bộ anh chỉ làm hỏng công cuộc của tôi mà thôi... Tôi phải theo dõi.

- Mai anh lại đi?

- Phải.

- Anh cho tôi đi theo.

Trinh gật.

- Tôi cần đến anh, vì tôi cần một thằng ngốc. Nhưng anh phải yên lặng, nghe lệnh tôi như tên quân nghe ông tướng. Nghĩa là anh phải như cái máy.

- Nhưng cốt nhất anh đảm bảo cho đời tôi.

Trinh giẫy tôi một cái, kiêu căng nói:

- Giá anh có chết, xã hội cũng không thiệt nào kia mà. Vì anh chỉ là quân tốt đen lẻ trong ván tam cúc.

Luôn hai hôm sau, chúng tôi cùng đi thám. Nhưng không có kết quả gì hơn. Vẫn người ấy, đi đến chỗ ấy thì mất hút. Mà cái lò gạch vẫn sừng sững đứng bí mật ở giữa những thửa ruộng đen ngòm.

Đến ngày thứ ba, mới chập tối, Trinh đến rủ tôi, quả quyết nói:

- Tôi cần bắt quả tang nó, lúc nó giương súng bắn ông ta.

Tôi trở mặt:

- Anh đã khám phá ra cả rồi?

- Phải. Vậy thì đi, giữ lấy lời hứa.

- Đi chân tay không?

- Cần gì khí giới? Tôi sẽ trói gô cả năm đưa một cách bất ngờ.

- Anh làm thế nào? Anh nói trước cho tôi đỡ lo!

- Cứ đi, rồi sẽ hiểu.

Trinh dắt tôi đến đường mọi khi. Rồi tới một gốc gạo, anh rẽ xuống bờ ruộng. Trời vẫn tối đen như mực.

Nhưng anh bước rất thạo, như đã quen đường lắm. Một lát chúng tôi tới làng gần đó. Trinh mừng rỡ:

- Đến nơi rồi!

- Đến đâu?

- Im!

Bỗng nghe tiếng chuông rung và tiếng chó cắn rinh, tôi mới biết tôi đứng cạnh cái cổng. Và chính Trinh đang thò tay giật cái dây. Quả là anh ta có ma xó. Nếu không, sao thông thạo như người biết trước vậy?

Bỗng có tiếng người đứng ở phía trong hỏi ra:

- Ai?

- Tôi. Cụ Nghị có nhà không? Nói với cụ rằng có chúng tôi vào nhé.

- Cụ tôi không tiếp ai buổi tối. Cụ tôi ngủ rồi.

- Không được, đánh thức cụ dậy. Việc cần.

- Không việc gì cần cả, cụ tôi đi vắng.

- Việc rất cần.

- Không biết. Mai hãy hay.

- Bảo với cụ rằng chúng tôi đến báo với cụ, tám giờ tối nay, có năm đứa định vào hại cụ.

- Thật à?

Sau câu ấy, chúng tôi phải chờ một lúc lâu, nghe chó cắn làm khuây. Rồi có tiếng ở trong hỏi:

- Ai đó?

- Tôi, có phải cụ Nghị đây không?

- Phải.

- Cụ mở cửa cho tôi vào, có việc cần.

- Cần thế nào? Cứ đứng ngoài ấy nói cũng được.

- Việc rất hệ trọng. Chúng tôi cần nói lâu, và bày cách để bắt bọn giết người. Chúng tôi cần vào, nói riêng với cụ kéo chuyện vỡ lở.

- Không vào được, muốn nói gì cứ đứng đấy mà nói.

Chó vẫn cắn dồn dập. Trinh thở dài, lau mồ hôi trán. Tôi bực mình, bảo khế Trinh:

- Kệ xác nó, đi về!

Trinh trừng mắt:

- Đồ vô nhân đạo. Biết người ta chết mà vì lẽ nhỏ mọn, mình kệ người ta à?

Rồi anh nói to:

- Có một đảng vì thù cụ, định hại cụ hồi tám giờ sắp tới này.

- Chẳng có ai thù gì tôi cả.

- Đảng ấy có năm thằng, đầu đảng là Ba Móm, bốn đứa đồng đảng là Thề, Quỳ, An, Nhận.

- Gì nữa?

- Hết. Chúng nó có súng lục, có mặt nạ, có hơi ngạt.

- Như ở nước Mỹ ấy à?

- Phải, mà chúng nó đã chặn đường ô-tô cậu Cả nhà cụ được nửa giờ đồng

hồ rồi, vì biết cậu Cả xuống Nam Định hồi gần sáu giờ sáng.

- Thế à?

Nhưng hiện nay, cậu Cả chưa bị hại. Mai cụ sẽ được một lá thư của chúng nó, bắt cụ chuộc năm nghìn, chúng nó hẹn trong ba giờ nếu không có tiền sẽ hạ thủ con cụ.

Tôi sợ run. Quái ác! Sao trong khoảnh khắc, Trinh đã đoán rành mạch được cả những việc ngày mai.

Trinh lại nói:

- Tám giờ kém năm chốc nữa, chúng nó sẽ thả hơi ngạt cho bọn chó nhà cụ chết, rồi đưa nào đưa nấy đeo mặt nạ vào nhà tìm cụ.

- Đích thế

- Đích lắm. Vậy cụ nên cho ngay người nhà theo tôi để bắt chúng nó, trước khi chúng hại cụ.

- Được chờ đây.

Thấy cả từ bọn chó cho đến chủ nhân đều dấm dẩn, khinh khinh, như ngờ, như muốn đuổi chúng tôi, tôi rất bức mình. Không hiểu sao họ lãnh đạm với cái tin sét đánh ấy thế được. Song; Trinh thì vẫn kiên tâm, đứng đó. Thỉnh thoảng anh bấm đèn nhìn chiếc đồng hồ tay, nhìn ánh sáng hắt lên mặt, tôi thấy anh ra ý hơn hờ, đặc chí lắm.

Độ mười phút sau, có ba người cầm gậy đến gần chúng tôi, nói:

- Nào, các ông đưa tôi đi.

Trinh mừng rỡ hỏi:

- Đây là người nhà cụ Nghị?

- Vâng, cậu Cả tôi đây, hai chúng tôi là người nhà.

Trinh ngạc nhiên:

- Tôi tưởng ông đi Nam Định hồi chiều?

- Hôm qua, tôi tính đi, có ra Hà Nội thuê xe, nhưng tôi đã định không đi từ buổi sáng.

Trinh nghĩ ngợi một lát:

- Không hề gì. Nhưng ông nên giữ mình.

Rồi anh nói tiếp:

- Bốn người phải nghe lệnh tôi như quân nghe lời chỉ huy của ông tướng. Phải tuân theo như cái máy. Nhất là không được nói, không được hỏi. Vì công việc ra sao, chốc nữa sẽ rõ rệt cả. Đi!

Năm chúng tôi rón rén trong sương mù đen kịt.

Trinh tiến lên trước, ngoặt xuống ruộng, quanh bờ nọ, sang bờ kia. Tôi vừa đi vừa lo ngại. Nhất là mỗi lúc một gần chỗ nguy hiểm, tôi nghĩ khôn chẳng nghĩ, lại cứ nghĩ đại, tôi hỏi Trinh:

- Tiếng súng lục to bằng tiếng pháo tép hay pháo đùng.

Cau mặt, Trinh gắt:

- Im!

Chúng tôi đến gần lò gạch.

Trình đứng lại, chia việc:

- Bốn người trèo lên bốn góc. Hễ tôi hô một tiếng “Đẩy” thì cùng phải reo ầm lên cho chúng nó tưởng bọn mình đông người.

Chúng tôi tuân lệnh. Trình bắt tôi trèo lên góc gần cửa lò. Tôi ngồi thu hình, im lặng, chờ. Trình ở mé tường sau, đi đi lại lại. Bỗng anh giật chân tôi, làm tôi giật mình xuýt ngã. Anh dặn:

- Khi thấy tôi bật đèn bấm lên, anh phải tụt ngay xuống, ôm ghì lấy nó.

- Thế anh?

- Không được hỏi.

Tôi không dám chối từ. Nhưng lo quá. Sao cái việc anh bắt tôi lại nguy hiểm quá đến thế. Tôi bảo:

- Tôi sợ tôi yếu hơn nó.

- Im! Khoẻ lên?

Chúng tôi ngồi cầm như thóc. Trông bốn thằng chồm chồm, đen ngòm, ngồi trên bốn góc thành tường cũng đen ngòm, tôi nghĩ ngay đến cái xe đám ma. Mà cũng may, nghĩ vậy, tôi tự nhiên thấy phấn chấn trong lòng.

Vì nếu cảnh này giống cái xe đám ma, thì sao chả có một cái xác chết. Cái xác chết ấy bao giờ cũng ở giữa xe. Thế vị chi là thằng giết người chốc nữa nó chui vào giữa lò. Thế thì nó chết. Chúng tôi sống.

Một tiếng “suyt”. Tôi nhìn. Quả nhiên có cái bóng đen đen ở đằng xa tiến đến, rất mau chóng. Trống ngực tôi nổi mạnh. Cái bóng ấy nhẹ nhàng chui vào lò gạch. Tôi nhin thờ, nhìn vào. Nhưng tiếc quá, tối um, chẳng nom rõ nó hành động những gì cả. Song, lắng tai, tôi đoán nó làm một việc khó nhọc, nặng nề, vì nó phải thở ị ạch.

Tôi rắp hết sức lực để tuân lệnh của Trình. Tôi liếc mắt tìm Trình, thấy anh lò dò đi từng bước. Rồi đến gần tôi, anh lại kéo chân tôi, làm tôi suýt ngã bỏ chừng.

Đến gần cửa lò, Trình ngồi thu hình. Chắc anh nghe ngóng. Quanh tôi, chẳng có một tiếng động. Chó trong làng thỉnh thoảng lại rú lên một hồi kinh hồn. Bỗng:

- Đẩy!

Tức thì những tiếng reo nổi lên, làm dậy cả góc đồng. Đèn bấm loé ra một tia sáng. Tôi cuống quýt, tự nhiên co dúm cả vó lại, không sao tụt xuống được. Lại vì tối quá tôi sợ liều mạng, lỡ què. Vụt. một cái, thằng đại bợm chui được ra ngoài, vùng té chạy nhanh như biến. Ba người kia, vì không được Trình sai đuổi trước, nên cứ ngồi lì. Thành ra chỉ có một mình Trình đuổi, nên không kịp.

Tôi toan trốn. Hắn phen này Trinh đến đánh tôi như tử cho hả giận.

Một lát, anh trở lại, thở hồng hộc, trở vào mặt tôi, nghiêng rằng:

- Chỉ tại thằng này mà hỏng cả việc? Đồ khốn nạn! Phải biết bao công phu người ta mới khám phá ra vụ bí mật này, nay nó làm hỏng.

Tôi sợ xanh mặt, đứng tránh xa, không dám nói ruột tiếng.

Rồi cầm hờn, anh hô:

- Xuống cả! Đi theo đây!

Thật như cái máy, tôi theo sau Trinh. Trinh lò dò chui qua cửa lò và nhảy xuống một chỗ phẳng. Chúng tôi cùng xuống theo. Trinh nói:

- Tôi biết đích rằng thằng này cũng khôn, nhưng chẳng ngoan. Trong khi bối rối, nó chưa kịp đem theo cái gì ta cả. Tìm kỹ, tất bắt được tang vật.

Tôi nói:

- Nó treo trên tường hay để dưới đất?

Trinh mắng:

- Ngốc, lấy gì treo mà anh bảo nó treo? Nó phải để ở dưới đất.

Tôi nhanh trí, nói:

- Coi không nỡ. Đi khéo? Tìm kỹ?

Đèn bấm bật lên, lia hết chỗ nọ đến chỗ kia, ba bốn lượt. Trinh thỉnh thoảng hô để khuyến khích:

- Tìm kỹ, muốn trừ diệt hung đồ, ta hãy bắt tang vật đã!

Chúng tôi yên lặng, mỗi người một chỗ, còng lưng cúi sát mặt xuống đất mà mãi chẳng thấy một vật gì khả nghi, nên đã lấy làm chán nản.

Bỗng người con ông Nghị reo lên:

- Đây rồi!

Trinh mừng rỡ:

- Có thể chứ! Đâu?

Chúng tôi xúm lại xem, ai nấy sợ hãi.

- Đâu? Đâu?

Theo ngón tay trỏ, ngọn đèn bấm của Trinh to ra một tia lửa sáng như ban ngày. Tang vật đó to bằng vành khăn đàn bà, cuộn khoanh lù lù trên mặt đất thành một bãi, đầu hình búp măng, màu vàng, mà ở đuôi là có hơi ngạt, thôi thối...

2-10-1936

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cái nạn ô-tô

Về việc mở số cái xe ô-tô của quan Huyện mà bác phó lý sở tại được trúng, thì ai cũng phải buồn cười:

- Thật là xầm vớ miếng gan!

Quái thật? Hai mươi người đánh số, nào ông thừa, nào cụ lục, nào quan nghị viên, nào các thầy chánh phó tổng, chánh phó lý, biết bao người ước mong, thấp thỏm, mà rút cục, cái xe ấy lại vào tay bác phó lý là người không đáng có! Thế mà bác ta chỉ vì sợ quan mà bỏ ra mười lăm đồng để mua một số, chứ nào bác có dám hám gì đến ô-tô.

Cái xe ấy hãy còn tốt lắm, quan bảo thế. Đáng lẽ ngài đưa lên Hà Nội để bán, thì rẻ ra cũng được bốn trăm. Nhưng ngài muốn bày ra cuộc đánh số ở trong hạt cho vui, để mọi người cùng được hy vọng có ô-tô bằng một món tiền rẻ đặc biệt.

Cho nên, mười lăm đồng được cái xe, giá vào địa vị chúng mình, thì hẳn mừng quýnh lên mà mua phăng dầu xăng, rồi vặn máy đi diện phố. Nhưng bác phó lý tôi thì cứ băn khoăn từ hôm trúng số đến nay.

Bác đâm lo. Mà lo nhất là món tiền khao xe. Bởi vì những người thua, ai cũng cho bác là may, ép bác sửa một bữa chén mừng. Bác nể, nên phải méo mặt mà mừng vậy?

Tiệc xong, họ quây quang bàn đèn. Ông thừa đang nạo xái, gọi bác và bảo nhỏ:

- À này, bác phó, bác cũng nên mua cái gì vào tạ quan, mới nghe được. Nhờ ơn ngài, nên bác mới mất ít tiền mà được cái sang trọng như thế này. Nay bác đã thết chúng tôi linh đình, mà bác lờ ngài đi, coi không tiện.

Rồi người xui mua cái nọ, kẻ bàn nên lễ thứ lùa. Kết cục bác phó lý lại phải tạ quan. Vì ngài đã cho bác cái ơn trời biển ấy.

Nhưng mỗi bận bác ra vào huyện, mà trông thấy cái xe của bác để ở sân trại lệ, thì bác lại phát phiền! Nhất là cái mũi xe, trông đằng trước, có đủ cả mắt, mũi miệng, sao mà nó giống cái mặt người thế? Thôi thì chắc nó còn ngoàm của bác không biết bao nhiêu tiền đây. Nào tiền sớpphơ, nào tiền dầu xăng, nào tiền chưa lại máy, mới đi được. Vì quan bảo:

- Xe này vẫn tốt. Nếu cứ thay cái bộ máy, thì lại như mới ngay.

Nhưng bác rước nó về làm gì? Ai lại phó lý mà dám chơi ngông thế bao giờ!

Dùng nó thì bác chẳng đáng, cái đó đã hẵn đi rồi. Song, bán thì biết bán cho ai được?

Thành ra bác cứ vớ vẩn mãi. Thế mà chưa chi người nọ đã gạ mượn, người kia đã tán xin cho đi nhò. Gớm khó chịu quá?

Bây giờ bác đã có tiền nào đâu? Vụ gặt vừa rồi, được bao nhiêu thóc bác đem bán rẻ để nộp quan, tạ quan và chi tiêu về bữa khao xe hết cả rồi, còn gì?

Thôi cũng đành. Bác cứ để xe trong huyện, chứ đem về làm gì? Mà đem về bằng cách nào? Không cò tiền mua xăng, không thuê ai vận máy, chẳng lẽ lại sai lũ tuấn nó trối lại mà gánh đi hay sao?

Phiền quá thực? Vợ bác thấy bác tốn kém, cứ giầy vò bác mãi. Rõ đàn bà hay lời thôi. Nó có biết đâu rằng vì cái số bác chẳng may - thôi cũng là thất tài nên bác mới trúng xổ số cái ô-tô như thế. Thì thà cứ chịu đi, để được lòng quan, được lòng các ngài tai mắt trong hàng huyện. Chứ nay nó nhieh móc, mai nó đay nghiến - mà việc đã lỡ ra như thế mất rồi - thì thật oan bác quá. Chán thật! ô-tô ô tiếc làm gì cho rầy rà! Bác có vào địa vị dùng được nó đâu, mà sao ông trời khéo oái oăm quá thế?

Ai thấy bác bỏ lẩn bỏ lóc cái xe, cũng bảo bác đại bác phí của. Nhưng có biết đâu là bác đâm ra khốn quẫn vì nó mất rồi?

Thỉnh thoảng, gặp ở đường cái chiếc ô-tô nào đang chạy, bác nhác trông lên, thấy anh tài xế, thì bác phải xấu hổ. Anh ấy mặc quần tây, áo tây, đội mũ tây, trông oai vệ cứ như ông Tây. Trái lại, bác đi đất, quần áo thì lượt thướt.

Chẳng phải bác không có giày và áo xống đẹp để mặc đâu. Nhưng ăn mặc làm quái gì? Công việc của bác có cho bác được sắm những thứ sang trọng đâu?

Đến ngay như lý trưởng, lên quan, còn phải tụt giày bỏ bỏ đi nữa là phó lý? Thì chẳng lẽ ông chủ thế này, mà người làm công lại thế kia hay sao?

Thôi thì đành liêu. Cứ để cái xe ở trong huyện. Dù quan có giục, cô quở, cũng cứ khất lần. Chẳng lẽ ngài chôn chân, bỏ tù hoặc dọa cách cổ để bắt mang xe về hay sao? Làm gì ngài chẳng hiểu? Thật ra bác đã bị quan huyện đòi lên hai ba lượt để ngài hỏi về việc xe ô-tô Nhưng lần nào bác cũng bẩm: - Bẩm quan lớn, cho phép con thư thư vài ngày nữa con xin mang về.

Ấy là nói đỡ đòn, chứ bác đã định ngày nào mang về đâu. Không biết quan huyện có ái ngại cho tình cảnh nhà bác hay không, mà bác vẫn thấy ngài bảo:

- Anh có của mà không biết dùng? Mấy trăm đồng bạc mà cứ để phí để hoài như thế?

Bác cũng tiếc của lắm chứ có phải không đâu?

Nhưng biết làm thế nào? Giá ngài ban cho ít dầu xăng và cho mượn cậu tài

xế, thì chả phải bảo, bác quyết chẳng từ mà ngồi phất lên cái đệm lò xo êm êm, và cho cả vợ cả con đi quần một vài vòng cho hả cái vong linh. Nhưng mà túi nhẹ thì chớ hòng cảnh sung sướng!

Thế là bác cứ kê cái xe ô-tô của bác cầu vợ cầu vát ở sân trại. Ai trông thấy cũng phải tiếc hộ bác. Quan huyện lại giục, thì bác lại khất lần.

Nhưng ngài thấy bác lúng túng mãi, thì hẳn ngài cũng thương. Một hôm, ngài truyền bác vào nhà tư, và hỏi khẽ, giọng thân mật:

- Tôi hỏi thực anh, thế anh có muốn dùng cái xe này không?

Bác phó gãi tai, không dám giấu:

- Bẩm lạy quan lớn, cảnh nhà con thực bần bách con không thể dùng được ạ.

- Thế thì sao anh mua số làm gì?

Bác phó thấy quan phàn nàn hộ mình thế, biết là vì bận nhiều việc, nên ngài quên bằng ngay câu ngài đã bảo bác độ nọ: “Anh nhà khá, phải lấy một số”

Nhưng nhắc lại câu đó làm gì? Bác thưa:

- Dạ!

Ngài dịu dàng nói:

- Thế thì anh để xe không cũng vậy, mà nó đến hạn đến gì, rồi hỏng đi, thì tôi cũng tiếc. Vậy tôi cho lại anh năm đồng. Chứ chẳng lẽ anh mất tiền khoảng không, mà không được dùng xe, thì tôi không đang tâm, hiểu chưa? Câu nói nhân từ ấy có gì là khó hiểu. Bác phó mừng như nơ nang khúc ruột, đáp:

- Dạ.

Quan nói:

- Nhưng mà anh để cái xe này tôi dùng hiểu chưa?

Câu nói ấy cũng rõ ràng như câu trên, nên bác phó hiểu ngay, bèn gãi tai đáp:

- Dạ.

Bác mừng quá. Rũ được cái nợ ra, bác thấy nhẹ cả mình. Muốn tạ lòng thương người của quan phụ mẫu, bác cảm động, vái dài một cái, rồi hớn hờ ra về.

Đi đường, gặp người quen, bác khoe cái việc may mắn này, và nói:

- Nếu quan không thương tình, thì tôi bị cái nạn ấy những hơn sáu chục bạc?

1-1934

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cái tết của những nhà đại văn hào

Lê sức nghĩ ra một ý. Anh vội vàng tung chăn, vùng dậy. Anh rửa mặt mũi, mặc quần áo, vừa huýt sáo râm râm, vừa xếp lại những chồng báo bày la liệt trên ván gác. Anh cuộn bản thảo cuốn tiểu thuyết PHÁ SẢN vừa viết xong được hai hôm.

Anh vui vẻ đứng nhìn xung quanh. Căn gác ấy không còn bày đồ đạc gì để phải dọn thêm nữa. Anh cúi xuống, cuộn chiếc chiếu nằm giải ở mặt sàn, rồi cặp cuốn văn vào nách.

Bỗng tiếng giày râm rộ ở cầu thang làm Lê nhìn ra.

Chưa thấy người, anh đã nghe tiếng hỏi:

- Lê đã dậy chưa, mày?

Nhận ra tiếng Vũ, Lê mừng rỡ, đáp:

- Tao sắp đi đây.

Vũ đẩy cửa vào. Theo thói quen, không ai bắt tay ai. Vũ thấy bạn áo quần chỉnh tề, thì ngạc nhiên, hất hàm hỏi:

- Đi đâu?

- Tao đi Hà Đông, ăn tết với thằng Trần.

Vũ còng lưng, cười bò ra, nói:

- Thế thì đen tao. Tao định đến đây ăn tết với mày. Vì tao chẳng còn đồng xu nhỏ?

Lê vênh váo, đập tay vào túi:

- Tao còn những một hào. Thế thì tao là nhà văn có giá trị hơn mày.

Vũ giơ cánh tay phải, cúi gập lưng, chào một cách cung kính:

- Phục ngài lắm? Chừng thằng Trần viết giấy mời ngài vào với nó? Nó có tiền nhuận bút của bài viết cho số báo tết hay vừa lấy tiền bản quyền cuốn kịch ĐOẠ ĐẦY.

Lê lắc đầu:

- Nó kiết hay có tiền, cái đó tao không cần biết. Nhưng tao đoán ít ra túi nó cũng có từ hào một trở lên, nghĩa giàu hơn tao.

Vũ ngăn:

- Nhưng tao định đến đây ghẹ mày cái tết, mày nghĩ sao? Tao chẳng còn lấy một trinh Bảo Đại. Cái món tiền bán đứt cuốn thơ MƠ MÀNG, tao lấy thàng trước chúng mày xâu xé hết nhẵn cả rồi.

- Thế thì về Hà Đông với tao.

- Nhưng mày mượn cái bò, nhét tao vào, giả vờ làm bò hàng, chứ chả lẽ mày đi xe, tao đi bộ à?

- Không cần, hãy chịu khó cuốc xuống Thái Hà, rồi hãy diện xe điện.

Đôi bạn hăm hở đi. Trời quang tạnh. Gió lạnh rít qua tai. Rét như cắt. Phố xá ngày ba mươi tết, ngổn ngang về người với xe. Chiếc cao-su lù lù hoa cúc

vàng, và ngất ngheo càn đào phớt, chạy ịch về phía ga.

Ông nhà quê, nách cặp bánh pháo, câu đối, đầu ngón tay lúng lẳng củ thủy tiên hàm tiếu, dừng chân lại, ngắm cái khăn xếp bày trong tủ kính. Các bà ở chợ về, ôm thúng đậu hoà lan, bong bóng, tay còn xách con gà thiến nặng trĩu. Những cậu nhỏ, quần xắn đến bẹn, đội uôm uôm từng thùng nước vào ván cửa để cọ, bắt chập cả người đi trên hè. Một vài thằng nhãi, nén hương cầm tay, nắm pháo trong túi, thi thoảng lại đốt đánh đẹt làm anh phu xe giật nảy mình.

Lê và Vũ xoạc thật dài căng, nện gót giày xuống vỉa hè còm cộp, đi như lính ra trận. Bỗng Vũ vờ hai ngón tay, hỏi:

- Mày còn thuốc lá không?

Lê mỉm mép:

- Tao cũng sắp hỏi mày câu ấy.

Tiếng cười tung ra, làm ngoái cổ cả những cô tiểu thư xinh nhất và lười nhất trần đời, thẳng tay cầm một tập những sách tết và báo tết.

- Này, Vũ, chúng nó sấm tết như chửi vào mặt chúng mình vậy.

- Kệ.

(Bị xoá một đoạn bởi Ty kiểm duyệt của bọn thống trị Pháp)

- Tao hận nghề lắm, lúc nào cũng nghèo xơ nghèo xác. Trông bọn văn sĩ, thằng nào cũng gầy như con mấm. Thế mà độc giả, nhất là các cô kia, họ tưởng mình ghê gớm như thần như thánh!

- Chẳng hơn những thằng làm nghề khác à? Có ai thèm đếm xỉa đến chúng nó.

- Mà bạn bè đũa nào cũng một tuồng như mình. Động hở ra đồng nào là xúm nhau lại phá cho kỳ hết.

- Còn hơn những thằng nhà giàu, bọn mình có ai thèm bạn với đấy? Mày phải tự kiêu ở chỗ nghèo. Cái nghèo của nhà văn là cái nghèo thanh cao, cái nghèo đáng trọng, cái nghèo phải ghi vào lịch sử văn học của thế giới.

Chúng ta nghèo, vì có bao nhiêu ở trong tim trong óc, chúng ta trút cả ra để làm giàu cho tim óc thiên hạ.

Lê nắm tay bạn, thụi rõ mạnh vào vai:

- Tao chúa ghét những loài thi sĩ như mày. Chỉ biết sống mơ mộng. Mày phải nhớ rằng hiện giờ này, mày không dính một trinh trong túi, ba mươi tết, mày mò đến nhà tao, định ăn phò tao cái tết, rồi mày với tao phải lần đến nhà thằng Trần. Có đúng thế không?

- Nhưng văn học sử ngày sau, người ta nói đến tên nhà tiểu thuyết Lê, nhà thi sĩ Vũ, nhà kịch sĩ Trần, vân vân... Chúng ta sẽ bất tử.

(Bị xoá một đoạn bởi Ty kiểm duyệt của bọn thống trị Pháp)

- Mày nói câu ấy, tỏ ra mày khá thông minh. Nghĩa là sau khi chết, nhà văn còn bất tử, và chỉ bấy giờ nhà văn mới bình tĩnh được sống về vang hơn vua

chúa vì nhà văn không phải lo cơm áo nữa!

Chẳng mấy chốc, hai anh em đã đứng ở trước cửa chùa Đồng Quang, chờ xe điện vào Hà Đông.

Đề mặc Lê và Vũ xem cuốn kịch của mình mới viết xong, Trần nhìn làn khói thuốc lá cuồn cuộn, yên lặng nghĩ ngợi. Bỗng anh vỗ tay cười, và tuyên bố:

- Không cần, tao nghĩ ra rồi. Đồng bạc của tao để làm tiền hành lý, chúng ta kéo đến nhà thằng Nguyễn. Mấy năm nay, nó in nhiều sách, thế nào cũng rộng tiền hơn chúng ta.

Lê đứng phắt dậy:

- Ủ phải đấy, có cái kho tiền ấy mà tao quên bég đi mất. Nó vừa bán sách cho nhà nước, vừa bán văn cho nhà xuất bản, thì làm gì nó không giàu.

Vũ ngậm ngùi, lắc đầu:

- Tao không muốn đến nhà thằng Nguyễn, vì cuộc bút chiến giữa nó với tao chưa kết thúc. Sợ cuộc gặp gỡ mất vui.

Lê cười:

- Thế ra mày thông minh hơn tao thật? Mày phải hiểu mày với thằng Nguyễn, mà cả làng văn chúng ta nữa, nhiều khi chính kiến, tư tưởng không gặp nhau, nhưng gặp nhau ở chỗ nghèo kiết. Mày không nhớ năm ngoái, thằng Trần với tao bút chiến trên báo, chắc người ngoài tưởng hai đứa có thể im dao đâm chém nhau được, nhưng chính trong thời kỳ cãi nhau kịch liệt ấy nó với tao vẫn ở chung với nhau một nhà?

Trần sung sướng, đáp:

- Phải, chúng ta chỉ hơn người có chỗ ấy. Việc văn đi việc văn, mà tình bạn vẫn là tình bạn, không bao giờ chúng ta thù hằn nhau nhỏ nhen. Nhưng mời các ông nhở rề lên thôi chứ. Các ông triết lý với nhau mãi, thì lỡ mất tàu.

Ba anh em đứng dậy. Lê nhìn Trần, hỏi:

- Mày cũng đi đầu trường như chúng tao thôi à?

Trần mỉm cười, vuốt tóc, rồi gật.

- Vừa kinh tế, vừa đúng một, tội gì không theo thời!

Ba nhà văn đến bến ô-tô. Lúc ấy, xe đã chật như nêm cối. Lê bị xếp lên lòng một ông cụ. Vũ bé nhỏ, ghé một tí vào cái thành đệm. Trần, chủ tịch cuộc trả tiền, bằng lòng đứng lủng lẻo ở bậc ngoài. Không ai thềm nhìn lại cảnh xán lạn vui tươi của Hà Thành hoa lê đương tấp nập vì tết.

Chiếc xe nhô lên, thụp xuống trên đường trái đá đã về già tung ra những tiếng còi khàn khàn, nhưng tiếng máy phành phạch và những tiếng kêu oai oái. Bụi như mây. Mùi dầu xăng khét lẹt.

Đi độ nửa giờ, xe đỗ lại. Ba anh em xuống, giữ quần áo rồi rẽ về phía làng.

Những cây tầm xuân đại đầy hoa, nhuộm trắng hai bên đường cỏ xanh rì.
Ruộng tồng màu, xen vẻ xanh tươi của rau diếp tây với vẻ xanh mốc của rau cải bắp.

Luống khoai lang tím làm nổi bật dãy cải hoa vàng.

Cảnh tết ở nhà quê kín đáo hơn thành phố. Những cây nêu dựng lên la hét, loè xoè cụm lông gà, phấp phới ngọn cờ đỏ, và lạnh lạnh chùm cá khánh.

Người ta sửa soạn tết bằng những mảnh giấy đỏ mới, dán ở cột hiên, những bàn cờ, cánh cung, hình vuông tròn, vẽ la liệt bằng vôi bột trắng xóa trên sân gạch màu gan gà.

Chợt nghĩ ra, Lê nói:

- Chẳng biết Nguyễn nó có về không. Tao chỉ sợ nó ăn tết ở ngoài ấy, thì rồi ai khênh chúng mình về Hà Nội?

- Thế nào nó chả về. Và ít ra nó cũng nhiều tiền hơn bọn mình. Và nó chả chịu an trí ở ngoài đảo ấy đâu.

- Đành vậy, nhưng nó có đủ thì giờ mà về được đến nhà ăn tết hay không?

Vũ cau mày:

- Được đến đâu hay đến đó. Chúng mình đi đâu mà chết đói được. Nó không có nhà, đã có anh em nó tiếp chúng tao. Và nếu không gặp ai, chúng mình cứ vào bừa một nhà nào đó, chẳng lẽ người ta nỡ hất hủi ba nhà đại văn hào à?

Lê khen:

- Mày khá đấy. Chắc là nếu không ập nó, mày sẽ công anh em tao về Hà Nội.

Ba anh em đắc chí, phá ra những chuỗi cười giòn tan.

Lúc ấy, Nguyễn đang ngồi xỏm trên hè. Chừng buồn quá không biết làm gì để giải trí cả. Bỗng thấy ba bạn ở cổng bước vào. Nguyễn mừng như bắt được của, vội chạy ra đón. Anh đứng khuynh tay như ông tướng, hất hàm, hỏi:

- Ai đưa cái chú đến nhà anh?

Vũ nói:

- Cái nghèo của nhà văn nó đưa các cụ lớn đến, chứ ai? Các cụ lớn đã ra nghị định đến báo cô tên tiểu thuyết Nguyễn cái tết. Không ai có thể trái lệnh!

Lê ngắt lời:

- Chúng tao hết cả tiền, không biết ăn tết bằng cái gì được, mới rủ nhau đến sát mày một mẻ.

Nguyễn cau mặt:

- Tao tưởng chúng bay đến chơi với tao, thì tao mới tiếp. Chứ chúng bay đến chơi với cái bánh chưng nhà tao thì tao tổng cổ bây giờ. Chúng bay kém quá.

Chúng bay còn nghĩ đến Tết, không trách chúng bay khổ một đời. Tao đây lúc nào viết xong cuốn sách, ấy là cái tết của tao đấy. Thành thử mỗi năm, tao hưởng ba bốn cái tết. Còn như cái năm nó hết, thì mặc kệ nó, can gì đến mình mà mình cũng nhắng nhít lên?

- Nhưng thấy thiên hạ họ náo nức về tết, tự nhiên trong mình nó cứ thế nào ấy.

- Tao ước gì người ta cứ vứt hết lịch đi, không ai biết ngày nào tháng nào nữa. Để cho những bọn ngu như chúng bay khỏi làm tao bức mình.

- Thế thì mày nói rõ ngay rằng mày cũng đếch có đồng tiền nào để ăn tết, nghĩa là mày không hơn gì chúng tao, có dễ hiểu hơn không?

Nguyễn đánh vào vai Lê, gật gù khen:

- Thăng này bao giờ cũng ranh mãnh nhất.

Nguyễn rủ các bạn vào trong nhà, mở ngăn kéo ra, lấy hai bức thư:

- Tao còn nguy hơn chúng mày. Chúng mày tuy kiết, nhưng không nợ. Tao bị nợ mới tai ác chứ. Đây, hai thằng chủ nợ nó gửi thư cho tao.

- Chúng tao tưởng một có lương của nhà nước, lại có những tác phẩm xuất bản luôn luôn, thì mát mặt hơn chúng tao mới phải.

- Đành vậy, nhưng nếu tao không làm văn sĩ, có lẽ tao giàu to rồi, không biết chừng. Đẳng này, tuy có tiền nợ tiền kia, mà tao cứ lúng túng thế nào ấy. Thì ra tao mới nghiệm ra rằng đã là cái kiếp nhà văn, chả đứa nào thoát được sự long đong. Đến tao mà còn sống xo sống giụi như thế này, nữa là chúng bay. Phải đã là văn sĩ, tất phải kiết, nếu không kiết, sao gọi là văn sĩ?

- Nhưng hai đứa nó thúc nợ mày? Coi không khéo tám hôm nữa, hên hết, chúng tao lại tiền mày vào hoả lò nhé.

Nguyễn lắc đầu:

- Không sợ. Chúng nó dọa nếu trong tám hôm, tao không trả được nợ, chúng nó sẽ kiện. Nhưng tao cứng hơn, đã trả lời thách lại rằng trong mười lăm hôm, đứa nào không kiện tao, thì tao trả tử tế, nhược bằng kiện, thì tao sẽ ỳ ra cho mà biết tay. Nghĩa là, có anh hùng gì đâu tao làm kế hoãn binh, để thì giờ cho vợ tao đi xoay chỗ khác.

Trần giơ nắm tay dọa vào mặt Nguyễn:

- Mày đại như con cây? Nhận được thư thằng chủ nợ, sao mày không xé mẹ nó đi, còn đọc làm đếch gì cho phải bận tâm? Một là nó chửi mày, hai là nó dọa bỏ tù mày, chứ có đời nào nó lạy van mày để xin xi xoá nợ cho mày đâu?

Bốn anh em lại rũ ra mà cười. Lê nói:

- Cho nên lắm lúc nghĩ đến nghề cầm bút, tao đâm ra cáu kỉnh. Vì lợi ích chung, mình phải nạo đầu nạo óc. Thế mà mình cứ bị người ta nghi kỵ, khinh miệt, chèn ép. Người ta muốn mình nghèo kiết suốt đời để chán mà bỏ nghề.

Nguyên cau mặt:

- Thế thì mày phải cẩu với bọn mà mày gọi là người ta ấy. Còn với nghề, mày phải yêu quý, tự hào. Nghề của mình là nghề cao thượng nhất, vì nó thật thà nhất. Bởi vì giá trị của mình ở mức nào, thì nó thể hiện ngay tới mức ấy bằng giấy trắng mực đen. Ai muốn nâng nó lên, hay muốn chìm nó xuống, đời cũng không nghe. Mình không như những đứa làm bất cứ nghề gì khác ở xã hội này. Ở xã hội này, họ không cần giỏi nghề bằng giỏi khen rầm quan thom, và giỏi nói dối với nói phét. Để họ được ăn không ăn hồng danh lợi quan ban cho họ.

Bổng Trần cười khanh khách:

- Ừ nhỉ. May mà làng văn mình chưa có quan. Chứ tao tưởng tượng giá làng văn mà nảy sinh ra hạng cụ lớn hạng quan lớn, thì tất phải đẻ ra lũ nha lại, tổng lý, lính tráng, thì sẽ có vô thiên lủng những cái quái thai mót cười! Này thơ ca tán tụng, nào phê bình nịnh hót. Rồi những truyện ngắn, truyện dài trào phúng tha hồ mà chua chát...

Không để bạn nói hết câu, Vũ đập vào vai Nguyễn:

- Đúng là mày còn nhiều tướng tinh nghèo kiết, Nguyễn ạ. Thôi, nhưng mà không bàn luận suông cho mất thì giờ. Tao hỏi mày một câu ngắn thôi. Có phải tết này mày cũng nhịn như chúng tao phải không?

Nguyễn cười mỉm, gật đầu:

- Ý thế. Nhưng tao còn đủ tiền nuôi chúng bay trong những ngày tao còn được nghỉ ở nhà.

- Chúng tao định ở đây đến mùng bốn.

- Được chẳng định thế, thì đến hôm ấy, tao cũng tổng cổ. Vì mùng năm, tao phải cuốn gói lên đường.

- Nhưng mày cho chúng tao ăn tết bằng gì?

- Thì tao đã bảo, tao chẳng có gì cả. Tao chỉ sẵn giường sẵn chăn, cho chúng bay ăn tết bằng những giấc ngủ ngon lành.

Lê gật:

- Thế cũng đủ an nhàn rồi.

- Và nói những chuyện văn chương.

- Thế thì càng vui. Bởi vì chúng ta là những nhà đại văn hào, chúng ta không cần gì hết.

Sáng mùng một đầu năm. Từ mờ sáng đến lúc tám chín giờ dần dần, nhà nào cũngalet một bánh pháo ngắn để đón xuân. Duy nhà Nguyễn, vẫn cửa đóng then cài im ỉm.

Vợ Nguyễn đi lo xoay món nợ khăn chưa về. Mà bốn vị đại văn hào, vì đêm trước thức khuya, nên vẫn còn ngủ say như chết.

Trong bóng tối của gian nhà, hai bộ ghế ngựa mới kê giáp nhau, bốn thân

hình nằm lù lù như bốn cái mả.

Cạnh đó, là cái bàn, trên để những bản thảo, hoặc sách đã in. Địa chén ngổn ngang, cấu những ngăn chề đặc.

Bỗng trảng pháo điện quang của bên hàng xóm nổ, bắn những tiếng xé màng tai, làm Trần tỉnh giấc. Trần cựa. Rồi lại nằm im. Nhưng lết đệt một lượt nữa, anh không thể ngủ thêm được. Anh ngáp, khục tay, ngẩng dậy nhìn các khe cửa, rồi vói ở trên bàn, lấy bản thảo cuốn NGƯỜI ĐÀN BÀ.

Trần mở sách, ghé ra ánh sáng khe cửa để đọc. Thấy Nguyễn cựa, anh lay vai hỏi:

- Không ngủ nữa à? Này, thật đấy, mày nói phải đấy, nước Nam mình không hiếm gì nhân tài đâu. Duy chỉ vì cái nghèo làm hại, không cho cái tài nó nảy nở ra được.

Và còn những sức đề nén khác làm thui đi nữa.

(Bị xoá một đoạn bởi Ty kiểm duyệt của bọn thống trị Pháp)

Lê mơ màng, nghe các bạn nói chuyện thì chêm vào:

- Phải, đại khái như tao, một thức giả kiêm “ngủ giả” đại tài thế mà chúng mày cứ bô bô bên cạnh tai, khiến cho tài của tao không thể phát triển được.

Nguyễn đạp chân vào lưng Lê, nói:

- Dậy mà nghe tiếng pháo họ ăn tết, vui đáo để!

Trần vung hai cánh tay lên không, đáp:

- Ủ nhỉ, hôm nay mừng một. Ở Hà Nội tha hồ vui.

Bọn trưởng giả thì nhau cái sang trọng, họ ăn uống chơi bời thật hả hê. Lúc này, quần áo nhan nhản ở phố, ngoài đường ô-tô như mắc cửi.

Một trảng pháo lại nổ liên thanh. Vũ nói:

- Sướng thật, vui thật, cảnh tết thật nên thơ.

Ngoài đường làng, người thì mặc quần áo mới, đội khăn mới, đi giày mới, người thì nhai trầu bồm bồm, thuốc lá phì phèo, sột soạt đi lễ tết nhà nhau.

Các cô con gái thì yếm đỏ, thắt lưng tím, áo nâu non đôi vai lên chùa hái lộc.

Họ gặp nhau, chúc nhau bằng những câu rất hoang phí.

Vũ cảm khái, nói:

- Cả nước Nam, mà có lẽ cả nước Tàu nữa, nghĩa là một góc địa cầu, đương vui vẻ về tết. Duy có bốn anh em mình phải nằm khàn, đắp chăn xù xù, chưa thềm dậy.

- Bởi vì chúng mình là những nhà đại văn hào. Chúng mình góp tâm trí chúng mình vào ho cái tết của họ được thêm vui. Thế là chúng ta cũng ăn tết, cái tết tinh thần.

- À, đánh thức thằng Lê đi, nó ngủ nhiều khiến mình phát ghen. Lại không đến chín mười giờ rồi à? Cá một phần địa cầu người ta tấp nập, mà nó còn như thằng chán đời.

Nguyễn lay Lê:

- Dậy, mồng một tết rồi! Mười giờ rồi? Dậy mà ăn cái tết tinh thần với đời!
Bị động mạnh, Lê cựa. Anh nhả nhó cái mặt ngái ngủ, góc cổ lên, nhìn nhà cửa, nhìn bạn bè, nhìn xung quanh. Rồi không biết nghĩ thế nào, anh lại nằm xuống, kéo chăn kín gáy, đáp:
- ăn cái tết tinh thần là ăn cái cóc khô gì, chúng mày?

2-1940

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cái thú tổ tôm

Nhiều người lấy làm lạ cứ hỏi nhau tại làm sao ông nghị Đào độ này thích tổ tôm thế.

Kể cũng là việc quái gở thực? Vì xưa nay ông ấy chúa ghét đánh bạc. Đến ngay như lũ trẻ nhà ông ấy ngày tết, túm tụm lại, đánh tam cúc một xu bốn cây với nhau, mà ông cũng cấm nữa là?

Còn ông, thì đồ ai thấy ông châu rìa một đám bạc nào. Ông thường nói:

- Đánh bạc, vừa hại tiền, vừa hại thì giờ, vừa hại sức khỏe. Nhà nào mà bố mẹ hay mê man cờ bạc, thì con trai hư đàng con trai, con gái hư đàng con gái. Chẳng thế, cứ bắc kiềng lên lưng tôi mà đun!

Thế mà sau khi ông goá vợ được vài tháng, thì ông mê tổ tôm như điên đảo.

Có người bảo ông mới được làm nghị viên, nên học cách giao thiệp. Nhưng đánh tổ tôm nào phải cách giao thiệp? Và ngày hội đồng dân biểu họp nào có phải các ông nghị đến hội quán Khai Trí Tiến Đức để đánh tổ tôm đâu?

Vậy thì chắc rằng bà nghị mất, ông đâm buồn. Buồn thì phải tìm cách tiêu khiển. Rượu không biết uống, phiện không biết hút, gái không biết chơi, thì ông có thỉnh thoảng đánh canh tổ tôm, có hại gì? Không hại nhất, là ông chưa có con trai hay con gái lớn.

Tổ tôm, ông mới học hơn một tháng. Nhưng ngay từ lúc mới học, ông đã dám ngồi một chân. Ông chỉ đánh ở nhà cụ Chánh Bá. Ở chỗ khác, dù có lập cuộc tổ tôm mà thiếu một chân, thì giá họ có mời rã bọt mếp, cũng không khi nào ông ngồi đánh. Có lẽ vì ông không chịu tiếng bê tha chẳng

Nhiều lúc, ông sang nhà cụ Chánh Bá, rồi cho người đi mời con bạc đến. Có khi cụ Chánh Bá không tiền ông cũng cố ép cho vay để cụ đánh. Nhưng không mấy khi ông nhớ nợ. Cụ Chánh Bá muốn để đến bao giờ ông cũng không nhắc đòi.

Vậy mà ông chỉ đánh bạc để cầu vui thôi, chứ không mấy khi ông ngồi nóng

chỗ. Ông cầm bài độ dăm bảy ván, khi đã góp tiền đâu vào đấy, là ông mượn người đánh hộ. Rồi hoặc về nhà, hoặc đi có việc đâu một lúc lâu mới lại đến. Làng để ý vào cây bài quá, nên không ai hỏi nhau xem ông đi đâu.

Người ta, mà nhất là những người được ông nghị Đào nhờ cầm bài hộ, đều tỏ ý khen ông về lối chơi nhã nhặn, quân tử như thế. Họ khen. Vì họ muốn ông giữ mãi cái thói quen dễ chịu ấy. Người thì được đánh bạc không phải góp tiền, mà vì ông không hỏi căn vặn được thua bao nhiêu, nên họ dễ ăn bớt. Người thì được thông lưng nhau, đề một mình ông bị thiệt, vì họ coi ông như con bò!

Thực ra, chơi cái lối đánh tổ tôm cung phụng ấy, ông nghị Đào còn là mất chán tiền! Mà không chịu học đánh luôn luôn, thì còn xoi ông mới cao được. Ai lại ngay bây giờ, ông còn phải hỏi thế nào là lèo, cửu vạn, cửu sách và chi chi có là lưng không. Mà nào ông đã thuộc chữ quân bài đâu? Cứ đưa ông một quân, bịt kín chỗ vẽ đi, hỏi là quân gì, đồ ông có biết?

Cho nên, tuy ông lên bài rất chậm, ăn hoặc phỗng nhiều lúc rất lắm cảm, nhưng ai cũng cố kiên gan mà khen. Họ khen ông rằng:

- Đánh với ông nghị bao giờ cũng vui quá.

- Họ vui vì họ chắc chắn phần được. Dù không ù cũng được mười mười.

Cũng như mọi bận, những anh con bạc túng tiền đã tề tựu cả ở nhà cụ Chánh Bá để chờ ông nghị Đào đến nữa là vừa đủ chân.

Anh người nhà đã chia sẵn bài, và bày cả vào hời cái khay. Anh ta đã chế ít dóm, và làm đèn cẩn thận.

Cô Xuyên, con cụ Chánh Bá đã xếp đầy một coi trầu để chờ khách. Xong việc, cô đương ngồi ngoài hiên, ghé vào ánh sáng ngọn đèn, mà xâu những hào trình.

Mới mười chín tuổi đầu, nhưng cô Xuyên giỏi lắm. Thường cô đi chợ đi búa các nơi; buôn bán rất đăm đang, ai cũng khen. Nhiều anh con trai làng, thấy cô có sắc lại có vốn muốn hỏi cô làm vợ để được cưới cả cô lẫn cái vốn của cô. Nhưng cụ Chánh Bá còn kén kỹ lắm. Cụ không thích gả cho người làng, vì cụ xem chả cậu nào đáng mặt vác áo thụng đến làm rể cụ. Họ đều nghèo, và con nhà tầm thường cả. Cô Xuyên nhà cụ tiếng rằng ngày thường vẫn áo nâu, quần lụa, đi đất trông có vẻ nhà quê, nhưng ngày tết, thì cô ăn mặc sang nhất tổng. Cái khăn gấm tây, cái áo cát-sơ-mi hoa, cái quần lĩnh bóng, đôi dép Nhật Bản, và bộ dây xà tích dài đến tận đầu gối. Cứ cách ăn mặc thế, thì cô Xuyên phải lấy một anh chồng ít ra là có bằng Sết-ti-vi-ca. Huống hồ cô còn có vốn riêng, lại là con gái lớn của một ông Chánh tổng cự, có hàm cửu phạm bá hộ thì ít ra ông bố cũng phải thách đến dăm trăm là ít.

Thêm một ván cung Tổ nữa là sáu, mọi người bỏ tiền ra góp. Ông nghị Đào tuy không ù được ván nào, nhưng rất vui vẻ. Xưa nay, chưa ai hề thấy ông

thua bạc mà phát bắn bao giờ. Ông quăng hai tờ bạc giấy vào giữa rồi hỏi cụ Chánh:

- Thế nào? Cụ có tiền chưa?

- Có ông để tôi bảo cháu lấy.

Rồi cụ Chánh gọi cô Xuyên:

- Cho thầy vay hai đồng, mày!

Cô Xuyên tươi như cái hoa, đứng cạnh đèn, đếm tiền. Nhưng tiếc thay, cái hoa đẹp ấy lại không có ai thưởng thức. Vì ai cũng hai mắt đỏ đờn cả vào hai quân bài bắt cái.

Bỗng ông nghị nghiêm chỉnh, ngắc đầu lên, hỏi:

- Có đủ không, cô?

- Dạ, bầm đủ ạ. May, con vừa đòi được món nợ.

Đoạn cô đưa cụ Chánh nhón tiền, rồi đi vào. Mọi người giao hẹn phần của mình góp xong xuôi, quân bài bắt đầu đen đét xuống chiếu tiền, rồi lui, rồi lại nhẩy rải rác khắp chỗ nợ, chỗ kia.

Rồi ù, rồi lấy tiền. Rồi ván này. Rồi ván khác. Ông nghị Đào đã thấy chán, ông ngáp. Rồi ông gọi:

- Anh nào cầm bài hộ tôi tý này.

Họ đã thuộc tính, nên bao giờ cũng có vài anh dự khuyết, chực sẵn cả ở sau lưng ông. Ông đứng dậy, nhìn bài một lúc, bàn quân ăn quân đánh, hỏi nước thấp nước cao. Rồi một lát, ông không nói, đứng im. Rồi ông sang gian bên, hút thuốc, uống nước. Rồi ông ra hè, thỉnh thoảng nói vào một câu để đánh tiếng. Rồi im hẳn.

Trong khi ấy, cả làng không ai chú ý đến ông nữa.

Ai cũng để cả tâm trí mãi vào cây lục vạn, tam sách, ăn năm binh, hay bốc tốt cho cao.

- Cụ chịu à?

- Vâng, đen quá. Hết hội này, tôi phải đổi chỗ mới được. Đánh tổ tôm mà không được ù, bài xấu, thì chán chết. Không trách ông nghị hay đứng dậy cũng phải.

- Vâng, cụ đổi chỗ cho cháu!

- À? Để tôi bảo nó pha ấm nước chè tàu, uống cho tỉnh ngủ nhé.

Dứt lời cụ Chánh Bá, anh người nhà thừa:

- Bầm nước đương đun dưới bếp ạ.

- Càng hay, anh sắp ấm chén để tôi pha cho.

Nói xong, cụ Chánh đứng dậy, vờn vai, gân tay chân kêu răng rắc.

- Chà? Giãn thịt giãn xương! Dem khay chè ra đây tôi xuống bếp mang nước sôi lên hộ. Hoài của, giá đừng chịu thì vừa rồi được cái phỗng!

Rồi không tiếc nữa, cụ Chánh Bá mở cửa ra ngoài cầm đèn xuống bếp:

- Ủ, ra lúc mới mà được đi đi lại lại thì nó khoan khoái lắm nhỉ.

Nhưng thấy trong bếp lửa tắt ngấm tắt ngấm, cụ hỏi to;

- Đun thế kia thì đời nào nước sôi? Con Xuyên đâu rồi!

- Dạ!

- Mà ở đâu?

- Thừa thầy, con ở trong bếp này.

- Sao không đun quàng nước lên. Lại để tắt lửa thế?

- Nó vừa mới tắt, con thối mãi không được.

Cụ Chánh Bá bước vào cạnh ông đồ rau, gắt:

- Rơm không có thì mày đun bằng gì?

Cô Xuyên cuống cuống, chống hông lên, cố thổi đống tro tắt ngấm tắt ngấm.

Cụ Chánh đặt đèn xuống, mắng con:

- Mày lười, có khi nào được. Chỉ tổ hết hơi mà thôi. Để tao rút rơm cho vậy.

Nói đoạn, cụ đi ra mé đống rơm gần đó.

Bỗng trong chỗ tối cụ thấy lù lù có cái bóng đen đen.

Vừa ngạc nhiên, vừa sợ, cụ giật mình, hỏi:

- Ai?

- Tôi đây, cụ Chánh đây à?

- À ông nghị đây à? Ông đứng đây làm gì thế?

Rồi chẳng hay cụ Chánh thương ông nghị đã phải đứng chơi ngoài sương tối tăm không biết tự bao giờ hay sao, cụ dừng đỉnh nói:

- Mời ông lên nhà xơi nước chứ?

Vậy xin độc giả đoán nét mặt ông nghị Đào tôi bấy giờ thế nào. Và ông có lên nhà xơi nước hay không?

9-9-1934

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cái ví ấy của ai

Bây giờ đến cuộc nhảy đầm. Ông Nghè Luật, ông Bác Sĩ Thuốc, ông Kỹ sư Hoá học, ông Tú Văn chương, ông Bác vật Canh nông, ông Giáo sư Toán pháp, ông Huyện Tư pháp, ông Tham Lục lộ, ông nào ông nấy quyết phen này trở tài, cho khỏi bị cười rằng đã uống công bao năm du học.

Tiếng đàn nổi lên, du dương thánh thót như rót vào tai. Các bà, các cô, ngồi một lượt ở dãy ghế kê sát bên tường, nói cười, nghiêng ngả, tươi tỉnh như luống hoa trăm hồng ngàn tía đủ đờn trước ngọn gió hiu hiu.

- Ô? Nhà quê! fox-trot không phải là một loài, Tango cũng không phải là một bài. Đó là một lối nhảy, mỗi lối có tới hàng nghìn bài, mỗi ngày lại có bài mới thêm vào.

Ông Bác sĩ Thuốc ghé vào tai ông Tham Lục lộ nói như thế, nhưng ông Giáo sư Toán pháp nhảy một mắt lại đi vào tai bạn mà rằng:

- Chớ khinh *lui*(1), lui nhảy không sai nhịp, mà lại đưa *cavalière*(2) nhẹ nhàng và xinh lắm. *Moi*(3) vẫn chịu lui cái lối vừa nhảy vừa chuyện trò tự nhiên. Rồi *toi* (4) nhận mà xem, vai lui rất thẳng, không đụng đây, tay cũng vậy, chân đi khép, êm ái, mà không bao giờ đụng chân vào cavalière.

Rồi ba người bật mồm cười, trở vào ông Huyện Tư pháp:

- Thăng kia quan dạng, thế nào cũng xéo vào giày cavalière được độ mười lượt.

- Cứ mặc nó để chúng nó chửi cho.

- Mỗi cuộc khiêu vũ, ít ra nó cũng phải "*Pardon Mademoiselle*"(5) đến hai mươi lượt là ít? La Bạch N hạn vẫn chế nó là lái đò, vì tay trái nó lên xuống như bơi chèo! Ủ, mà đến nó nhảy thì ai cũng phải bật mũi; lưng thì cong, nhiều khi bụng lại ưỡn, chân thì soạn ra như thế này, đầu gối thì cong như thẳng tiêm-la. Lắm lúc anh chàng mệt, thở hổn hển, gót giày nện cồm cộp.

- Phải, thế là không có *tenue*(6). Nhưng không tởm bằng thằng cu Tú, tao tưởng nhảy như nó thì nhảy làm gì ôm vào người ta mà mắt cứ trợn ngược lên để nghe nhịp nhạc ông cũng đến chết với chúng nó thôi.

- Này! Bắt đầu đi chứ? Chờ gì nữa?

- Còn vài mẹ đương trang điểm ở trong buồng chưa xong!

- Làm gì mà nóng thế? Háo quá!

- Khôn nhưng tiếng pianô như xói vào tai, thì ai lạnh lòng được. Sao họ bắt nhả thế nhỉ! Nhảy đã tàng bỏ bu còn bắt người ta chờ đợi.

- *Toi* lỗ mãng nóng nẩy thế thì nước mẹ gì? *Toi* phải kiên tâm không thì hại cá chúng *moi* đấy! Rồi chốc nữa *toi* nhảy với con Kim Thanh mà xem, nó không quay cho choái người ra ấy à? Lần trước *moi* chóng mặt vì nhảy valse với nó.

- Nó có biết *valse lente*(7) không?

Ông Kỹ sư nói xong, bĩu môi, giún vai ra dáng khinh người. Ông giở điều thuốc lá vào gót giày, quăng đi châm điếu khác, rồi tiếp:

- Để rồi *moi* lật tay *elle*(8) cho mà xem. Chắc thế nào nó cũng sai *cadencer*(9). Rồi nó sẽ hết vía về lối *valse croisée* của *moi*.

- Thôi đừng làm họ ngượng. Đến đàn ông chúng mình còn chẳng hiểu *valse croisée* là cái quái gì nữa là họ?

- Đã vác cái mặt đi nhảy đầm lại còn ngượng thì thà ở nhà đâm đầu vào nồi cá kho mà tự tử cho xong? Thế thì cứ *fox-trot, marche, one-step*(10) có được không? Giờ valse ra làm gì?

- Thế mà *moi* thích *tango*(11) nhất Không Tử viết *Ùn tango dans tes bras, ét mon coeur chavire!...*(12)

- Nhưng ở đây không có đèn điện đỏ như các *dancing*(13)

- Cần gì? đèn điện đỏ để cho khỏi lẫn vàng với thau mà thôi, cho bọn nhảy tàng khỏi lẫn vớ *fox-trot lent*(14) chứ?

- Thế *slow-fox* là cái gì?

Thấy câu hỏi ngớ ngẩn, mọi người giậm chân xuống mà cười, họ bóp mũi ông Tham Lục lộ mà rằng:

- Mà cứ mang xôi gà đến đây, tao dạy cho. Nó là *foxy-trot lent*, tiếng ăng-lê gọi là *slow-fox* chứ gì! Mà hãy đi khắp thế giới xem nước nào còn nhảy *charleston*(15) ở đây mà nhảy. Coi không chốc nữa lại va cả vai vào người ta nhé!

- *Toi* phải biết *moi* tấn tới lắm rồi đây! Giá không có *Ta femme*(16) làm *entainemen*(17) *moi* mỗi ngày hai giờ, thì *moi* có dám liều mạng ngày hôm nay đây? *Moi* học chóng vì *moi* biết *battre mesure*(18)

- Ủ như *ma soeur*(19), không học *measure*, thành ra nó cứ *tâtonner*(20) lâu quá?

- Ủ, mà các cô ấy khi bỏ đời, người ta dạy cho cách chơi phong nhã, thì mãi mới nghe đây. Còn thẹn thò e lệ, lúc mới tập thấy tay người ta ôm ngang lưng, cứ cười rũ lên! Thế mới biết nước mình, cái gì cũng hèn kém?

- Thôi, chuyện hão mãi, phải giục họ đi chứ?

Nhưng chẳng bao lâu, lũ ghê bày cạnh tường đã được thành thói ngồi yên mà xem bọn tân-nhân vật họ lính sát sạt vào nhau họ nhảy. Loan vờn phượng múa loan ôm phượng, phượng bông loan. Tiếng đàn trầm bổng, như đưa nhẹ linh hồn lên cõi Bồng lai; cuộn giấy đăng xa ném tung lại, kéo dài ra cuốn cặp nợ dúi vào cặp kia, như sợi tơ hồng giàng buộc cho thêm chặt tấm tình ân ái.

Rồi một cái cúi chào cảm ơn, một cái gật nghiêng tạ lại một nụ cười xinh xắn, hồi vỗ tay gọn gàng. Rồi cuộc vui càng vui, nhảy xong lại nghỉ, nghỉ chán lại nhảy. Mấy anh bồi, anh bếp, anh xe, nhìn chị vú thập thò ngoài cửa sổ, thì thỉnh thoảng lại đưa một câu trêu ghẹo:

- Mẹ kiếp! Khoái lắm nhỉ!

Đêm khuya. Đêm càng khuya, cuộc vui càng nồng vẻ tình càng thắm. Nhảy hết điệu này sang điệu khác nên nhiều bà, nhiều cô, đến cả nhiều ông nữa,

thoái thác rằng sức yếu, phải rủ nhau chuồn vào những nơi kín đáo nói rằng để trốn! Nhưng chỗ đêm khuya ấy mới lắm ngón tài tình...

Bỗng ông Kỹ sư Hoá học nhón nhơ nhón nhác. Ông đập hết túi nọ đến túi kia, dòm hết chỗ này sang chỗ khác nhưng không thấy.

- *Toi tìm gì?*

- Quái? Cái ví của *moi* đâu mất!

Các ông các bà thấy cái tin dữ dội, phải hoãn cả cuộc vui và tranh nhau hỏi:

- Trong ví có gì không?

- Có nhiều giấy má quan trọng, có cả bốn trăm bạc tôi vừa mới lĩnh buổi chiều.

- Bốn trăm bạc? Trời ơi! Giắt trong mình làm gì cho thêm tội?

- Tôi vẫn có tính quen hay giắt nhiều tiền trong ví.

- Cái ví ấy thế nào?

- Nó không to lắm, màu tím, tôi mua ở Singapour.

- À tôi trông thấy nó rồi.

- Ở đâu?

- Không! Hôm qua tôi thấy *lui* để trên bàn nhà *lui*.

- Phải đó. Nó chỉ bằng ngón này thôi.

- Ồ! Thế mà mất thì tức thực! Ta nên hết sức tìm cho ra.

- Nên khám bọn đầy-tớ đã.

- Bối? Xe! Bép! Vú! Chúng bay gọi nhau lên cả đây!

- Anh em ta mỗi người đi một ngả. Nhà trong, nhà ngoài, ngoài vườn, dưới

bếp, đằng sau, chỗ nào cũng nên soi thật kỹ. Phải làm ngay mới thấy.

Rồi một mặt vài ông khám lũ đầy tớ, một mặt vài ông đi soi khắp mọi nơi. Các bàn các cô thờ dài, bàn tán, ai cũng bảo ông ấy không là Kỹ sư Hoá học, mà là Kỹ sư Hoá đại, làm gì lúc nào cũng phải khênh cả gia tài vào mình?

- Không tìm thấy thì tức lắm nhỉ!

- Rồi cũng thấy. Chỉ quanh nhà này chứ đi đâu mà mất.

- Nhưng mất cuộc đang vui.

- Hôm nay nhảy mệt lắm rồi.

- Ủ mà tôi cũng buồn ngủ!

- Ngủ thì không phải *nhà thức-giả*: Hãy danser một lúc nữa đã.

- Không thấy đâu cả, các bà ạ.

Các bà quay cả lại nhìn ông Kỹ sư Hoá học. Nét mặt nhăn nhó, ông lắc đầu, nói tiếp:

- Đành mất!

- Thế ví ông để ở đâu?

- Tôi để ở túi áo trong. Nhưng lúc ăn cơm nực quá tôi có cởi ra và treo ở mắc áo trong buồng này. Lúc đang khiêu vũ, tôi cũng vài lần vào đây nghỉ, cởi ra và treo ở đây, rồi ra sân đi bách bộ cho mát.

- Thế thì anh mất vào lúc nào?

- Cô hỏi dở quá! Nếu biết thế còn nói chuyện gì!

- Vậy ai vào buồng này mà lấy được của anh?

- Nhiều lúc buồng này không có người, cô ạ. Mà cô xem, cửa ra sân vẫn mở thế này, thì làm gì chẳng mất. Trong ví anh có những bốn trăm đồng.

- Thừa cô vâng. Bốn cái giấy, mỗi cái một trăm.
- Hay để chúng em góp sức với các anh để tìm cho chóng?
- Cảm ơn các cô. Chúng tôi đã khám lữ người nhà. Các anh ấy lại đang tìm lượt thứ hai nữa. May thì thấy, chẳng may thì chịu mất, chứ biết làm thế nào bây giờ! Để rồi sáng mai tôi lên trình Cẩm, vì cũng may là tôi nhớ cả số giấy bạc, chắc kẻ gian có lấy cũng không nuốt trôi.
- Nếu nhớ số thì rồi tìm cũng ra. Đứa nào dám tiêu nữa?
- Khuya lắm rồi! Mấy giờ rồi, anh?
- Hai giờ rưỡi. Chị buồn ngủ à? Tìm thấy ví rồi lại nhảy cho đến sáng, cần gì?
- Để mai ngủ như chó chết, me em mắng cho ấy à!
- Ai? Me Ngọc Diệp ấy à? Bà cụ chiều cậu như chiều vong, việc gì mà sợ?

Tiếng giấy lộp cộp ở nhà dưới đi dồn lên. Các bà, các cô cùng ông Kỹ sư hỏi nhau, xô cả nhau ra hỏi:

- Thế nào? Có tìm thấy không?

Mọi người nét mặt rầu rầu, lắc đầu, nói:

- Ngươi?

Ông Giáo sư thì thào:

- Tôi trông thấy thằng xe khác sắc mặt.

Ông Bác sĩ cũng bảo:

- Chính tôi ngờ cho nó ngay từ đầu.

Ông Huyện Tư pháp rằng:

- Tôi đã hỏi vặn nó nhiều điều, xem chừng nó trả lời lúng túng lắm.

Ông Nghè Luật nói:

- Chẳng luật pháp gì bằng cứ giã cho một trận là lòi ví ra ngay. Nó không xưng, ta hãy lên trình Cầm.

Mọi người bàn tán giờ lâu, rồi quyết rằng thăng xe ăn cắp. Người thì tiếc mất của, người thì tiếc mất vui rồi dăm ba câu chuyện tào lao, ai nấy thấy khuya, bảo nhau về nhà đi ngủ.

Sáng hôm sau, thăng xe phải một trận đòn thừa sống thiếu chết, nhưng nhất định nó không nhận. Gan thì cho chết? Hẳn nó cũng đã biết rằng giấy bạc nhớ số thì khó lòng tiêu nổi, vậy mà nó cứ khăng khăng một mực chối hoài. Có lẽ nó muốn giữ tiếng là người ngay nên sau khi bị trận đánh ở nhà, nó còn phải điếu lên Cầm để xét hỏi.

Thăng bồi phải quét nhà thay cho thăng xe. Trong khi đưa đi đưa lại cái ngọn chổi, nó nghĩ đến roi đòn bạn đồng nghiệp mới được ném mà chột dạ. Nó thương hại. Nhưng chột dạ bao nhiêu, thương hại bao nhiêu nó phải nghĩ đến cần câu cơm của nó bấy nhiêu. Nó quét thật sạch, lau đồ đạc bóng, xếp các đệm ghế, khăn bàn cho thật ngay. Nó vào buồng hôm qua ông gì mất của treo áo, nó ngắm xung quanh, nó thở dài, rồi xếp lại các tượng đồng, cốc bạc. Nó thu gọn các gối trên mặt ghế đi-văng, nó lấy ra từng cái để đập cho hết bụi.

Nhưng nó ngạc nhiên quá, dưới lũ gối con ấy, lại còn một cái ví đầm đen của bà nào bỏ quên. Nó sợ, nhưng mừng thầm rằng cũng may mà bà ấy chưa kêu mất, vì đáng lẽ bọn nó thế nào, cũng có đũa phải đòn vì cái ví này. Nhưng tò mò, nó nhìn, nó nắn, nó đoán. Nó chẳng có thể nhận là cái ví ấy của ai, vì hôm qua bà nào cũng có ví kiểu này và màu ấy. Nó lật đi, lật lại, rồi không biết nó nghĩ thế nào, nó tặc lưỡi, đánh bạo mở ra xem trộm.

Nó nhìn vào trong ví. Nó giật mình đánh thót. Nó run lên, nó sợ quá. Nó rối trí, nó vội đập ngay ví lại và để trả vào chỗ cũ. Trống ngực nó thành thành.

- Trời ơi! Lạ thật! Trong cái ví đầm ấy, nó chẳng thấy vật gì khác, chỉ thấy cái ví tím mà cái nhà ông gì kêu rồi lên rằng mất đêm qua!

Vậy thì cái ví ấy của ai? Bà nào, cô nào xấu chơi thế?

19 Septembre 1933

Chú thích:

(1) Lui, đọc là luy (tiếng Pháp): ông ta, hắn, nó

(2) Cavalière: Gái nhảy

(3) Moi : Tôi, tao

(4) Toi: anh, mày

(5) "Pardon Mademoiselle": Xin lỗi cô

(6) Tenue: tư thế

(7) Valse lente: Điệu valse chậm

(8) Elle: Nàng, nó

(9) Cadence: Nhịp

(10) Valse croisée, fox-trot, marche, one-step... tên các điệu nhảy

(11) Tango, foxtrot lente, slow-fox, charleston....: tên các điệu nhảy

(12) Un tango dans tes bras... Một điệu tango trong những cánh tay em, và trái tim tôi thổn thức?

(13) Tiệc nhảy, vũ trường

(14) tên các điệu nhảy

(15) tên các điệu nhảy

(16) Ta femme: Vợ anh

(17) Entrainement: hướng dẫn

(18) *Battre mesure*: Đập nhịp

(19) *Em gái tôi*

(20) *Tâtonnez*: Dò dẫm

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cái vốn để sinh nhai

Rồi sau, nó tìm đến phố Nối là chỗ cỏ thể dễ kiếm ăn. Thực vậy, suốt ngày, ô-tô Hà Nội Hải Phòng hay Hưng yên, mấy chục chuyến đi chuyển về, cái nào cũng om ở đấy ít ra là mười phút. Như thế, nó có đủ thì giờ để làm công việc sinh nhai.

- Lạy cụ, lạy ông, lạy bà, thí bỏ cho con lưng con bát cháo.

Tay chống cái gậy, tay bưng cái rá, nó đi xung quanh thành xe mấy vòng, ngửa mặt lên, miệng nhai mãi câu ấy. Nhưng chẳng kiếm được cái chi để nhai vào miệng!

- Mày lành lặn thế này, sao không đi làm đi ăn, chỉ lười biếng quen xác thôi!

- Thừa tiền cũng cho đến thứ mày!

Người ta mắng nó. Người ta không cho nó. Vì bộ mã của nó làm hại nó. Người ta chỉ trông thấy nó là ăn mày, mà bề ngoài không đui, què, mẻ, sứt, chứ người ta biết đâu là nó không thể làm gì được. Nó cũng là người nó biết đi xin thế này là nhục. Nhưng làm thế nào được? Khốn nạn! Nào nó có lười biếng gì cho cam? Nó có máu động kinh, lắm lúc đương yên lành tử tế, thì lẩn đùng ra đất, mắt trợn lên, bọt mép sùi ngầu. Như thế một lúc, rồi, dù không có ai gọi, nó cũng tỉnh, lóp ngóp dậy. Lại khoẻ khoắn như thường. Trước nó đã đi ở, Nhưng thấy thế, người ta khiếp nó, đuổi đi, chẳng nuôi nó nữa. Cho nên cả vùng ấy biết nó hay động kinh, chẳng ai dám chứa. Vì lỡ ra nó chết quay ra đấy thì tội vạ ai mang cho?

Bởi vậy, nó phải đi ăn mày. Nhưng ai biết bề trong nó bệnh tật như thế. Người ta nhieếc nó. Trước mắt nó người ta cho bà lão loà một trinh. Người ta cho thằng bé cụt một xu. Mà nó thì kêu rã bọt mép, chẳng được tý gì cái. Nào có phải người ta bụng chẳng tốt. Chỉ vì số nó chẳng tốt như thằng bé cụt, như bà lão loà.

Mỗi chuyến xe quay máy, nó nhìn cái rá nhẹ như lúc xe chưa đến, thì nó thở dài. Nó thấy các bạn nó, đứa nào cũng khoe nhau được cái nọ cái kia thì nó thèm.

Thèm bao nhiêu, nó buồn cho nó bấy nhiêu. Nó thua kém đủ bề. Chẳng may trời đày nó làm kiếp ăn mày mà lại bắt nó phải lành lặn. Gia dĩ đến cái gậy

gò xấu xí cũng không được bằng ai! Rõ khó!

Toe! Toe. Lại một cái ô-tô nữa sinh sịch đến.

Cũng như mọi bận nó ra đứng đón trước tiên.

- Lạy quan lớn, xin quan lớn một xu!

Ông béo phì thấy nó giúi cái rá vào lưng, mở choàng dậy, nhăn nhó mặt.

Muốn nó đừng làm mất giấc ngủ, ông ấy móc túi.

- Lạy quan lớn, xin quan lớn một xu!

Nó lại nhấc cái lòng từ thiện của ông “quan lớn” chứa chan hy vọng. Nhưng ông ấy nhìn nó, ngấm nó từ đầu đến chân, rồi lắc đầu, bĩu môi, rồi lại kẻ cái đầu vào thành xe, lim dim hai mắt. Kệ nó.

- Lạy quan lớn, xin quan lớn một xu!

Ông “quan lớn” nói giọng ngái ngủ:

- Đi mà làm ăn! Đừng lười thế.

Chỉ được có một một câu luân lý làm phúc mà nó đã nghe nhần cả tai. Biết ông ấy đá lăm, nó gií cái rá vào lưng người bên cạnh:

- Con lạy thầy khoá, con xin thầy khoá kiểm bữa ăn?

Lúc ấy, xung quanh chiếc xe, một lũ ăn mày cũng đương làm việc. Tiếng xin nheo nhéo, ai cũng cố quảng cáo cái bệnh, cái tật của mình:

- Thân con mắt mù chân chậm, làm ăn chả được, con xin ông xin bà thí bỏ cho con đồng trinh?

- Mùa hè bà đóng bè làm phúc, bà ơi!

- Giàu hai con mắt, đói khó hai bàn tay, con kêu van cửa ông cửa bà, thí bỏ cho con bát cháo lưng hồ.

- Ồi đói ơi là đói ơi! Giờ bắt tội tôi thế này! Lạy quan lớn!

Ai cũng nỉ non. Ai cũng khóc lóc. Cho nên ai cũng được ít ra là một trinh Bảo Đại. Nhưng đến nó thì người ta bảo;

- Cho ông cụ còng kia còn được phúc hơn? Mày què đi thì lần sau tao cho!

- Mặc kệ mày, cho mày chết đói!

Rồi chiếc xe ô-tô chạy đi. Cái rá của nó cũng như nó vẫn ngoác miệng ra; không nặng gì hơn trước.

Nó ngồi ở bờ đường, nhìn bọn ăn xin tản mát mỗi người một nơi. Thằng Cún tập tênh với cái gậy, mồm ngòm ngoàm mẩu bánh tây bố thí. Ông lão Cóc nhẩy bằng tay đến gốc cây, móc túi đếm tiền. Bà cụ loà lẩn dải yếm, để cất mấy đồng xu mới xin được.

Nó vờ vẩn. Nó nghĩ. Thì dễ nó chịu chết đói chắc?

- Mặc kệ mày, cho mày chết đói!

Nếu nó chết đói, là chỉ vì tội nó lảnh lẩn.

- Mày què đi thì bận sau tao cho!

- Sao nó không được què? Vả què thì có khó quái gì?

Nghĩ đến thế, nó đâm chán, ghét, thù hai chân tay nó. Nếu nó còn hai chân tay, thì nó sẽ chết đói thực chứ chẳng phải cầu đâu!
Rồi nó chống gậy đi. Nó đi, đi mãi. Đến các cây bên cạnh đường, nó đứng lại, nó ngắm. Nó nhìn lên, nhìn xuống. Rồi nó lại đi. Sau, nó đến một cây đa to và cao đáo đẽ. Nó lại đứng lại. Lại ngắm, lại nhìn lên, nhìn xuống. Rồi nó bỏ cái gậy, cái rá với cái nón ở dưới gốc. Nó trèo lên. Khó nhọc quá! Nó ôm, nó đạp, cô mãi mới lên tới một cành cao. Nó bám chặt, nghỉ một chốc; nhìn trên nhìn dưới. Rồi nó cố leo lên được đến một cành cao hơn.
Đến đây, nó ngồi, buông thông hai chân, vắt vẻo, cúi đầu ngắm xuống đất. Nó thấy ở đằng xa, những chuyến ô-tô dún dẩy trên đường, thẳng về phố Nổi. Hành khách thì đông chật như nêm. Nghĩ đến cách kiếm ăn nó phải quả quyết.

Ở đời, làm nghề gì chả phải có vốn? Chả phải cạnh tranh? Đi ăn mày, tương dễ lắm đấy hử?

Nó thở dài, nó liêu. Nó nhắm nghiền mắt lại, buông phắt hai tay, ngả người ra. Vụt một cái:

- Ôi!

Nó rơi đánh bộp xuống đất, nằm còng queo trên cỏ chỉ kêu được một tiếng ấy. Nó nhăn nhó rên. Máu chảy thấm cả ra ngoài áo.

Người ta kéo nhau ra xem, rồi khênh nó đi. Nó mềm nhũn, cánh tay lủng lẳng như chỉ còn bám xoàng vào vai nó một tý lấy lệ. Nó chẳng biết gì nữa.

Nửa tháng sau, nó lại đội nón rách cũ, lại khoác cái khố tải cũ xơ xác như tổ đĩa, lại ra phố Nổi để xin ăn.

Trông nó hơn trước thực? Vì vết đau chưa khỏi, nên khi nó bám vào ô-tô rồi ruồi nhặng cũng bám theo sau nó. Tay phải nó què hử, không giơ rá lên cao được.

Hai chân nó cũng không mang nổi cái mình nó như trước. Nó phải tập tễnh mới đi được. Mặt mũi, mình mẩy nó hom hem xanh rớt. Đố ai không bảo nó là thằng ăn mày.

- Lạy các ông các bà thân con què quặt, con xin các ông các bà đồng cơm đồng cháo.

Người ta quẳng vào rá nó đồng xu. Người ta chếp miệng, cho nó cái bánh giò ăn dờ. Nó vui đời lắm.

Từ ngày kiếm được cái vốn để sinh nhai, nó được mát mặt hơn trước nhiều, không lo chết đói nữa.

Nhưng mỗi khi trở trời, thì; khốn nạn thân nó, nó thấy đau như dằm ở cái khớp xương bả vai và đầu gối. Nhiều hôm, không thể gượng chống gậy mà

đi được, nó phải bắt chước ông lão Cóc. Nó ngồi xổm, chống tay trái xuống đất mà lẳng vẹo người đi dần dần. Nhưng đau quá nó nhăn nhó, nó kêu rên, không thể chịu được, đến nỗi ai trông thấy cũng phải động lòng thương. Nhưng cũng may, ngày nào như thế, nó cũng kiếm được bờ hơn ngày thường.

24-11-1993

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cấm chợ

Không hiểu vì có gì, từ tờ mờ sáng hôm nay, lính cơ sở huyện đứng đón các ngã đường, tay cầm roi mây, xua đuổi người các nơi, không cho gánh hàng đến bán ở chợ Huyện.

Mọi người ngơ ngác hỏi nhau, nhưng cùng phải nhắc lại câu của bọn lính mà chính họ cũng không hiểu:

- Đó là lệnh quan.

Người ta lủi thủi về, lo lắng nội hàng bị đọng ế. Rồi mai kia khi tiền hết, gạo hết, chồng con cha mẹ họ có lẽ phải nhịn đói, trong khi nia thịt lợn vì trót mỡ đã thối dần, hoặc mẹt bánh cuốn vì trót làm đã khô hết. Phải đồ đi hết.

Những giờ này, đáng lẽ trước cổng huyện, tiếng rào rào không ngớt. Hàng vạn người qua lại, chen chúc nhau, cạnh những lều tranh chạy dài, có đầy người ngồi la liệt sau khu bày hàng, há to mồm ra để cười, để nói, để mời khách, để cãi nhau, hoặc để ăn quả trộn lẫn với bụi.

Nhưng hôm nay, cả một sự ồn ào tấp nập làm loạn óc ấy không có nữa. Hôm nay chẳng khác hôm qua là ngày dưng, sự im lặng phẳng phiu đè trùm lên cả khu chợ rộng mênh mông này, khiến ai bước chân tới, cũng tưởng lạc vào một rừng cột. Chỗ này, vài thằng nhãi đánh đáo gò lưng xuống cổ “cả cái” cho đúng lỗ. Chỗ kia, con ngựa hồng của quan, tiu nghỉu đứng trước bó tre còn trơ cành, thỉnh thoảng đập chân xuống đất và cúp hai tai vạt lại đằng sau, khi giật mình vì tiếng cười của lũ trẻ.

Rồi đến phiên mười chín, hăm bốn và hăm chín, chợ cũng vẫn quanh hiu như thường. Cứ sáng tinh sương, lính cơ đã chia nhau đứng các đường, xua người ta như xua vịt.

Những người mạnh dút lót lăm mới được phép đi, nhưng chỉ bán vụng trộm quàng quàng một lát, chứ không dám ràng rên hàng giờ như mọi ngày. Bởi vậy, đồ ăn thức dùng phải lên giá rất cao. Kẻ giàu tranh nhau vụng tiền ra mới mua nổi chút ít, nói chi đến người nghèo. Ao rau muống sau nhà trạm, chỉ trong hai hôm đã quang hẵn đi. Rồi khi lượt ngọn non đã hết, người ta không từ cả những lá già úa vàng. Người nghèo không có gì trừ bữa, phải vặt cả râm bụt, luộc lên để tống tạm vào dạ dày. Ngoài phố đã hiện lên những thân hình nhăn nheo gầy khẳng. Ban ngày, cướp giật là thường. Ban đêm trộm cắp như rươi.

Mọi người thở dài, than vãn cùng nhau:

- Chúng ta đến chết đói hết.

Song sự cần sống bao giờ cũng khiến người ta trở nên liều lĩnh. Bởi vậy, họ rủ nhau đến nhà trưởng phố, nói:

- Nhờ ông vào xin với quan cho họp chợ, chứ đây, ông xem, đã mười hôm nay, đến người có tiền còn sống ngoắc ngoải nữa là chúng tôi.

Trưởng phố cười, lắc đầu:

- Tôi có sung sướng gì hơn anh em đâu. Anh em không có gạo, thì tôi cũng không có gạo, anh em bữa đói bữa no thì tôi cũng bữa đói bữa no. Nhưng, còn như anh em xui tôi vào xin quan cho họp chợ, thì thật tôi không dám làm một việc vô ích. Vì biết đâu, đây là quan ta thì hành một lệnh trên.

- Thế tại sao quan cấm chợ, ông cho chúng tôi biết.

Tôi cũng mập mờ như anh em mà thôi. Sáng hôm mười bốn, tôi thấy lính trong huyện bảo thế, thì tôi biết thế, chứ ai dám vào hỏi quan. Chính các ông Thừa, ông Lục cũng đoán phỏng đâu vì hôm mười ba, nhà Bài nó chết chóng quá, quan ngờ là bệnh thời khí nên vì vệ sinh chung, sợ bệnh lan đi các nơi, ngài mới cấm tạm chợ trong ít lâu.

- Nhưng nó có chết về số kia đâu? Nó bị cảm đấy mà, nếu không đã lây lung tung lên rồi. Và chính quan đốc tờ đã khám nghiệm.

Trưởng phố gật đầu:

- Phải, tôi cũng biết vậy.

- Thế thì nên trình quan biết chứ?

- Ô anh em còn phải dạy ông quan nữa hay sao? Người ta thông minh, làm gì không rõ những việc ấy. Tôi chắc rằng ngài cẩn thận cho ta, muốn phòng ngừa bệnh ghê gớm ấy, nên ra lệnh cấm chợ trong ít lâu nữa. Người ta có trách nhiệm về việc cai trị, thì những lúc trời gieo tai vạ như lúc này, tất người ta cứ phép người ta làm, nếu không, đền tai quan trên, ai chịu lỗi cho người ta. Anh em thử nghĩ xem?

- Nhưng ông cũng như chúng tôi, đã trải biết bao cực khổ rồi, không thể chịu thêm được nữa. Vậy ông cứ vào xin quan mở chợ cho dân phố được nhờ.

Trưởng phố, lè lưỡi một cách sợ hãi;

- Anh em bảo tôi gì, tôi xin nghe ngay tức khắc, chứ việc này, bố tôi bảo tôi cũng không dám. Anh em đặt địa vị vào tôi mới rõ. Nếu tôi nói rằng phố xá hiện nay đã bình yên, thì có khác gì tôi dạy khôn ông quan hay không? Vả mình có thạo pháp luật về việc phòng bị bệnh thời khí đâu? Ngộ ông ấy vịn rằng lấy gì làm chứng mà dám nói là không còn bệnh nữa, anh em bảo tôi bầm thế nào?

- Thì đây, có người nào chết sau nhà Bài nữa đâu? Vậy nó chỉ là bị cảm.

Trưởng phố chấp tay vừa vái lấy vái để vừa cười, nói:

- Thôi, tôi xin anh em tha cho, đừng bắt tôi vào, lỡ có tội vạ chỉ một mình tôi

chịu.

- Vậy chúng tôi cử người vào quan, để nói việc này có được không?

- Cái đó tuy anh em, tôi không biết.

Nhưng không cần có đại biểu dân phố nào, ông huyện mới biết. Từ ban nãy, đã có người nói đến tai ông rồi. Mà người ấy, tức là bà huyện.

Nguyên sự thiếu thốn đồ ăn thức dùng nó không nể cả quan phụ mẫu. Nó qua cổng chòi, đến nhà tư, và chui lọt vào dạ dày ông huyện. Mấy ngày đầu tiên, nhà bếp ra phố mua bán, thì bao giờ người ta cũng nể trọng quan mà nhường cho miếng ngon. Nhưng sự khủng hoảng mỗi ngày một to, thì dù trọng quan người ta cũng không nể nữa. Trước hết “giá nội” bị tăng, và sau có ngày không tìm được thứ gì mà mua cả. Bởi vậy bữa sáng hôm nay, mâm quan xơi không được chừng chạc, nên quan có ý nghi, hỏi quan bà:

- Này, bà thử xem xét thằng bếp nó mua bán ra làm sao, tôi ngờ nó ăn bớt tiền chợ nên đến dăm hôm nay, nó dọn láo quá.

Quan bà cau mặt, đáp:

- Thì ông ra lệnh cấm chợ kia mà?

Quan ông trợn mắt, ngạc nhiên nhìn vợ:

- Tôi cấm chợ à? Có đâu?

- Đây từ phiên mười bốn đến nay, chợ có họp nữa đâu? Đến mười hôm nay, phố xá họ khổ sở nheo nhóc lắm, ông cao xa, không rõ những việc ấy.

Ông huyện càng kinh ngạc, nói:

- Sao bà không bảo tôi? Thật à?

- Tôi biết đâu chỗ việc quan của ông mà nói.

Ông huyện ngẩn mặt một lát để nghĩ ngợi, rồi gọi đội lệ.

Ông hỏi:

- Ai bảo cấm chợ từ phiên mười bốn đến giờ?

Đội lệ ngơ ngác, gãi tai đáp:

- Bẩm quan lớn, con thấy thầy quản đồn nói rằng lệnh của quan lớn.

Ông huyện gắt:

- Gọi quản đồn lên đây.

Quản đồn hốt hơ hốt hải chạy lên. Quan hát hàm hỏi:

- Ai báo thầy cấm chợ.

- Lạy quan lớn, hôm ở phố có tên Bài nó chết, quan lớn báo cấm chợ, chờ xem quan đốc tờ khám xét xong hãy hay.

Quan huyện giơ hai tay lên trời tỏ ý thất vọng:

- Phải rồi, nhưng khi xét thấy nó chết về cảm thì phải cho chợ họp như thường chứ?

Quản đồn sợ hãi đáp:

- Lạy quan lớn, quan lớn không ra lệnh lại cho họp, nên con không dám tự

tiện.

Ông huyện không nói gì, thở dài. Bà huyện chép miệng:

- Thế mà làm cho nhân dân sống dở chết dở gần nửa tháng rồi.

Đội lệ và quân đồn bị quở vừa ra khỏi, ông huyện chống tay ngồi yên lặng, hai mắt lơ đãng, rồi thở dài. Bà huyện trách:

- Tại ông không nói rõ, và khi khám không phải bệnh thời khí, ông quên không dặn lại quân đồn từ phiên sau cho họp chợ như thường.

Ông huyện nhìn vợ một cách hối hận, gật gù:

- Phải, tại tôi nhiều việc quá nên quên đứt đi mất.

Giữa lúc ấy, có tên lính vào, bẩm:

- Bẩm quan lớn, có mấy người hàng phố xin vào hầu.

Ông huyện cho phép họ vào. Thì là những người đến nhà trưởng phố ban nãy. Họ nói:

- Bẩm quan lớn, từ ngày có lệnh cấm chợ, nhân dân chúng tôi rất nheo nhóc khổ sở. Đồ ăn gạo củi, lên giá một cách không ngờ...

Ông huyện không muốn nghe hết câu, ngắt lời:

- Tôi cũng biết trước thế. Nhưng các người muốn gì?

- Bẩm, chúng tôi muốn xin quan lớn cho phép họp chợ như cũ, kéo dôi to.

Ông huyện cau mặt đáp:

- Cái đó là lệnh trên bắt thế, chứ nào tôi có muốn. Nhưng để tôi xin cho. Các người hãy dần lòng chờ ít lâu và nên yên trí trước rằng đang khi mọi nơi nhốn nháo về bệnh thời khí, thì việc xin mở chợ, là một việc rất khó. Song tôi cố hết sức xin, và may ra quan Sứ, quan Tuần nể lời tôi, thì mười phần cũng chắc được tám.

Đoàn đại biểu cảm tạ lòng tử tế thương dân của vị phúc tinh. Và chợ Huyện, từ phiên mùng chín trở đi, lại được vui vẻ sầm uất như trước.

Trong khi ngoài phố lác đác có một hai người chết đói trong khi tên bếp trong huyện cố hà hiếp tàn nhẫn mới mua được đồ ăn, bà huyện thường cự ông huyện sao không cho họp chợ ngay phiên mùng bốn là sau ngày ông biết cái lỗi quá lơ đãng đến nỗi nhân dân quá khổ sở. Thì ông nháy một mắt, nói thầm:

- Không trách, người thật thà không làm nổi quan. Nếu hôm chúng nó vào xin họp chợ, mình nhận lỗi rằng mình quên, thì chúng nó oán đến mấy đời.

Mình phải làm ra cách khó khăn, đổ cho lệnh trên, và mình làm ơn cố xin hộ. Như thế có phải chúng nó lại ơn mình nữa hay không! Cũng bởi vậy, tôi cần phải cấm thêm một phiên nữa cho ra dáng sự cấm là họp lẽ phải và ngặt nghèo là nhường nào.

Bà huyện lắc đầu, bĩu môi để tỏ ý phản đối. Nhưng ông huyện thân nhiên đáp:

- Thế mà buồn cười đáo để, chúng tưởng mình làm ơn thực, xin góp nhau

thừa bức hoành đề tạ ơn. Thôi được còng được tiếng là nhân quan cần gì?
Nói đoạn, ông đắc chí, cười rung cả cái bụng xệ.
(6-1938)

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cậu ấy may lắm đấy

Lần đầu tiên mà tôi giờ khẩu súng lên, sắp bóp cò để bắn con chim gáy đậu trên ngọn tre, trong lòng tôi xôn xang vô hạn.

Thì các bạn hãy thử nghĩ xem. Ngón tay này mà tôi co lại ấy là kết liễu một sinh mệnh. Mà cũng viên đạn nhỏ xíu, cũng cò máy xinh xắn ấy, trở nó vào bụng người ta, mà làm một phát tức khắc mình trở nên đồ sát nhân, bị toà án xử cho mình mất chỗ đội mũ. Thế mà lại mang nó đi dọa dẫm nước khác để xâm chiếm đất đai, thì mình còn trở nên đồ phát xít bị báo Đông Pháp chửi bới nữa, mới “giết đệ” chứ!

Con chim gáy chẳng biết đang ở giây phút nghiêm trọng. Nó vẫn cúc cu gáy đều. Thế giá nó có chết cũng không thể cãi được rằng không phải số. Tôi bỏ hết những điều nghĩ ngợi vô ích, cố nhắm cho đúng để bóp cò. Phải, nếu tôi có bắn tãi đi nữa, cũng không đời nào tôi có thể thành đồ sát nhân hoặc đồ phát xít được. Có ấy rất dễ hiểu, là tôi không có súng. Hơn nữa tôi là dân An Nam, lẽ tất nhiên không được phép tự do có khí giới để muốn dọa lấy nước nào làm thuộc địa cũng được.

Súng ấy nguyên là của ông bạn với chú toi. Vì hai ông đương ăn cơm trong buồng, nên tôi táy máy mang ra nghịch. Và nhân thấy có tiếng chim gáy ở đầu nhà, tôi bèn nếm mùi săn bắn xem nó ngon lành đến bậc nào.

Con chim vẫn hót những tiếng véo von.

Đứng nấp ở cạnh đồng rom tôi hết sức láy gân, gò lưng ra đằng trước, tỳ mạnh đầu báng súng vào xương vai, áp thật ghệt vào má và nhắm kỹ một mắt lại trông ngực tôi nổi mạnh. Bụng tôi sôi lên ùng ục.

Đoành!

Lá rụng lạt sạt. Con chim tốt số vỗ cánh bay đi.

Nhưng bộp! bộp! Và đồng thời với hai tiếng rơi ấy, tôi thấy tiếng trẻ con reo ầm.

- A, hai con?

Tôi chưa kịp ngạc nhiên, thì nỗi mừng đã đến. Một đứa trẻ chạy vào cổng, đưa trả tôi một đôi chim xám vừa béo vừa to.

Trên nhà, mọi người nghe tiếng nổ, tất cả chạy ra sân. Nhưng khi ai nấy thấy sự tình nghịch của tôi đã đem về một kết quả phi thường, thì không những không ai mắng, còn khen tôi là khác. Một phát, tôi đã trúng hai con gàm ghi. Ông khách lấy làm báỉ phục tôi, nói:

- Phát đầu tiên, Quốc nó đã tỏ ra là bắn giỏi. Rồi sau này, nó sẽ ăn đứt chúng

ta.

Tôi cười lạt một cách nhũn nhặn, để ngoa ngoắt mà chịu tiếng khen. Tôi cảm ơn hai con chim khôn nạn đã hy sinh cho tôi được danh dự. Tôi lặng ngắm cây đa rậm lá mọc sau bụi tre, và nghĩ mãi không hiểu sao đôi găm ghì này đổ ở đâu, để tôi bắn lầm phải, đến nỗi chết một cách oan uổng.

Song than ôi, ở đời này, có biết bao nhiêu kẻ vô tài trở nên danh tiếng lẫy lừng do những sự tình cờ tức cười hoặc biết bao nhiêu đứa xây danh dự mình lên trên đồng thầy đồng loại. Thì tôi mới giết oan có hai con chim, cái sĩ diện bắn giỏi của tôi nó có to gì mà phải nghĩ ngợi với ân hận?

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa. Mà cô nhiên tiếng bắn giỏi là tiếng đồn lành. Nó đồn đi xa lắm, vào tận Ninh Bình, lọt đến tai ông chủ đồn điền Quýnh.

Ông Quýnh có hơn tám trăm mẫu ruộng, mà chỉ có mỗi một con gái, mặc dầu ông bắn rất giỏi. Trong hai mươi năm trời, ông hạ được ba mươi con cọp bằng bốn mươi phát đạn. Người ta cứ bảo vì ông tàn sát nhiều thiên tướng, nên trời bắt tội ông không được có con trai. Chứ bắn giỏi, khoẻ lại hay bắn như ông, lẽ nào chỉ để có mỗi một cô con gái? Nhưng cái đó thuộc về dị đoan.

Song, không hề gì. Miễn là ông Quýnh biết có tôi đây là nhà thiện xạ, để ông bằng lòng gả cô Mai cho tôi.

Ông Quýnh giàu hơn tám trăm mẫu ruộng. Cái mỏ ấy thực tốt cho những kẻ muốn khai. Trời sinh ra tôi tên là Quốc, lại sinh con gái ông tên là Mai. Hai chữ tên này thực hợp và cần cho sự đào mỏ bằng cuộc, bằng mai không nói. Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông còn cạn nữa là.

Ông Quýnh yêu cô Mai lắm. Lẽ đó cố nhiên. Ông muốn có con rể cũng như ông, nghĩa là bắn giỏi, để giúp ông giữ vững lấy đồn điền, sợ khi điền tốt “nổi loạn”.

Điều đó không phải ông đã quá lo xa, vì ngoài sự ông đáng thờ vì có con gái đẹp và giàu, ông phải cái xấu là có tâm hồn Hít le, nghĩa là cứ thích chiếm ruộng đất của bọn dân nghèo khổ ở sát cạnh khu vực của ông.

Khi chú tôi nghe tin ông Quýnh hăm mộ tiếng tôi rồi, thì ông nghiêm nghị bảo tôi rằng:

- Mày không xem chỗ nào có súng mà mượn để tập bắn, rồi về nhà người ta thì làm thế nào?

Chú tôi coi tôi như đi làm dâu vậy. Vì ông Quýnh vẫn tuyên bố, ai lấy con ông, tất phải ở gởi rể. Rồi một khi tôi đã được vác áo thụng xanh đến nhà ông, tôi lại không biết loay hoay khẩu súng thế nào, thì người ta bảo ở nhà có người lớn mà không biết dạy.

Trong việc hỏi Mai, bạn chú tôi làm mối. Sau lời quảng cáo phóng đại, lấy

sự bắt đầu tiên mà chết cặp rập những đôi gằm ghì làm chứng cứ, ông Quynh đã hơi xiêu lòng.

Rồi sau hết, ông nói:

- Cháu nó cũng đã có nhiều người hỏi, song tôi xét ra toàn hạng văn dốt vu dốt, tôi sợ không coi nổi cơ nghiệp này. Hiện nay cũng còn hai đám nữa, nhưng tôi chưa nhận lời. Vì tôi còn phải dò la lâu.

Thế rồi muốn cho cuộc nhân duyên mau mau có kết quả mới tìm dịp cho tôi làm quen với Mai. Chúng tôi vụng trộm thư từ cùng nhau. Và sau hai tháng trời tần công ái tình bằng lối du kích, tôi bàn với Mai nên để cuộc yêu nhau này thành công khai, nghĩa là Mai cứ thú thực cùng cha để đòi lấy tôi cho kỳ được.

Ông Quynh chiều ý con, nhưng nói:

- Tao cũng vẫn bằng lòng gả mày cho nó, nhưng tao muốn chờ khi nào người ta nói lại thì nhả nó về đây, bảo nó đi bắt thử, xem tài nó thực hư thế nào.

Điều kiện ấy, tôi rất lấy làm lo ngại. Mà tôi ác cảm cái lối tuyển người trong thời buổi cạnh tranh này làm sao! Thì ra ai muốn chiếm được cái gì, cũng phải qua một kỳ thi. Chỉ trừ làm vua là không phải sát hạch gì hết, nên bất cứ thế nào cũng có thể chễm chệ trên ngai vàng, còn thì tuốt tuột là phải thi cả.

Ác hại quá, bây giờ tôi lại phải thi làm rở? Kỳ viết - viết thư tình cho Mai - đã trót lọt, nay đến kỳ khẩu vấn. Mà kỳ khẩu vấn này, lại chẳng như những kỳ khẩu vấn thường dùng đến miệng người ứng thí, mà phải mượn đến miệng súng? Thật là lối nói chuyện của các bố phát-xít bên Âu châu. Song, ở phía trời Tây, mấy xừ ấy họ phát-xít vì họ muốn độc tài. Chứ nhút nhát như tôi, thì độc gì. Chưa nghe thấy tiếng súng đã sồn ra ấy. Có họa là độc dạ, vì mình quen theo chủ nghĩa phát xia?

Song, đã liều ba bảy cũng liều.

Về đến đồn điền, tôi được ông Quynh tiếp rất chu đáo. Nên tôi phải gãi vào chỗ ngứa của ông:

- Thừa ông, quanh đây có rất nhiều chim. Nhất là mạn gần sông, lắm giang quá. Có lẽ ít lâu nay ông thừa săn bắn.

Ông Quynh cười, gật:

- Phải, vì đến bốn tháng nay, tôi bận hết việc nọ đến việc kia, chứ trưa, ngày nào tôi cũng vác súng đi, thì chim chóc dạt đầu mất cả.

Rồi ông tiếp:

- Mai cậu cứ lấy súng của tôi mà bắn.

Tôi làm bộ ngại, để tỏ ra mình thạo:

- Nhưng lỡ có ai hỏi...

Ông Quýnh cười:

- Làm gì có ai dám hỏi. Trong đồn điền, toàn người nhà cả.

Tôi vui mừng:

- Thế thì thích quá.

Kỳ tình, đêm hôm ấy, tôi lo mê.

Hôm sau, không thể lấy có nhúc đầu sỏ mũi để trốn thi. Tôi định vác súng ra đi. Thấy tôi nai nịt gọn gàng, Mai mỉm cười, nhìn tôi rất tình tứ.

Trời nắng. Cái nắng tháng ba làm cho người ta dễ ốm, nếu người đi nắng không có một hy vọng tốt đẹp là lấy được vợ giàu.

Tôi đi rõ thật xa. Đến tận chỗ mà giá có tiếng to như tiếng súng, ông Quýnh cũng không nghe thấy.

Những đàn giang xoè cánh bay lượn trên không, làm rợp cá thừa ruộng.

Nhiều con lò dò trên bùn lầy, ngồng cổ lên bờ đường để nhìn.

Hay là bắn giang?

Đó là một ý hay. Giang to, dễ trúng. Tội gì tôi không nắm cổ những dịp may mắn tình cờ. Tôi lấy làm lạ cho những thằng đã hỏi Mai trước. Ý hèn chúng nó cầu kỳ, cố tìm cho được những thứ chim hiếm có và bắn khó để khoe tài.

Chúng nó ngu thì chúng nó chết. Ngày xưa, người ta mới kén rẽ bằng cách bắn sẻ, chứ ông Quýnh có thách như thế đâu? Âu là tôi cứ bắn những con giang to bằng cái mẹt này. Hề ông chê giang không quý vì thịt không ngon, thì tôi sẽ chống chế là định tâm bắn thứ chim này để nhân tiện thử tài nội trợ của Mai một thể. Phải, với thịt giang mà Mai làm được món ăn ngon, thì thuyền quyền ấy mới sánh được vai anh hùng này. Hèn là ông Quýnh không thể “truy” tôi vào đâu được nữa.

Tôi đứng nấp sau gốc cây, chờ dịp thuận tiện để đưa ra những phát đạn hùng dũng. Tôi dương súng ngắm kỹ, rồi bóp cò. Nhưng lần nào cũng vậy, những con nhát thì vỗ cánh bay đi. Nhưng con bạo còn quay cổ, lơ lảo nhìn, rồi rắc lại ít phân làm kỷ niệm, mới bay theo các bạn.

Tôi xấu hổ.

Và nực nữa. Mồ hôi ra, vừa vì xấu hổ, vừa vì nực.

Tôi lại đi.

Lại một đàn giang nữa đậu ở bờ sông. Tôi phải báo thù cho hai phát ban nãy. Đoàn?

Cũng một lượt, chúng nó bay mất.

Ba viên đạn làm tôi nhục nhã.

Mà viên đạn cuối cùng trong túi, nó cũng chẳng tử tế gì đâu. Tôi ngồi nghỉ ở cạnh đường, đặt súng vào lòng, thở dài. Hồng, không khéo phen này thì mất vợ!

Tôi đã tính đến nước chuồn thẳng. Song không trôi.

Còn cái nó cạnh tôi, tôi không đem nó đi theo được.

Người An Nam không có tự do mang khí giới, thật là hết sức tai hại. Đã chẳng chiếm nổi một tí thuộc địa nào thì chớ, lại còn những lúc này, không thể mang súng của người khác mà đi bài tử mã được.

Thôi thì tôi đành vác mặt mo về đồn điền để hàng ông Quýnh và từ biệt Mai. Số phận của nhân duyên tôi phó mặc trời, chứ biết nói thế nào cho xuôi được? Đạn mang đi bốn, nay còn có một. Chẳng lẽ nói mình đau bụng, nên thấy trong có thuốc, đã trót nuốt chừng mất ba viên.

Khốn nỗi, thuốc ấy lại là thuốc súng.

Bỗng một ý kiến nảy ra trong óc tôi. Người thông minh nhanh nhẹn, láu lỉnh trong lúc cùng, thường bật ra được những mưu kế phi thường, các bạn ạ. Tôi chợt nhớ ban nãy, qua chợ, có thấy bán rất nhiều giang sống. Ấu là tôi chịu hy sinh mấy đồng bạc để bảo toàn lấy danh dự vậy.

Tôi hăm hở đi.

Đến chợ, tôi mặc cả giang và chọn bốn con to béo nhất. Được lắm. Bốn phát đạn mang đi thì đây, tôi đem về bốn con giang nặng trĩu. Thiệt xạ, thế chứ còn thế nào! Tôi xách giang đến một gốc cây, treo ghì căng cả bốn con vào cành, thiết rõ chặt, rồi dí miệng súng vào tận nơi, ngắm cho phát đạn xuyên qua cả bốn bụng, rồi mới nhắm mắt nhắm lợi, bóp cò. Bay nữa đi?

Phát súng nổ, bốn con giang trước không thể cự quật được, nay thêm nữa là chết ngẻo.

Tôi cười trối, xách riêng từng con, đi về, sĩ diện như ông tướng.

Thấy tôi đến cổng, ông Quýnh chạy ra đón như đón một chàng rể hiền. Mai cũng mừng rỡ khen tôi rồi rít.

Tôi làm bộ mệt nhọc, vứt giang ra hè, và thở, ông Quýnh nhìn bốn con chim ủ rũ, gật gù nói:

- Thế thì cậu bắn lần này may lắm đấy.

Tôi sung sướng, trở một con:

- Thừa con này, con phải đuổi theo nó đến mười thừa ruộng. Nó động thấy con là bay mất.

Ông Quýnh cười:

- Giống giang tinh mắt lắm. Cho nên bắn nó rất khó.

Thật là cậu rất may. Tôi càng đắc chí, trở con khác và nói khoác đấy.

- Con này khỏe quá, bị đạn rồi mà còn cố bay. Một suýt nữa nó sang bên kia sông thì mất. May quá, mới đến chỗ cây đề thì nó kiệt lực, đụng vào cành, rơi xuống.

- Phải, tôi đã bảo cậu may lắm mà?

Mai nhìn cha, nói:

- Cũng phải biết bắn, chứ cứ may thế nào được.

Thấy người yếu bệnh, tôi càng như cời tấm lòng.

Theo đà nói khoác, tôi trở con thứ ba.

- Con này thì mải ăn, con dò đến tận sau mà không biết.

Cả mấy người cùng cười. Ông Quýnh nói:

- Tham ăn cho chết. Tôi không mấy khi được những dịp ấy. Vì giống giang rất tinh mắt cho nên tôi bảo cậu may là đúng lắm.

Thấy tiếng may, tôi liếc Mai. Mai cũng nhìn cha, có ý không bằng lòng. Như thế đủ cho tôi rồi. Được Mai đồng ý, tôi hả hê lắm. Cho nên còn con thứ tư, tôi nói kháy ông Quýnh:

- Con này thì thật không tinh mắt tí nào, vì con đứng ngay đằng trước mà bắn, lúc nó đang nuốt dở con cá.

Ông Quýnh gật gù:

- Tôi bảo cậu may là đúng lắm, vì mọi khi giống giang rất tinh mắt.

Mai thấy cha cố dìm nhân tài, bèn lườm và nũng nịu:

- Thầy lại cứ bảo thế!

Ông Quýnh ngọt ngào cười, nhìn con gái, nhìn tôi rồi ngồi xồm cạnh bốn con giang, ông cầm cả bốn cái cổ giò lên như để phân vua, và giảng:

- Thầy bảo cậu Quốc bắn được lũ giang này là may lắm, thầy nói chẳng ngoa, vì xưa nay giang rất tinh mắt. Đây con xem nếu cậu ấy không may, sao tình cờ lại gặp cả bốn con bị khâu mắt sẵn thế này mà bắn bao giờ.

Thôi chết rồi! Tôi giật mình đánh thót, cổ dương to mắt để nhìn kỹ. Bỗng cá trong người tôi như bị cái gì nó bò khắp mạch máu. Thì ra bấy giờ tôi mới trông thấy mắt giang bị khâu bằng chì thâm thật!

Trời ơi! Túi tôi hết đạn, tôi tự tử bằng cái gì bây giờ.

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cây mít

Sau nhà ông Lũng có cái vườn rộng ngót nửa sào.

Giữa vườn có một cây mít to, lá rườm rà, bóng rợp cả khu. Từ gốc lên, bám vào thân cây, đến cành, chỉ chít nhưng quả lớn. Khách qua đường, ai không biết, nhìn cái cây sai quả, thì tấm tắc khen:

- Quí hoá chưa! Thật là hái ra bạc.

Nhưng sự thực, cây mít này đã gây bao tai hoạ cho gia đình ông Lũng, và chứng kiến bao đau khổ của bố con ông.

Ngày xưa - nghĩa là sáu mươi năm về trước, còn đời ông nội ông Lũng, thì ông cụ vẫn trồng trọt hoa màu ở cái vườn này. Tuy đất hẹp, nhưng mùa nào thức ấy, thu hoạch quanh năm cũng có đồng ra đồng vào.

Một năm - năm ấy ông Lũng lên chín - ông cụ xin được của người họ ở làng Vòng một cây mít mật con.

Ông cụ gánh về, trồng ở giữa vườn, rào xung quanh cẩn thận, và bảo con cháu:

- Giống này sai và ngon. Tao chưa được ăn bao giờ.

Nghe nói quí lắm. Nhưng chắc gì tao đã sống đến ngày có quả Tao chỉ ước chết vào vụ hè, để chúng mày chúng tao toàn bằng mít.

Cây mít lớn dần.

Ông nội ông Lũng qua đời.

Bố ông đẻ thêm nhiều con.

Gia đình trở nên túng quẫn, thường ngày ba tháng tám, vẫn phải đi vay gạo hàng bữa.

Xóm ông có thằng địa chủ tên là Tồn. Hiện nay nó vẫn còn sống. Nó thích ăn mít. Nhà nó cũng có một cây, nhưng cây nhà nó quá không sai và chứng ngon. Nó đã lấy giống mít Vòng, nhưng trồng cây nào, chết cây ấy.

Nó chỉ ước ao có cây mít Vòng để ăn và lễ quan. Nhưng muốn có, thì phải mua. Mua thì phải mất tiền. Giống địa chủ có quen mua mất tiền cái gì bao giờ đâu. Giống ấy chỉ quen nhận đồ biếu. Nếu không ai biếu thì ăn hiếp hoặc ăn lừa. Nhưng khôn nổi, ở Vòng không ai là tá điền của nó, mà cũng không ai nợ nần gì nó để nó kể ơn lấy không mít của người ta.

Một lần mẹ ông Lũng ốm. Bà thèm của ngọt. Trong nhà lại hết tiền. Bố ông nghe nói nhà thằng lý Tồn có mật, nên đến mượn tạm. Nó đưa hẳn một bát, lại cho vay thêm hai đấu gạo nếp. Nó bảo:

- Người ốm thèm ăn gì, cứ cho ăn cái ấy, tự khắc khỏi.

Sau khi mẹ ông khỏi bệnh, thằng Tồn đến đòi mật và gạo. Bố ông không có để trả. Nó không nói gì, ra vườn ngắt cây mít, mới cao độ một thước, nói:

- Có đúng giống mít Vòng không?

Bố ông đáp:

- Thừa đúng.

Nó đúng một lát rồi về.

Nửa tháng sau, nó lại đến đòi nợ. Bố ông lại không có để trả. Nó nói:

- Thế thì vợ chồng mày gán cho tao cây mít con này.

Mẹ ông thấy không thiết thời gì, lại được sạch nợ, thì cho là một sự may mắn, nên bảo chồng:

- Phải đấy, cứ gán cho ông lý. Đến kỳ cúng ông thì xin ông ấy một quả. Chứ nhà ta ai thiết ăn.

Thằng Tồn bắt bố ông làm giấy nhượng đứt cho nó cây mít.

Vườn nhà. Nhưng cây của người.

Cái năm cây mít bói quả đầu tiên, bố ông đến nói với nó, xin để cúng ông cụ. Nó ngọt ngào đáp:

- Thế là đúng. Người trồng cây phải được ăn quả trước người thác. Được, mày cứ lấy. Nhưng đừng bỏ. Cúng xong lại mang trả tao.

Đến mùa rau, mẹ ông nhìn cây cải cứ bé cằn đi, nghĩ mãi mới tìm ra lý do:

- Tại cây mít che mát nắng, nên rau không lớn được. Phân gio tưới tắm là thế chứ còn thế nào nữa.

Bố ông thở dài:

- Rồi cây mít còn to, bóng rợp còn rộng. Rồi nó lại ăn hết màu đất. Không biết rồi vườn này trồng gì.

Năm sau, theo lệ năm trước, bố ông không nói với thằng Tồn, trảy một quả mít chín, định để cúng ông cụ.

Thằng Tồn - khi ấy đã làm phó tổng - giận cái thói nông dân tự do chiếm đoạt tài sản của địa chủ, nên phải làm cho bố ông biết tay nó.

Tay nó cầm cái ba-toong, hằm hằm đến nhà. Nó không đánh bố ông. Nhưng quật vào bài vị của ông nội ông, và chửi thằng ăn trộm mít. Nó hất cả mâm cơm cúng xuống đất.

Thấy bố ông nói bưng, nó trối vào góc mít, bắt quỳ hai đầu gối vào hai nửa quả mít mới bỗ đôi. Rồi nó đánh và giao hẹn:

- Từ nay, ông giao cho vợ chồng mày phải trồng cây mít. Mất quả nào, ông chẻ xác vợ chồng mày ra. Cho chừa thói ăn cắp?

Bố mẹ ông cực quá, nhưng không biết làm thế nào được. Cây lớn dần. Cà vườn bị cớm nắng. Cỏ cũng không mọc được hưởng chi là hoa mầu.

Mẹ ông bàn:

- Hay là bán quách vườn đi.

Nhưng không ai mua. Vườn ấy không thể trồng trọt. Và không ai dại mà làm

người canh mít công không cho địa chủ gian ác, mất quả nào, chết với nó quả ấy.

Mẹ ông kiếm ăn mỗi năm một vát vả thêm. Thiếu đất để trồng hoa màu, gia đình bớt hẳn một mối lợi.

Rồi sực nghĩ ra, bà bàn:

- Hay là ta bán vườn cho cụ chánh? (thằng Tôn đã làm chánh tổng).

Bố ông đến nói với nó:

- Ngày xưa cái năm u cháu ốm, cụ có giúp một bát mật với hai đấu gạo. Con gán hầu cụ cây mít. Ngày ấy cây còn nhỏ, không nói làm gì. Nhưng hai mươi năm nay, cây ấy sai quả, mùa nào cụ cũng hưởng. Đó là quyền của cụ. Con không dám nói đi nói lại. Nhưng có một điều con phải nghĩ ngợi nhiều, là cây của cụ, nhưng nó lại mọc trên vườn nhà con. Cho nên, con muốn nhường đứt hầu cụ cái vườn. Kẻo con vẫn mang tiếng là có cây mà không được ăn quả.

Thằng Tôn bỏ dọc tẩu xuống, ngồi nhòm dậy, đáp:

- Anh nói cũng có lý, nhưng anh có để phần có lý cho tôi nữa hay không.

Anh làm như ở đời này chỉ có mỗi một mình anh là khôn thôi ấy!

Rồi nói thêm:

- Anh xem, gần tất cả cây ăn quả ở xóm này là của tôi mua hết. Cũng như cây mít của anh. Nhưng có ai kêu ca phàn nàn gì đâu? Có ai đến nói nhường vườn cho tôi không? Ai cũng trông nom cho tôi rất cẩn thận, không cây nào suy suyễn quả nào. Hơn hai mươi năm nay, tôi ăn mít Vòng đã quen rồi.

Thôi anh về đi, nói lắm, rác tai tôi.

Nói đoạn, nó sai người đuổi bố ông Lũng ra cổng.

Năm năm sau, bố mẹ ông qua đời.

Ông Lũng cũng đẻ nhiều con. Gia đình càng đậm ra túng thiếu. Ông đã phải bán đến thửa ruộng cuối cùng cho thằng Tôn. Nhưng cái vườn sau nhà thì cho cũng không ai muốn lấy.

Bà Lũng bực mình lắm. Mỗi năm mùa mít đến, bà nhìn những quả xanh nhu nhú như cái nắm tay ở thân cây bà tính lấy gậy nhọn chọc cho thối mẹ tất cả đi cho đỡ ngứa mắt. Nhưng bà không dám. Tuy thằng Tôn đã từ chánh tổng nhưng con cả nó làm lý trưởng uy quyền không kém bố ngày trước. Thằng này cũng có cái thói cho vay để chiếm cây ăn quả của vườn người ta.

Ông Lũng thì coi cây mít như một vật thù. Chính nó làm cho hai đời trong gia đình ông, vì túng bán, là vợ chồng, bố con lục đục, cãi cọ nhau luôn. Mùi quả chín thơm ngào ngạt luôn luôn nhắc ông đến những nỗi uất ức. Nhất là khi thấy đứa con nhỏ tập nói “cây mít của nhà ta”, thì ông càng căm hờn.

Ông nội ông, bố mẹ ông, nay đến vợ chồng ông, có cây mít ở vườn đấy, nhưng đã ai được biết mùi mễ nó như thế nào đâu.

Một hôm, nghe con ông khóc, đòi ăn mít, ông không thể nhịn được. Ông

cầm con dao dựa, chém vào thân cây hai nhát thật mạnh.
Việc đến tai thằng Tồn. Lập tức, nó phăm phăm đến.
Nó chửi ông là làm phản. Nó sai đầy tớ đóng bốn cái cọc ở cạnh gốc mít, buộc bốn chân tay ông vào, rồi cầm cây chuối vào lỗ đít, và đánh. Ông như con ếch bị căng, giầy giữa. Một lát, máu đít vọt ra.
Bà Lũng ở đồng về, tay xách giỏ ốc. Thấy chồng bị đòn, bà vội vàng chạy đến. Thằng Tồn giật lấy, quăng ra ngoài hàng rào, rồi đá bà một cái ngã sóng soài. Ốc rơi tung toé.
Thằng bé con bò lồm ngồm theo cái giỏ, vừa nhìn qua kẽ rào, vừa khóc. Nó đói, mong mẹ về để có ốc ăn. Sau trận đòn, mình mẩy ông Lũng sưng vù, bốn năm hôm mới khỏi.
Dạo tháng năm năm ngoái, một đêm, mưa to gió lớn.
Cái cành mít to nhất bị gậy, rơi thẳng xuống nóc nhà.
Nhà vốn yếu, nên đổ. Cái cột đề lên đùi bà Lũng. Bà chữa mãi không khỏi.
Hiện nay, đi đâu bà cũng phải chống nạng.

Cho tới năm nay, vừa đúng bốn mươi một năm, thì đội phát động về. Ông Lũng lấy lại được cây mít. Các cây trong làng cũng được giải phóng thoát tay địa chủ về với gia đình nông dân.
Lại đúng vào vụ mít chín. Ông Lũng bỏ một quả to nhất làm tư, bóc ra múi, đặt lên bàn thờ, rom rớm nước mắt, khấn ông bà cha mẹ. Rồi vợ chồng con cái xúm lại ăn. Không ai nói với ai câu nào. Hmh như họ sướng quá. Không phải sướng vì được hưởng cái vị thơm ngọt của giống mít Vòng, nhưng sướng vì đã giành được cái quyền ăn quả của cây nhà trồng đã ba đời nay. Nhưng ông Lũng ăn có ba miếng. Ông đứng phắt dậy, lấy cái đĩa, xếp vào đó độ hai chục mùi to nhất, và nói:
- Để đến tối, hộp xong, tao đánh lừa anh cán bộ về nhà, để mời anh ấy ăn với tao, thì tao mới thật thấy ngon, thấy sướng.

1955

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Chiếc đèn pin

Lần sau, có việc lên tỉnh, ông huyện Văn Giang vẫn vào trọ nhà Giốc như thường. Thế là bác thông phiên đã đoán sai. Bác tưởng hôm nọ xảy ra, nó động tới chỗ liêm sỉ của ông huyện, bác sẽ mất đứt môi. Mà rồi biết đâu, ông ta lại chẳng cổ động các quan khách đến trọ cả nhà khác, thì thật là hoạ vô đơn chí. Nhưng mà không. Ông huyện vẫn vui vẻ sai bảo bác, như quên khuấy chuyện hôm nọ, đến nỗi bác nghĩ rằng hay là đêm ấy bác đã chiêm bao mê hoảng mà thôi.

Song, quyết là sự thực. Ngay hôm sau, khi ông huyện đã về, bác Giốc nhích móc cô Khuê, đến nỗi cô ứa nước mắt nước nức nói:

- Thầy mà cứ đổ cho con phải lòng cái nhà ông dê già ấy rồi con tự tử cho mà xem! Con ngờ đâu ông ấy phải giở thế.

Bác Giốc quắc mắt, hỏi:

- Sao thầy ông ấy vào, mà không hô hoán lên?

- Thì con có trông rõ đâu. Mãi đến lúc thầy đánh diêm soi, con thấy sáng, bừng mắt ra nhìn, con hoảng, mới kêu rú lên.

Nghĩ ngợi một lát, bác Giốc nói:

- Lần sau, tao chắc ông ta không còn mặt mũi nào vào trọ đây nữa. Nhưng hễ mày đi phố có gặp, mày nên tránh xa ra.

- Ngộ ông ấy cứ đến đây thì làm thế nào?

Bác Giốc hút xong điếu sái ba, ngồi nhồm dậy, tu một hụm nước rất nóng, đáp:

- Thì mày về nhà cô Lý mà ở. Ông ấy có hỏi, tao bảo mày đi đòi nợ.

Khuê trầm ngâm, thờ dãi, nói:

- Thật tự nhiên tốn tiền hành lý đi tránh nạn. Ít ra cũng mất ngót đồng bạc.

Sao thầy không đề con ở nhờ nhà ai trên tỉnh này có được không?

- Ai người ta nuôi báo cô mày. Vả lại rồi người ta hỏi, tao sợ tai tiếng. Được, mày cứ nghe tao, về Ròng chơi với cô Lý mày dăm ba hôm.

Khuê ngây ngây:

- Về Ròng đi xa ồm lên ấy. Từ ga Gia Lâm kéo bộ theo đường dê thì nặng chết người! Mà làng Ròng cũng về huyện Văn Giang của ông ấy.

Bác thông phiên cau mặt.

- Nhưng trong khi ông ấy lên đây, mày đi Văn Giang mày còn sợ gì. Vả lại

ông ấy là phụ mẫu dân Văn Giang đời nào ông thêm trêu ghẹo mày ở hạt ông cai trị.

Bàn bạc với con như thế, bác Giốc yên trí giấu được Khuê vào chỗ kín đáo xa xôi.

Ngờ đâu ông huyện Văn Giang thấy Khuê cắp nón và gói áo, lại biết rằng cô ra ga, thì ông vờ vịt hỏi bác Giốc:

- Con bé nó ra ga vào giờ này à?

Tưởng có nói thực cũng không hại gì, bác thông phiên đáp:

- Bẩm quan lớn, cháu nó về Ròng, chơi với cô Lý cháu.

Ông huyện mừng thầm, hỏi:

- Ròng nào? Ròng Văn Giang ấy à?

- Bẩm phải ạ.

- À thế ra nhà mày cũng có họ với người ở Ròng đấy?

- Bẩm cô cháu lấy chồng ở Ròng. Chú cháu trước kia làm lý trưởng.

Ông huyện nghĩ một lát, rồi hỏi:

- Lý trưởng nào thế nhỉ?

- Bẩm Lý Trung ấy ạ.

Ông huyện vừa gật gù vừa há to mồm ra mà:

- À, Lý Trung là em rể mày đó. Bây giờ tao mới biết. Ừ thằng ấy tao coi bộ cũng thực thà.

Nói đoạn, ông uống vội vàng chén nước rồi đi, sai lính xếp cả bàn đèn vào va-ly. Anh lính ngỡ ngác không hiểu ý quan ra làm sao. Vì theo lệ thường, ngài rất lễ mễ. Trước khi vào hầu cụ thượng, dù súng lục kê mang tai, ngài cũng hãy làm một hai chục điều cái đã.

Lần này thì chẳng có súng lục kê mang tai, mà ông huyện cũng hết sức lật đật! Ông vào dinh, thu xếp công việc cho chóng xong, định về Văn Giang nội nhật hôm nay, để đến tối, vào làng Ròng. Chỉ có sắc đẹp mới khiến nổi ông nhìn com trắng, com đen, đầy đoạ cái thân già như thế.

Chiều hôm ấy, về tới nhà, một mặt ông huyện bảo Cai việc cho người đến Ròng thăm xem nhà Lý Trung có phải mới có cháu gái đến thực hay không, một mặt ông sai làm mâm com, và tiêm chong chóng hút cho đủ bữa thuốc.

Ông gắt gỏng với ông Đề và ông Bộ-ba vào trình việc án mạng lúc trưa ở làng Phụng Công. Ông bức mình những việc quan trọng ấy đến làm rồi beng cả óc, không cho ông được thông thả để nghĩ ngợi đến cuộc gặp gỡ dịu dàng sắp sửa này.

Rồi xẩm tối, anh lính phụ khoẻ nhất đã đội khăn, mặc áo the dài chỉnh tề, kéo xe ông về làng Ròng.

Chiếc xe nhà lăn đôi bánh gỗ trên con đường gập ghềnh, ông huyện tuy đau đón mệt nhọc, nhưng vẫn bắt chạy hết sức. Tay ông cầm chiếc đèn bấm năm

pin, thỉnh thoảng lại bật sáng lên, để soi lối cho xe đỡ sa xuống ruộng. Hôm ấy là cuối tháng, trăng sao không có cả một cánh đồng như nhuộm mực.

Về đến Ròng, tuy ông ề ầm cả lưng lẫn hai vế đùi, song ông thấy nhẹ nhõm ngay. Ông đi rõ nhanh, gọi cổng vào nhà lý trưởng đương thứ.

Ông nói thực với thuộc hạ mục đích của ông, và hỏi:

- Vậy thầy có kế gì giúp tôi không?

Lý trưởng gãi tai đáp:

- Lạy quan lớn, quan lớn thương đến, chắc cô ấy phải bằng lòng ngay. Và lại cô ấy về đâu, chứ lại về hạt này, thì lột làm sao được tay quan lớn. Mà con tưởng cô ấy định hầu hạ quan lớn, nên mới lập tâm đến chơi bà Lý Trung.

Ông huyện vui vẻ, vỗ vai lý trưởng, vừa cười, và nói:

- Ừ phải, thầy nghĩ đúng đấy. Thế bây giờ ta nên làm thế nào?

- Bẩm để lát nữa, con bảo nhà con chạy đến nhà Lý Trung, bảo cô ấy sang chơi.

Ông huyện lắc đầu, xua tay:

- Nó không đi đâu.

- Bẩm có, nhà con ghé vào tai cô ta, bảo thực rằng sang quan lớn đòi.

Ông huyện gật đầu, nhấp chén nước chè tàu, rồi giục:

- Thầy bảo cô ấy nhà thầy đi ngay cho tôi.

Cái tin quan về làng, tự nhiên đồn ầm từ nhà nọ sang nhà kia. Người ta biết rằng quan, vì nhận được cái xe nhà gỗ sơn đen để ngay ở ngõ ông Lý.

Cả làng lo lắng chẳng hay có việc gì chẳng lành, mà đang đêm hôm, quan về một cách bất thình lình như thế.

Duy cô Khuê hiểu. Cô kể sự tình với bà Lý Trung, và hỏi xem nên trốn tránh chỗ nào cho thoát.

Bà Lý Trung bàn bạc với chồng, rồi nhất định dắt cô sang nhà người anh rể họ ở làng bên cạnh.

May sao, hai cô cháu vừa bước chân ra khỏi nhà độ mười phút, thì ở ngoài cổng có tiếng bà lý đương nheo nhéo gọi.

Song bà thấy thất vọng ngay, vì thấy nói hai cô cháu mới ra Hà Nội lúc chập tối.

Ông huyện được tin, như bị sét đánh. Ông há mồm mãi mới đáp dĩnh nói được:

- Thế cô có vào trong nhà xem xét kỹ càng hay không?

- Bẩm không?

Ông huyện giơ cả hai tay lên trời, mắng:

- Đồ ngu? Thầy lý đưa tôi đi vậy. Tôi đã biết rằng vợ thầy không được việc gì đâu mà.

Lý trưởng sợ tái mét mặt, vội vàng thắp chiếc đèn bão và cặp tráp điếu, theo quan đi.

Đến nhà Lý Trung, ông huyện gọi người mở cổng.

Ông không nói rõ là khám xét gì, cứ xồng xộc sấn vào, bấm đèn lên nhà trên, xuống dưới bếp, ra cả chuồng trâu, chuồng lợn. Sau khi sục sạo một hồi vô ích, ông đứng giữa sân ngẩn ngơ thờ dài. Lý Trung mời khan mời vãi, sao ông cũng không ngồi nghỉ. Rồi chẳng nói chẳng rằng, một mình lại xăm xăm đi sang hai bên hàng xóm. Không biết nghĩ thế nào, ông không cho ai đi theo hầu, ông chắc Khuê đã nhanh chân, chui sang ẩn nấp ở đó.

Nhưng sự tìm tòi cố nhiên không có kết quả, gia dĩ ông lại bị thiệt hại: ông vấp vào cái chốt cổng suýt ngã, cái đèn bấm rơi bắn ra xa, tìm hết hơi cũng không thấy.

Ông phát cáu, gọi vánh lý trưởng bảo đi về, và cùng đường, ông hét lảm bảm đến gắt gỏng:

- Thầy không được việc gì cả.

Lý trưởng sợ hãi, gãi tai nói:

- Lạy quan lớn, tha tội cho con. Bấm bây giờ xin quan lớn cứ nghỉ ở nhà, con sai tuần đi tróc, thế nào cũng thấy cô ta.

Một người thất vọng đến đâu cũng không bao giờ dám tuyệt vọng, cho nên ông huyện bầu ngay vào cái chút hy vọng ấy, tuy biết nó chẳng vững vàng gì.

Ông nằm khan trên sập nhà lý trưởng, tay vất lên trán, thỉnh thoảng lại thờ dài. Ông tiếc cả cái đèn pin nữa. Thực là thiệt đơn thiệt kép.

Mỗi tên tuần vác gậy về không lại làm ông chán nản một tý. Rồi đến người cuối cùng thì sự tuyệt vọng của ông đến chỗ hoàn toàn.

Lúc ấy đã đầu trống ba. Ông bỗng vùng ngồi dậy, bới lại tóc, cấp khăn vào nách, xỏ chân vào giày, gọi lý trưởng.

- Bảo nó kéo xe cho tôi về huyện.

Lý trưởng sợ sệt nói:

- Bấm đêm đã khuya, mời quan lớn nghỉ lại, nhà chúng con cung sạch sẽ.

- Thôi, thầy cắt hai tên tuần lực lưỡng cho chúng nó đi hầu tôi.

Nói đoạn, ông huyện như người điên, dùng dùng đi một mình ra cổng chẳng chờ ai cả. Lý trưởng học tốc chạy gọi tuần, và sai người sắp sửa đèn đuốc.

Chẳng mấy chốc, giữa hai ngọn lửa sáng, chiếc xe đen đã ịch ạch nghiêng bánh lên trên con đường đất gồ ghề.

Sáng hôm nay, lý trưởng làng Ròng đang ngủ ngon giấc, thì có người đánh thức dậy, ký nhận tờ sức của quan huyện.

Văn Giang, ngày 25 tháng 2 năm 192...

Le Tri huyện sức Lý trưởng xã... tuân cứ.

Tối hôm qua, bản chức đi tuần lại xã thầy và có mang theo chiếc đèn bấm

năm pin, mọi nhẽ.

Vậy không biết tên nào cầm đèn ấy, chưa nộp lại bản chức, nay sức thầy phải tìm cho ra và đệ tại bản nha trước ngày 2 tháng 3. Nhược bằng đưa gian giáo có ý chiếm đoạt, thì sẽ phải tội nặng.

Nay sức

Le Tri huyện

(ký tên và đóng kiềm)

Đánh vắn xong, lý trưởng cậy cục dử mắt, bơi vào cột, thù người ra nghĩ, mặt tái dần.

(Mars -1938)

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Lại chuyện con mèo

Vừa bước chân tới cổng sở, tôi đã thấy chiếc xe Pho ấy đứng trước thềm nhà, và tiếng chủ tôi nói oang oang trên gác.

Bốn năm nay, làm ở đây, tôi chưa hề thấy có việc khác thường như lần này.

Tôi bình tĩnh sao được. Chủ tôi vốn là dân làng bẹp, dân làng bẹp hạng nặng, nên ngày thường sớm lắm là tám giờ ông mới tỉnh giấc. Mà sau khi rửa mặt, mặc quần áo, điểm tâm (bằng nước cà phê sữa) và điểm phổi (bằng khói thuốc phiện) thì ít ra đến chín giờ ông mới xuống làm việc được. Vậy mà chẳng hay hôm nay đã xảy ra việc gì phi thường, đến nỗi ông bỏ cả lệ. Tôi vội vàng rào bước vào buồng giấy để chờ sẵn. Vì chắc rằng trước khi đi vắng, ông chủ cần dặn dò tôi điều nọ điều kia, hoặc giao công việc cho tôi. Nhưng chờ mãi, tôi vẫn không thấy gì. Tôi đến bàn chủ xem có dây thép hoặc thư từ gì khẩn cấp không.

Cũng chẳng có gì đáng chú ý. Tôi ngạc nhiên hết sức.

Ngoài sân, vẫn vọng ra tiếng chủ nói và tiếng chân người chạy ở tầng trên.

Tôi mở cửa gọi loong-toong. Nhưng không ai trả lời.

Bỗng người bồi chạy vụt qua. Tôi vội vàng hỏi:

- Việc gì thế?

Người ấy không dừng lại, chỉ cau mặt để đáp bằng hai tiếng vùng vằng, cộc lốc:

- Ô! Thôi!

Tôi nhận thấy trên má anh có hằn năm vết đỏ, nên tôi chột dạ, càng cố tìm cho hiểu việc gì.

Mà tiếng gót chân dồn dập nện ở cầu thang mới làm tôi kinh hãi làm sao.

Thì may quá, thấy người sếp-phơ léo nhéo ở ngoài hiên, tôi vội vàng mở cửa sổ ra:

- Việc gì thế, bác?

- Đi nhà thương. Đương gắt như mắch đấy!

Trả lời một cách oán hờn, anh ta lại vội chạy ngay xuống bếp.

Đi nhà thương? Trong nhà đã xảy ra tai biến gì?

Hay thằng Jean, thằng con trai yêu quý của chủ tôi đã làm sao? Có thể thế lắm. Thằng bé này, chắc vì vú nó lơ đễnh, đã để nó ngã gác. Hay nó bị cảm phong?

Nhưng sao chủ tôi không gọi dây nói mời bác-sĩ đến cấp cứu? Tôi thương hại thằng bé, nếu nó đã gặp nạn. Nó là một đứa ngoan ngoãn, lễ phép. Vừa

mới chiều qua, khi thấy tôi hết công việc, nó sấn đến cạnh tôi, đặt hai cánh tay mũm mĩm lên bàn và kiễng chân, há miệng, để ngó lên chỗ tôi làm việc. Ai mà không yêu nó được.

Tôi bế nó, đặt trên đùi. Nó hỏi tôi bằng những câu rất ngây thơ, khiến chủ tôi phải cười đau bụng.

Tôi vừa tính lên gác để thăm nó, nhân tiện xem có thể giúp ích cho chủ việc gì chẳng. Thì bất đồ, tôi thấy chính thằng Jean đương nín tay, co vú nó ra sân sau.

Nó vẫn hồng hào, ngoan ngoãn, và nhất là vẫn lành lặn như thường.

Tôi vẫy tay, gọi vú:

- Chị Hai!

Và hát hàm, tôi trở tay lên gác để làm hiệu hỏi.

Chị Hai mỉm cười, gật đầu, đáp lại tôi bằng một tiếng:

- Đẻ!

Tôi cau mặt để nghĩ. Quái! Ai đẻ? Tôi lại hỏi:

- Ai?

Nhưng chị Hai muốn chừng không nghe rõ, nên đáp:

- Đi nhà thương.

Rồi chị bị thằng Jean co đi xa, khiến tôi nghĩ vẩn vơ một mình, mà càng không hiểu việc gì cả.

Đẻ? Ai đẻ? Hay bà chủ? Không có lý. Bà ấy mới có mang được bốn tháng.

Chủ tôi nói chuyện với tôi thế.

Vậy lẽ nào bà ấy đã đẻ sớm thế được. Hay là đẻ non?

Nếu vậy, thật là một tai biến cho chủ tôi. Chủ tôi đã tát anh bồi. Phải chăng vì lo cho vợ mà ông đã loạn trí?

Tôi làm ở đây bốn năm. Chủ yếu tôi. Tôi mền chú. Sao tôi thấy cái tin dữ dội này mà thờ ơ cho được? Vả bà chủ là một người phúc hậu, thực thà. Tuy bà là vợ một người Pháp sống ở bên thuộc địa, người Pháp ấy lại là nhà doanh nghiệp khá to, vậy mà bà vẫn làm những công việc như vợ một người thường. Chính mắt tôi hàng ngày đã thấy bà vào bếp làm đồ ăn. Và khi rồi, bày vò cả quần áo giúp bồi. Bà đối với kẻ ăn người làm rất ngọt ngào, rộng rãi, đến nỗi chưa bao giờ tôi thấy ai oán thán một câu nản.

Tiếng chủ tôi vẫn một giọng gắt gỏng ở trên gác.

Tôi đứng đắn đo, xem rằng lên hỏi thăm bây giờ có phải phép hay không. Và cũng nên biết đích sự thực đã. Thì may thay, người loong-toong đã ở đâu về. Anh ta xuống xe ở cổng trả tiền vôi vữa và tay ôm cái chai và gói gì to, tất tả rảo cẳng vào nhà.

Nghe tôi hỏi, anh ta chỉ đủ thì giờ trả lời bằng ba tiếng, đã vôi biến mất:

- Bông, băng, còn.

Đích là những thứ cần cho sự đẻ. Tôi phải đi đi lại lại trong phòng, chăm

thuốc hút để nghĩ xem nên xử trí thế nào Từ lúc ấy, tiếng chân chạy trên gác càng vội vàng tấp nập.

Nhưng bỗng tôi ngạc nhiên hết sức. Và do đó, tôi lại yên tâm. Là vì tôi vừa nghe tiếng dịu dàng của bà chủ tôi gọi thằng Jean:

- Jean! Lên hôn Ba! Ba sắp đi đấy.

Ồ hay! Ba thằng Jean sắp đi? Chủ tôi sắp đi? Đi đâu? Không có lẽ ông lại đi nhà thương để dễ.

Tôi mong loong-toong xuống để hỏi.

Tôi nhăm lại xem trong nhà nay còn ai có thể dễ được nữa không? Không.

Trăm câu hỏi vẩn vơ quấy lộn trong óc tôi. Và sau hết, tôi quyết rằng bọn bồi, bếp, sếp phơ, vú em, loong-toong không hiểu việc gì hết. Họ nói liêu cả. Nhưng bỗng không, sao từ nãy, trong nhà như có biến động? Hay chính chủ tôi đã gặp hoạn nạn gì chẳng? Xưa nay ông điềm đạm, sao bây giờ ông to tiếng, cáu kỉnh làm vậy?

- Bác Năm đâu. - ông ấy hỏi - Có phải mua thêm xăng không đây?

- Đủ cả rồi.

Thấy tiếng xôn xao ở chân thang, tôi vội ngó cổ ra, thì những người ấy đã đâu cả.

- Gớm, đi tránh ra, người ta đã vội mê thần đồng lên, lại còn án hướng. Ông ấy lại bạt tai cho cái nữa bây giờ.

- Gắt cái con khỉ, ai không vội?

Tôi lại mở cửa, thì cũng chẳng thấy còn ai.

Trên đệm ô-tô, người ta đã đặt những gói nho nhỏ

Tôi bèn chờ ở cửa sổ, để đợi người mà hỏi.

Anh bồi ôm lễ mễ cái chai còn gần xi nguyên, một cái hộp nhỏ từ trên gác xuống, rồi để trong xe. Tôi vẫy tay, toan hỏi. Bỗng bị chủ gọi giật, anh ta phải thưa:

- Me-xừ!

Rồi tất tả chạy lên.

Một lát, anh sếp-phơ hắt tấp vặn kính cửa xe cho kín, rồi lấy tay trở để đệm đồ đạc. Anh ngồi sẵn, cầm tay lái để chờ. Lúc ấy, người loong-toong cũng đứng ở bậc thềm. Tôi hỏi:

- Bác đi đâu về thế?

- Tôi mua bông, băng, còn. Nhà có sắm đủ cả, nhưng ông chủ bảo bông cũ, xấu, phải mua thứ mới. Ông ấy có hiểu quá?

Nói đoạn, anh lắc đầu, mỉm cười với sếp-phơ, rồi tránh rạp sang một bên, khiến tôi muốn hỏi, lại không dám hỏi nữa. Tôi biết là có cái gì đáng kính trọng sẽ qua trước mặt anh.

Cái đáng kính trọng ấy, hẳn là ông chú, hoặc bà chủ tôi.

Tôi đoán không sai: Bà chủ tôi tất tả ra xe, ngó vào trong, soát lại các đồ

đặc, rồi nhìn lên gác, gọi chồng.

Bà đứng đợi, một tay giữ lấy cửa xe mở rộng.

Tôi tính ra sân hỏi. Nhưng khi thấy trên mặt bà có vẻ băn khoăn, nên tôi lại trù trù.

Rồi tiếng giày chậm rãi xuống thang gác và ở sân, mọi người quay cả lại phía cửa.

Tiếng giày ấy là tiếng giày ông chủ tôi, tôi nghe đã quen tai. Hẳn là không cần hỏi han ai, nửa phút nữa, tôi có thể biết cái việc quan trọng đã xảy ra trong gia đình này.

Chủ tôi tóc chưa chải, cavát buộc dới đá, ở trong nhà, xuống thềm. Ông đi thong thả, nhìn từng bước.

Mặt ông rất buồn bã, đau thương. Vừa đi, ông vừa nói những tiếng đồ dảnh.

Hai cánh tay ông khoanh lại trước ngực, vì ông phải nưng niu một vật nặng.

Ông gượng nhẹ, ngồi vào đệm xe, mặc cho bà vội đóng cửa lại.

Xe từ từ chạy. Mọi người nhìn theo, và bởi vì đã làm xong việc quan trọng, nên cùng nở một nụ cười.

Tôi cũng thấy được nhẹ bỗng, vì vừa tìm ra câu trả lời rất giản dị của bài tính đồ tưởng rất khó tin.

Thì ra sở dĩ từ sáng đến giờ chủ tôi phải trăm đường vất vả, sinh ra ác nghiệt, cả nhà chạy loạn xạ, bối rối như có cuộc lở đất long trời, là vì con mèo Mi-mi sắp đẻ, nên chủ tôi phải sửa soạn để đem nó vào sở Thú y.

8-1939

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Hé! Hé! Hé!

- Này xe, cái con mẹ thất lưng tím đang đi trước hiệu Phúc An kia, có phải là vợ nhà Chánh tổng Đồng Quân không nhỉ?

- Bầm cụ lớn phải ạ.

Cụ lớn - bởi vì người đàn bà này được diễm phúc hơn người khác ở chỗ có chồng làm quan đến chức tuần phủ. Cụ lớn nghĩ một lát, rồi hỏi:

- Tên con mẹ là Chánh gì hở?

Anh xe vừa bấm chuông, vừa đáp:

- Bầm, chánh Tiền ạ.

Cụ lớn mỉm cười:

- Tên nó thế không trách nó giàu. Nhưng nó ăn mặc thế kia, đồ ai biết nó có hàng vạn. Đến gần nó, mày đồ cho tao xuống nhé.

- Dạ.

Lúc ấy bà chánh Tiền đương đi vội vàng trên hè. Bà không để ý đến đường phố, bởi vì ở nhà quê ra tỉnh, bà định sắm ít xeng cuốc, cùng vài thứ lặt vặt, nên đi đi lại lại ở phố Khách đến mười lượt, để khảo giá các hiệu bán đồ sắt. Bà mặc áo vải nâu dài không gài khuy, và quần sồi thâm ngắn cũn cỡn. Cánh tay bà khoác cái nón đã tàu tàu Tất cả bộ cánh của bà chỉ hơn người nhà quê thường có cái thất lưng tím.

Bà đương nhìn vào hiệu Phúc An, bỗng tiếng cười khanh khách giòn tan ngay bên cạnh tai, làm bà giật nảy mình:

- Hé? Hé! Hé! Bà chị lên tỉnh từ bao giờ thế?

Cụ lớn Tuần nắm lấy cổ tay bà Chánh, và vồn vã hỏi thế. Thì không ngờ bà này, được hân hạnh bất thần, sung sướng quá, đến nổi rú lên một tiếng “ôi”, và cảm động suýt rơi nước mắt. Bà ta vội vàng chấp hai tay để vái lúi lại một bước, cung kính chào:

- Lạy cụ lớn ạ.

Cụ lớn nhăn mặt, xua tay:

- Không, không cụ lớn cụ bé gì, chị em mình bạn gái, ai hơn tuổi là chị, ai kém tuổi là em. Có các ông ấy làm việc với nhau thì muốn gọi nhau là gì thì gọi.

- Dạ, lạy cụ lớn.

-Ồ đừng cụ lớn cụ bé gì mà? Hé? Hé? Hé!

- Lạy cụ lớn cho phép con gọi thế ạ.

- Gớm, các bà chị đến khó bảo. Thế nào, bà chị lên tỉnh từ bao giờ, sao

không vào trong dinh chơi?

- Lạy cụ lớn tha tội cho, chúng con ăn mặc sỗ sề, sợ vào thì làm bận mắt cụ lớn.

Cụ lớn cười xoa:

- Ô bà chị cứ dạy thế. Tôi trách đấy!

- Lạy cụ lớn, cụ lớn là chỗ cha mẹ, cụ lớn tha tội cho con cháu.

- Thế thì bây giờ vào chơi vậy.

- Lạy cụ lớn, dạ.

- Vào ăn cơm với tôi cho vui nhé.

- Lạy cụ lớn, chúng con đã vô phép cụ lớn rồi ạ. Nhà quê chúng con hay ăn cơm sớm.

- Thì vào chơi nói chuyện vậy. Ông Tuần tôi đổi về đây, tôi đến thăm các bà chị một lượt, thế mà các bà chị lên tỉnh, không bà nào vào chơi với tôi. Tôi giận lắm đấy.

- Lạy cụ lớn, chỗ chúng con là con cháu, chỉ sợ ăn nói thất thố, nên không dám vào đó mà thôi.

Thì tôi đã bảo chỗ chỉ em mình là bạn gái với nhau, ta cần gì. Các bà chị đong bán, tôi cũng đong bán. Các bà chị làm ruộng, tôi cũng làm ruộng. Thật đấy, ở nhà, tôi cũng vẫn giặt giũ, quét tước, chứ có xem xệp ngồi không như các bà quan khác đâu. Hé! Hé? Hé!

- Dạ.

- Vào chơi trong dinh nhé.

- Dạ, chúng con xin theo hầu cụ lớn.

- Ừ lên xe tôi mà đi.

Nói đoạn, cụ lớn gọi chiếc xe hàng, để nhường bà Chánh Tiên ngồi xe nhà. Cử chỉ không ngờ này lại khiến bà Chánh cảm động.

Lần này, bà ứa nước mắt thật. Bà ngượng nghịu, run sợ thế nào ấy. Nhìn chiếc xe sơn giả đồi mồi, gọng kèn sáng loáng, vải đệm trắng tinh, bỗng bà ghê cả người.

Bà tưởng như mình không xứng đáng được dùng những thứ sang trọng quá quắt như vậy. Và khi đặt tấm thân cục mịch lên trên chiếc đệm êm ái do cụ lớn nhường cho, bà khoan khoái nghĩ bụng không biết mấy mươi kiếp trước tu đã dày dặn thế nào, nên kiếp này mới được đền bù bằng một phút hạnh phúc này vậy.

Bà ngồi móm trên xe, bà vẫn còn rùng mình. Bà ngẫm đến lời ngọt ngào, tử tế của cụ lớn mà nở nang cả mày mặt. Sao lại có bà quan dễ dãi, phúc hậu như bà Phật này. Một đời người, dù khổ sở thế nào, mà được cụ lớn ban chuyện cho một lát, một lát thôi, thì còn ai muốn chết nữa. Vợ một quan Tuần phủ, vợ một cụ lớn đầu tỉnh, mà đối đãi với vợ một tên Chánh tổng quèn, ăn nói thân mật như chị em, nào nắm tay vồn vã, nào bà chị, nào hơn

tuổi, nào vào chơi, nào trách móc, trời ơi ai được thế mà chả thọ thêm đến mười năm! Nghĩ đến đó, bà Chánh dào dạt cả tâm hồn.

Bồng xe bấm chuông và chạy quanh vào đình. Bà Chánh vội vàng tụt xuống đất, và nói:

- Anh đỡ cho tôi xuống đi bộ, kéo cụ lớn trông thấy lại quở!

Nhưng cụ lớn bà nghe tiếng. Cụ lớn quay lại xua tay cười:

- Không can gì. Đàn ông họ không hay chấp nê như bọn mình đâu.

Đến thêm nhà tư, bà Chánh chùi chân vào chiếc thảm rất kỹ lưỡng, rồi mới dám bước lên gạch hoa. Và cụ lớn phải kéo mãi, bà mới dám ngồi trên chiếc ghế bành đánh bóng. Bà thít người lên.

Cụ lớn gọi lính quạt nước, và lấy lọ chè cất trong tủ mà cụ lớn khoe là thượng hảo hạng. Chính cụ lớn tự pha ra chén, và đưa tận tay mời bà Chánh Tiễn.

Mỗi lần bà Chánh được cụ lớn ban cho những câu tử tế dễ dãi, ngọt ngào, thì bà lại rơm rớm nước mắt.

Cụ lớn hỏi thăm về mùa màng, đong bán. Cụ lớn bàn lễ thiệt hơn về lối làm ăn. Bà Chánh cảm sự nhã nhặn bao nhiêu, lại phục sự đảm đang của cụ lớn bấy nhiêu. Và cụ lớn nói cả chuyện buôn bán của cụ lớn khi gọi họ, khi đong thóc, khi cân sơn, khi buôn tơ, khi đặt đay, vân vân, bất cứ dịp nào có lãi, cụ lớn cũng không để tiền nằm yên bao giờ.

- Phi thương bất phú, bà chị ạ ông nhà tôi tiếng rằng làm quan, nhưng lương lậu có được là bao. Hé? Hé! Hé!

- Dạ, lạy cụ lớn, cụ lớn ông thực là nhân quan:

- Phải, cho nên tôi vẫn phải giữ nghiệp nhà, là lấy sự buôn bán làm căn bản. Làm bà quan, chẳng qua như được hưởng cái hoa thơm, chứ sung sướng sao bằng các bà chị có ruộng nhiều. Thế năm nay bà chị chỉ cấy có năm mươi mẫu thôi à?

- Dạ, lạy cụ lớn, năm nào chúng con cũng chỉ cấy có ngàn ấy, còn cho người ta làm rẽ. Vì nhà neo người, sức một mình con không kham nổi ạ.

- Phải, tội gì vất vả lắm. Và lại chỗ cho người ta cấy rẽ, cũng thừa ăn tiêu rồi còn gì.

- Dạ.

- Chỗ năm mươi mẫu ấy, bà chị bảo trữ lại để bán là phải lắm. Thóc được giá mà không bán, chỉ tổ để chuột cắn.

- Bẩm cụ lớn; mấy lị nhà con chật, không có chỗ chứa thêm thóc nữa ạ.

- Ô quý hoá quá, trong nhà bà chị có những hai lăm thóc to tướng, thế mà không đủ để chứa thóc kia à?

- Dạ, lạy cụ lớn, thầy chánh nhà con vẫn cứ định xong mùa này thì xây thêm mấy gian nữa. Thầy cháu cứ không muốn bán, bảo trữ lại, chờ năm vỡ đường hầy hay. Nhưng con tưởng để thóc nằm chờ đấy, thà bán đi để đong

cái khác còn hơn.

- Phải, bà chị nghĩ chí phải. Việc tiền nong phi ở tay bọn mình không cô lợi. Các ông ấy đàn ông đàn ang gặp đâu nói đấy, chứ sao bằng bọn mình. Hé! Hé! Hé!

- Dạ.

- Thế bà chị còn được bao nhiêu thóc ở trong nhà?

- Lạ cụ lớn, cũng còn độ hơn nghìn bạc, chứ chả mấy ạ.

- Ô, quế hoá quá! Bà chị không bán à?

- Bẩm ý con muốn bán, nhưng thầy cháu cứ muốn giữ lại.

- Ô, này, bà chị để tôi đong cho, cho ông tức một mẻ!

Bà Chánh sung sướng, đáp:

- Dạ, cụ lớn dạy thế còn gì bằng.

Thật đấy, cho tôi đong một nghìn nhé...

- Dạ, cụ lớn đã dạy, thế nào con chả xin tuân.

- Nhưng mà này, chỗ chị em, chả nên giấu giếm nhau. Tôi vừa có dăm nghìn, lại tậu cái đất trên Hà Nội để làm nhà cho khách chạy loạn thuê mất rồi. Bây giờ chỉ còn dăm chục để ăn từ nay đến cuối tháng. Bà chị có cho đong chịu hãy nhận lời.

- Lạ cụ lớn, bao giờ cụ lớn ăn cũng được, miễn là cụ lời nhận mua là may cho con lắm rồi.

- Thế bà chị không sợ tôi quýt à? Hé Hé! Hé!

Bà Chánh cười theo:

- Lạ cụ lớn, tôi con nào dám ngờ cha mẹ.

Cụ lớn bèn nghiêm trang nói.

Nhưng mà này, chị Chánh ạ, tôi nhận đong của ba chị một nghìn đồng bạc thóc, nhưng tôi hãy cứ gửi ba chị ở nhà đấy. Như vậy, bà chị hẳn khỏi nghi nhé! Hé Hé! Hé!

- Lạ cụ lớn, chúng con nào dám thế, xin cụ lớn cứ cho xe về.

- Không, tôi cứ gửi ở nhà bà chị. Bởi vì trong dinh chật chội, có chỗ nào chứa đâu!

- Dạ.

- Rồi bao giờ tôi thuê được nhà ngoài phố, sẽ cho nó về lĩnh thóc sau.

- Dạ.

Bà Chánh nói chuyện một lúc lâu nua, mới hả hê cáo từ ra về.

Và cố nhiên đến nhà bà nhắc lại nguyên văn cho cả làng, cả tổng nghe những câu nói tử tế, nhã nhặn, dễ dãi, phúc hậu của cụ lớn Tuần.

Ba tháng sau, trời làm lụt lội và đói kém. Thóc lúa cứ cao lên vòn vọt. Việc vào dinh hầu cụ lớn đã thành ra một thời sự cu cũ. Cho nên bà Chánh Tiên chỉ còn trông thấy chỗ cây thóc bán chịu cho cụ lớn mà thôi. Bà thở vắn, thở

dài. Thà cụ lớn cho người đem đi cho khuất mắt, hoặc cụ lớn bán cho ít nhiều để làm vốn thì bà cũng cam lòng. Từ nợ đến nay, bao nhiêu người xin đóng mà bà không dám bán. Bà tiếc quá. Song nghĩ đi thì thế, mà nghĩ lại, bà cho là chẳng thiệt nào. Một đời dễ mà gặp được một bà quan đầu tỉnh đối với vợ một thầy chánh tổng vốn vã, dễ dãi, phúc hậu, như thế. Người ta có tiền nghìn bạc vạn hẫng hoi, cũng không thể mua được lời nói tử tế của người trên. Cho nên, nghĩ tới đó, bà lại thấy hả hê, sung sướng nguyên vẹn.

Một hôm, có người lính tuần về Đồng Quân, đưa bà Chánh phong thư. Bà bảo chồng mở ra để đọc:

“Bà chị.

Bây giờ thóc được giá, tôi nhờ bà chị làm ơn bán cho chỗ thóc tôi gửi bà chị trước. Cứ thời giá, thì chỗ ấy thu được đến hơn nghìn rưỡi, nhưng tôi chỉ lấy trong nghìn tư mà thôi, còn bà chị có bán được hơn thì mặc ý. Vậy chỗ một nghìn, tôi xin nộp lại bà chị, còn năm trăm lãi thì đến 25 này, mời bà chị lên chơi và đưa cho tôi. Thực là tôi quấy rầy bà chị quá, xin bà chị miễn trách. Lâu nay không thấy bà chị lên tỉnh, tôi nhớ lắm. Vậy thế nào 26 này, bà chị cũng lên, nhân tiện chúng ta nói chuyện với nhau cho vui.

BÀ TUẦN”

Nghe xong thư, bà Chánh Tiền nhăn nhó, rồi thở dài mãi.

Thóc này bán cho ai được, để kịp 26 có năm trăm đem lên nộp cụ lớn đây?

Thì té ra bây giờ xoay ngược lại bà là con nợ của cụ lớn.

Suốt mấy ngày, bà lo lắng. Bà phải chạy khắp các nơi để mời người đến đóng, nhưng không xong. Chả ai có vốn nữa. Mà ngày 26 cứ gần dần.

Lắm lúc định liều, bà tính cứ lên tỉnh, rồi bấm với cụ lớn là thóc ế. Như vậy bà có thể không thiệt hại gì.

Song, thế không tiện. Cụ lớn đã tin cậy mà giao cho một việc. Mới có mỗi một việc. Chả lẽ chưa chi đã phụ bụng tốt của cụ lớn? Vả lại cụ lớn vốn vã, ngọt ngào, dễ dãi, phúc hậu, ai nỡ xử lại thế được?

Kết cục, là ngày 26, bà Chánh Tiền lên tỉnh có mang đủ số năm trăm lãi thóc của cụ lớn.

Món năm trăm ấy, bà phải viết văn tự để vay. Bà hậm hực, tức bực và oán thán cụ lớn lắm.

Nhưng mà:

- Ấy kìa! Hé! Hé? Hé? Bà chị! Tôi mong mãi!

Cụ lớn nắm lấy cánh tay và vỗ vập nói thế. Bà chánh Tiền bỗng quên hết mọi sự. Bà lại cảm động, rơm rớm nước mắt, và hời lòng hời dạ như thương.

1937

Kìa! Con...

Nguyễn Công Hoan

Bây giờ lắm lúc ngồi buồn mà nghĩ đến chuyện ấy, tôi lại vừa buồn cười, vừa xấu hổ...

Ngày tôi còn đi học ở Hà nội, tôi vẫn nghe anh em bạn kháo nhau rằng hiệu thợ may Đại Ích, mới dọn đến phố Hàng Bông, có một cô con gái đẹp lắm mà ai đã trông thấy một lần cũng phải chịu là một vị tiểu thư tân thời, một giai nhân tuyệt thế, và công nhận cái tên tặng cho cô là “Ngôi sao Hà Thành” là không sai. Ừ không biết các cô gái non, đến tuổi mà chưa được bỏ làm vợ, thường ngày bị các công tử nhắc nhở luôn thì các cô có hay hắt soi không? Có khi các cậu lại gọi chằng cả là “mợ nó” mới đáng phục chứ! Ấy, cô này cũng bị chúng tôi, đứa nào đứa ấy, khép án vắng mặt một cách vô lý thế. Duy có tôi, tuy chẳng đạo đức gì nhưng không nhận vợ, vì tôi mới chỉ được nghe tiếng chứ chưa được biết người, cho nên mấy bận đi gần, tôi cố ý liếc mắt nhìn trộm qua tủ hàng, nhưng tức quá không bận nào rõ, chỉ thỉnh thoảng mới thấy cô ấy ngồi thon lỏn bên quầy, mặt méo xệch sau hai lần kính tử?

Cụ Đại Ích - tôi xin phép các ngài gọi thế - mà nói câu này, các ngài cũng bỏ ngoài tai, vị nào có con gái đẹp, thì tự nhiên trông ra phúc hậu, oai vệ ngay, mà đường đường một đấng bố vợ, dù râu ria chưa có, dù vẫn trẻ măng, nhưng tôn lên chức cụ cũng đáng, mà cô em càng nỡn nà, thì ông cụ càng có giá trị. Cụ Đại Ích nhà tôi cũng có giá trị lắm, tuy mặt cụ cũng non nớt, chỉ độ bấm nhắm bốn mươi tuổi là cùng. Cứ xét mặt cụ thì cũng là tay đao để, thâm trầm lắm, nhưng đao để thâm trầm ở đâu chứ đối với khách mua hàng, cụ rất dịu dàng, ngọt ngào, vui vẻ, nhất là rất lễ phép. Cái lễ phép ăn người của nhà buôn, vì thỉnh thoảng nể lời ăn nói, cách cử chỉ của cụ nhiều người phải vui lòng, miễn cưỡng mua một thứ hàng không vừa lòng.

Tôi lập tâm xem mặt cô con gái cụ mãi mà không ăn thua. Một lần xin được tiền nhà may bộ quần áo tây, tôi quyết vào hàng cụ dù đắt rẻ thế nào cũng được một dịp làm quen, lần này còn lần khác. Tôi yên chí tài nào cũng gặp mặt cô con gái cụ, nhưng ngờ đâu số tôi đen, đã cố chọn vải, đo người, dăng dai cho đến hàng giờ đồng hồ mà không gặp, tôi đành ngậm bồ hòn ra không. Giá luật cho phép khách mua hàng được nằm ăn vạ lý tù tì ở nhà chủ cho đến khi thấy mặt cô con gái thì tôi cũng chẳng về!

Cụ Đại Ích tiếp tôi rất lễ phép. Cứ những lời cụ rót vào tai tôi thì tôi tưởng đầu cụ đã tính bộ quần áo ấy đắt hơn hiệu khác ba đồng bạc, nhưng tôi cũng không dám ân hận chút nào. Mà giá cụ làm ơn thả ngay tiểu thư nhà cụ ra cửa hàng cho tôi được ngắm, thì dù cụ cưa nặng mấy, tôi cũng phải cố nhắm mắt, nhắm mũi mà thọc tiết ví.

Đây những câu sau này, tôi nhắc lại các ngài nghe xem có ngọt ngào không:

- Bẩm ông từ đầu mùa rét năm nay, chúng tôi được nhiều ngài chiếu cố may cái hàng này lắm.

- Nào, bác cai đâu ra đo hầu ông.

- Xin phép ông để cái này bên này.

Cách tiếp khách của cụ Đại Ích làm cho tôi ngượng nghịu quá chừng, bởi vì tôi mới ba tuổi toẹt, chỉ bằng con rể cụ là cùng, mà cụ lại gọi là ông. Bởi vậy, tôi phải gọi cụ là cụ.

Vài hôm sau, tôi đến thử quần áo. Lần này cũng như lần trước, bông hồng chẳng thấy ở trước mặt, mà tiếng lẽ phép suông cứ làm ngượng hai tai. Rồi đến hôm lấy quần áo về tôi chẳng thấy được tia sáng của ngôi sao.

Hà Thành! Chán quá, thà vút mấy chục đồng bạc xuống sông, xuống biển còn được xem tắm.

Tôi định cố tìm chỗ nào may hàng để bẻ hoẻ chữa đi chữa lại cho có cơ mà ra vào cửa hàng vài lần nữa, nhưng số đen đủi, họ lại may khéo quá mất rồi. Nhưng từ đó tôi lấy lại được cái lải con con, là được đứng vào hạng người quen của cụ Đại Ích. Vì một lần gặp cụ ở phố, tôi chào cụ, cụ còn nhớ mà khen bộ quần áo may sát người.

Một lần nữa, tôi cần sắm cái mũ, tôi cũng lại đâm đầu vào đó. Thôi thì dắt rể thế nào cũng bấm bụng mà mua, tuy cũng lại không gặp cô con, nhưng được nghe cụ mắng người nhà câu sau này, tôi cũng hả dạ:

- Xà! Láo nào! Bán cho người ta thì mới được tính giá ấy, chứ bán hầu ông đây kia mà! Xin bớt ông năm hào.

Như thế thì tôi đối với cụ Đại Ích chẳng phải là người xa nữa, nghĩa là người quen, người thân, người nhà, con rể rồi vậy! Cho nên chẳng lần nào tôi gặp cụ ngoài phố, tôi không cố làm cho cụ trông thấy, để chào trước, cùng bắt tay chuyện trò.

Nhưng tôi vẫn tâm tức một điều, là cô con gái yêu quý của cụ, tôi vẫn thấy anh em ca tụng, mà chính tôi thì chẳng rõ mặt ngang mũi dọc ra sao. Vì bận nào liếc mắt vào mà có gặp cô ngồi bên quầy, thì tôi cũng chỉ thấy mặt cô méo xệch sau hai lần kính tử!

Một hôm, vào ngày Hội Chợ. Cũng như thói nhiều hạng công tử bột, tôi thắng bộ để đi diện gái. Tôi lướt hết dãy hàng nọ sang dãy hàng kia trong Hội Chợ, mà chẳng thấy một ma nào lọt vào mắt xanh. Đi đã bại hai căng, thì may sao, khi ngoặt ra cổng thấy đằng trước tôi, thướt tha một cái bóng hồng đi một mình cũng ra phía cổng.

Cái bóng đó là một cái ô khum khum màu sữa, dưới cái khung ô, là một cái áo satanh hồng sáu khuy đang bay phấp phới, dưới cái vạt áo là hai cái ống quần rộng nhỏ bé như ống sậy; dưới hai gấu quần, là gót cao mun mút của đôi giày mang cá da trăn. Thấy cái môi ngon, tôi quyết sẵn cho được. Tôi rảo căng đuổi theo. Lúc đến gần độ mười thước, thì một luồng hơi thơm

thoang thoảng đã làm nở nang mũi tôi.

Tôi cố trông suốt qua tầng vải ô, thấy vẽ rõ bóng một cái đầu xinh xắn, cái áo sa-tanh trơn nhẵn bóng như căng khít lấy cái lưng ong hum húp, tròn tròn, thỉnh thoảng làn gió tạt tung cái tà áo ngoài thì lại lộ cái áo cộc lụa mờ gà viền đăng-ten, ôm chặt lấy cái đũng quần cạp-châu phình ra, mà hai ông nếp là phẳng tấp!

Khi đang chòng chọc ngắm từ đầu đến chân con bò lạc ấy, thì thỉnh linh tôi đi sát ngay trước mặt cụ Đại Ích mà tôi không biết. Cụ Đại Ích trông thấy tôi, tay cất mũ, tay giơ ra và nói:

- Kìa, thưa ông, ông cũng đi chơi Hội Chợ, có vui không?

Tôi thì lễ và trả lời:

- Vâng, thưa cụ, Hội Chợ năm nay cũng như mọi năm. Tôi định vào sắm cái hộp bằng tre chạm, nhưng không được cái nào vừa ý.

- Vâng, tôi cũng chẳng mua được cái gì.

Tôi không muốn nói chuyện lâu, nên chỉ cười lạt không trả lời thì cụ Đại Ích khéo mồm miệng mà nói tiếp:

- Xin phép ngài để tôi giới thiệu ngài một chỗ bán hộp tre chạm của người anh em. Tôi xin đi hầu ngài tới đó, ngài thử chọn xem rồi chiếu cố cho...

- Cảm ơn cụ, xin để bận khác, vì tôi có người nhà chờ.

Người nhà tôi tức là cô gì đây kia ấy mà, các ngài có hiểu không? Nếu cụ Đại Ích cùng đi với tiểu thư nhà cụ thì tôi xin cam lòng thả cô kia ra mà bám chặt lấy cụ. Vậy ai bảo cụ găm con gái ở nhà, để cụ chẳng được đi “hầu” tôi đến cái hàng của người anh em để tôi “chiếu cố”!

Thoát được nạn cụ Đại Ích, tôi lại phải đi rào cặng đuổi theo mồi. Lúc đến sau lưng, tôi càng ngắm cái dáng đi của cô ta, càng thấy yếu điệu, cái tay vung vẩy sao mà khéo và mềm thêm. Mà không biết nước hoa cô ấy mua bao nhiêu tiền một lọ mà thơm được làm vậy. Tôi tiến lên trước, để quay lại nhìn mặt! Ôi mẹ ơi? Ông bà nào ăn gì mà đẻ được con đẹp đến thế! Cái mái tóc tơ rẽ đường ngôi lệch, chải kỹ càng quá, nhưng nó kỹ càng ở chỗ cố ý làm cho người ta tưởng lầm là chải dối dá, nó loà xoà xuống trán, xuống má, nó toả ra che gần lấp gáy; lấp tai. Cái dây chuyền quàng qua cổ, giấu trong làn áo trước ngực, tuy kín mà kín hở, vì nó vẫn lóng lánh, nhấp nháy qua khe sợi tơ. Hai cái má bánh đúc, phình phính dưới làn da mịn, đã xoa qua ít phấn lạt, lại được cái ánh phơn phớt của màu ô hắt xuống, màu áo hắt lên, thành ra hây hây như cánh hoa phù dung. Đôi môi đo đỏ cũng khéo tăng thêm vẻ tươi của cái miệng bầu bầu, lúc nào cũng sắp sẵn một nụ đỏ nhà đỏ cửa.

Đến hai con mắt thì đẹp không có chữ tả nữa. Có lẽ tạo hoá cũng mắt lắm công, kén chọn mãi mới được cái mặt này xứng đáng để giao cho hai con mắt ấy.

Nói tóm lại, trông cô tiểu thư này, nhu nhú như bông hồng mới nở, bầu bĩnh như cái gối mới nhồi bông vậy.

Tôi ngắm cô ấy, ngắm chòng chọc mãi khiến cô ấy ngượng, và phải che ô lấp mặt đi. Tôi đành giở thói trắng trợn, âu là bên phải cô đã che ô lấp thì tôi xoay sang bên trái vậy.

Trong bụng tôi bồi hồi. Tôi nhìn trước nhìn sau không thấy có ai, bèn thảo vội ngay một bức chiến thư.

Tôi tùm tùm, nói băng quơ rằng:

- May quá, hôm nay đi Hội Chợ tưởng là phí công?

Nói đoạn, liếc vào cô ấy mà xoa cười. Cô tiểu thư biết tôi có ý trêu ghẹo, bèn xoay cái ô sang bên trái.

Lập tức tôi lại đi sang bên phải.

- Gớm làm bộ quá! Cô đi Hội Chợ có mua được gì không?

Cái ô lại ngả sang bên phải, mà tôi thì lại đổi sang bên trái.

- Thưa cô, cô làm ơn cho tôi biết bây giờ là mấy giờ rồi?

- Cô ở phố nào? Sao tôi trông cô quen quá!

Cái ô lại nghiêng về bên trái, mà tôi lại luồn sang bên phải. Trời còn nắng đầu mà che ô! Cái đồng hồ đeo tay của cô xinh lắm nhỉ! Nó bé thế sao nó cũng chạy được?

Chà? Ước gì tôi được làm cái đồng hồ kia. Cứ mỗi câu tôi nói ra, thì cái ô và tôi lại chuyển đổi chỗ. Mà sao cô bé gan lì, nói thế nào cũng không hề nhếch mép!

Tôi thấy bao nhiêu mời thả ra, mà cá chẳng cắn câu tôi bèn trâng tráo, miệng cười, mắt liếc, tay dúi cái ô và nói:

- Hoài của, người đẹp thế mà câm, người ta hỏi từng ấy câu mà không trả lời!

Bỗng tiếng giầy lộp cộp đằng sau đập vào màng tai tôi làm cho tôi quay lại.

Thì ra cụ Đại Ích đi tới. Cụ Đại Ích không nhìn tôi, nhưng khi đến ngang mặt cô tiểu thư, cụ đập vào ô cô, ngọt ngào như nhắc cô rằng:

- À! Con, ông hỏi, sao còn không trả lời ông đi!

25 Novembre 1932

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Chính sách thân dân

Từ chánh phó tổng đến thư ký, thủ quỹ trong hạt X.X. ai ai cũng lấy làm

nghi kỵ từ thông sắc số 57, ngày 2 tháng giêng, của quan huyện Lê Thăng. Người ta bàn tán mãi, song, không ai rõ ý quan ra làm sao.

Người ta hỏi dò ông thừa, cậu nhỏ, nhưng bọn này cũng trả lời một cách rất mập mờ:

- Thế là chính sách thân dân của ngài chứ gì! Mặt trận Bình dân mà ỉ.

Giấy sắc ấy như thế này:

X.X. ngày 29 tháng giêng 193...

Quan Tri huyện huyện X.X., thông sắc

các chánh phó tổng cùng hương lý các xã tuân cứ.

Từ ngày bản chức về trị nhậm hạt X.X., thấy các thầy hết lòng cùng bản chức trông nom sự trị an, đề điều thuế má, v. v. bản chức lấy làm cảm động lắm. Vậy bản chức thành thực có lời khen ngợi và mong rằng từ nay các thầy cứ tận tâm về nghĩa vụ thế mãi.

Nhưng muốn cho tình quan dân được khăng khít thêm nhiều, và muốn thi hành chính sách thân dân mà bản chức vẫn theo đuổi từ ngày xuất chính, bản chức không những phải quý nể người sống, mà nên thương tiếc đến cả người chẳng may quá cố, trong khi đang làm việc cho dân.

Vậy từ nay trong hạt các thầy, mỗi khi có ai bất hạnh qua đời, trên từ hàng chánh phó tổng, dưới đến thư ký, thủ quỹ không cứ là tạ thế vì bốn phận hay vì bệnh già, các thầy đều phải cáo phó cho bản chức biết để bản chức được dự đưa người thuộc hạ đến chỗ ở cuối cùng.

Bản chức thiên nghĩ khi sinh thời, mỗi người gánh vác một việc dân, việc nước, thì mỗi người có một nhiệm vụ khác nhau. Người nhiệm vụ to, người nhiệm vụ nhỏ. Cho nên bản chức là người trên mà các thầy là phân dưới.

Nhưng một khi đã không ở cõi đời nữa, thì bốn phận người sống là phải kính trọng linh hồn người chết, cho nên bản chức cần phải chào biệt một người giúp việc đã qua đời, đó là bốn phận riêng của bản chức.

Vậy các thầy nên đọc kỹ tờ sắc này để hiểu ý bản chức và từ nay cứ thế mà

thi hành.

Nay sức

LÊ THẮNG

Vậy có gì là khó hiểu? Bao nhiêu ý kiến thân dân sống, trọng dân chết, nó rõ nét cả ra trên từng ấy dòng, việc chi phải ngờ mà bàn với tán?

Nhưng khôn thay, dân chẳng tin như thế cho. Đối với lời ngọt ngào của quan phụ mẫu này, người ta sợ như gà phải cáo. Trước kia, người ta bị nhiều vô cay đắng vì những lời ngọt ngào như thế rồi. Cho nên bây giờ người ta phải chờ cơ hội xảy ra, một cơ hội chẳng ai mong có, vì nó là sự chết, để xem việc làm, mới có thể chứng thực cho lời nói được.

Dịp tốt để thí nghiệm chẳng phải chờ lâu.

Và dân chẳng phải nghĩ ngợi nữa.

Ông thủ quỹ làng An Đạo đã thở hơi cuối cùng.

Lập tức, không những chức dịch ấy đi trình quan, mà đến chánh phó tổng cũng lên tận huyện đề cáo phó.

Và quan hện sẽ về An Đạo từ chiều hôm trước để sáng hôm sau, kịp đưa người thiết phạm ra đồng. Ngai ngai dậy sớm. Đường đất từ huyện về An Đạo thì xa. Và tang gia đã ấn định đúng bây giờ thì chuyển cữu.

Lúc ấy, trong nhà ông thủ quỹ, tiếng khóc cạnh linh sàng đương xen lẫn với tiếng cãi lý nhau quanh mâm rượu, thì bỗng có người báo quan đến.

Chà chà! Một tin quan trọng làm sao.

Hiếu chủ vội vàng mũ gậy ra đón tận đầu ngõ, cúi rạp xuống để chào. Và trong nhà, khách ăn chạy tản mát, đứng ngấp ngó ở sau tấm giai. Những mâm cỗ ăn dở bị khênh đi, tẩu thoát xuống dưới bếp. Người nhà quét tước và thu xếp vội vàng các chỗ cho sạch mắt.

Quan xuống xe, thông thả tiến vào. Ngài đứng ở sân, ôn tồn nói vài câu chia buồn. Hiếu chủ cảm tạ, mời ngài đến nghỉ ở nhà ông lý cho tĩnh mạch. Tang gia đã điều đình trước với ông lý dọn dẹp sẵn căn buồng và bày biện cho lịch sự. Ông lý vừa được cảm tình với hiếu chủ, vừa được hân hạnh đón quan mà không phi tốn gì, nên bằng lòng ngay.

Đến chỗ nghỉ chân, quan rửa mặt, uống nước xong, thì vừa vào lúc lên đèn.

Một mâm cỗ chững chạc đã từ nhà đám khênh đến, đặt ở phản giữa. Hiếu chủ cung kính rước quan chứng giám tấm lòng thành. Quan gật, tụt giày ban ra, lên giường, ngồi xếp bằng tròn chính giữa.

Những ai có diễm phúc ngồi hầu cơm quan, đã được xếp đặt trước cả rồi. Quan rất vừa lòng, trò chuyện rất vui vẻ thân mật.

Ăn xong, theo thường lệ, phải có cuộc mua vui.

Chẳng lẽ quan ngồi chuyện suông với chức dịch cho đến khi ngài buồn ngủ? Cho nên, ông chánh tổng đứng dậy, gãi tai nói:

- Bẩm quan lớn, xin phép quan lớn cho chúng con được hầu canh tổ tôm.

Quan cười, đáp dờ đùa dờ thực:

- Tôi không mang tiền đi.

- Bẩm xin có ạ.

- Ừ thế thì đánh một lát cho đỡ buồn, chứ bây giờ thì ai ngủ được.

Canh bài ấy đánh ba hội. Quan ít ừ lắm. Bởi vậy, ông chánh tổng phải giữ lời hứa. Và nếu ông không biết điều mà góp cho quan, thì quan cũng đã hất hàm để giao hẹn rồi:

- Thật nhé, thầy góp cho tôi nhé.

Sáng hôm sau, quan dậy sớm, khăn áo chỉnh tề, đi bộ đến nhà tang. Ngài trịnh trọng theo cữu. Cạnh ngài, có người che ô hầu. Và xung quanh ngài,

tuần làng nghiêm chỉnh cầm roi dẹp đường. Bất cứ ai, dù trẻ con đi xem, hay người quen kẻ thuộc, hay cả đến họ hàng bà con người chết, mà vô ý sán lại gần, là bị vụt liền.

Nhờ có quan đám ma thêm vẻ long trọng. Các chức dịch hàng tổng và những làng gần An Đạo, không thiếu một mặt nào. Mà người ta đến đây để quan trông thấy hơn là để đưa người bạn đến chỗ ngủ ngàn năm.

Cả vùng, ai thấy quan đi đám một người thuộc hạ quèn, cũng lấy làm cảm động. Người ta khen ông thủ quỹ tốt số. Mà thực, giá ông này có khôn thiêng mà nhìn thấy sau linh cửu mình, một vị đeo thẻ bài ngà lững thững đi một cách nghiêm trang, thì có lẽ sung sướng quá đến nỗi sống lại mất.

Đám ma đến huyết. Tiếng khóc nổi lên như ri, cầm lòng cho đau, trong những phút đau đớn này. Đàn bà lẫn xả vào quan tài, vật mình mẩy. Đàn ông mếu máo, còng lưng xuống mà khóc. Nhưng trước khi giòng áo quan xuống hố, quan bảo thầy chánh tổng bắt mọi người phải im.

Lệnh trên đưa ra, mấy anh tuần giơ roi vào vợ con người chết, quát:

- Im, không được khóc, quan truyền thế.

Mọi người không dám thút thít.

Quan bước đến trước huyết, ngài móc túi lấy mảnh giấy giơ lên và đọc.

Nhưng buồn quá, ngài đọc tiếng Pháp. Cho nên, cố nhiên cả người chết lẫn người sống, không ai hiểu ngài nói gì.

Người thông minh, bảo đó là ngài đọc đít-cua. Người mê tín, bảo đó là ngài tụng kinh. Những người dốt đặc, còn phải nghe con cháu khấn bằng chữ nho, thì biết đâu, ông thủ quỹ chẳng nghe hiểu điều văn tiếng Pháp?

Đọc xong, ngài lăm đăm đứng lặng, rồi cúi đầu một cái đoạn lui ra. Cả nhà tang chủ đổ xô lại, lễ tạ. Rồi ngài lên xe để về huyện. Ngài vẫy thầy chánh tổng lại gần, dặn nhỏ:

- Này, xe này tôi thuê khư hồi một đồng, thầy liệu bảo họ trang trải mà trả nhé.

Rồi tặc lưỡi, ngài nói thêm:

- Mà tiền góp tô tôm cho tôi hôm qua, thầy cũng nên bảo họ biết, tội gì mình chịu?

Chuyện này chỉ nhạt có thể. Nhưng hình như nó là chuyện thực. Bởi nó là chuyện thực, nên ông huyện Lê Thăng phải chịu trách nhiệm về phương diện nghệ thuật của văn chương.

Song, ta cũng nên phục ông Lê đã khéo nghĩ được những hành vi cho có vẻ tiểu thuyết. Ông là nhà tiểu thuyết rất tự nhiên và rất có tài.

Bây giờ, ở vùng ông cai trị, người ta còn đợi mua vui bằng nhiều tác phẩm sống của ông. Nhưng có một điều buồn cho thuộc hạ ông, là không những họ sợ sống, mà họ cũng sợ cả chết nữa. Họ sợ đề khổ cho con cháu, vì quan lại cứ về đưa ma!

1938

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cho tròn bốn phận

Anh xe nhấc còng lên, nặng nề rập người xuống, bước Vài bước thực dài để lấy đà, rồi mới đưa ngược khuỷu tay, cúi đầu mà chạy.

Trên nệm lò xo rung rinh, thấy đặt một thứ cây quý giá tuy hơi cổ thụ, nhưng chưa có vẻ gì cần cỗi.

Ngọn cây còn xanh tốt, lại có điểm một bông hoa đỏ thắm. Vỏ cây đã có chỗ nhăn nheo, song người ta khôn khéo, lấy một lần bột gạo thơm che lấp đi. Toàn thân phủ nhiều trắng, thứ nhiều tây mềm nhũn và má trọi.

Cây đó là một cây thịt.

Cây thịt đó là bà Phán Tuyên.

Trên đùi bà đặt một gói hàng mới mua ở hiệu Tây về cho cô con gái yêu. Cái díp xe, mỗi khi gặp đoạn đường xấu lại rập rình làm cho những nam thịt ở má, ở ngực bà Phán theo díp, núng na, núng nính.

Bà nhìn sang hai bên hàng phố bằng con mắt của người rất tự kính trọng, và bằng lòng cái số phận tốt tươi Trời, Phật đã dành cho mình.

Thỉnh thoảng, muốn tỏ sự khinh bỉ đối với khách bộ hành nghèo kiết và hủ bại, bà móc trong túi ra một cái gương con và chiếc bông đầm phấn, ngang nhiên hết sức làm trẻ lại cái tuổi sắp già.

Đến một chiếc nhà lộng lẫy, có hàng rào sắt, có chuông điện bấm, anh xe ngửa người ghi đà xe lại để đỡ. Rồi anh kính cẩn nâng lấy bọc hàng bà chủ trao cho.

Phía trong cổng, một con chó Tây, to như con bê gằm lên cắn, song lại thôi ngay, ve vẩy đuôi mừng rỡ.

- Cô An đâu mày?

Con sen đứng dẹp sang một bên, chắp hai tay thưa:

- Cô con trong buồng, có lẽ đang sửa soạn đợi bà.

Bà Phán oai vệ bước vào, cất tiếng lạnh lạnh, thứ tiếng riêng của hạng giàu sang:

- Xong chưa con?

Cô An, tay còn gài dở chiếc cúc áo vai, vội vã chạy ra.

- Gớm, sao me về muộn thế! Hành lý và ô-tô xong đã từ bao giờ rồi ấy. Nếu không mau lên, thì đến nơi tối quá mất. Đâu. Me có mua được cho con

không.

Bà không trả lời, điềm nhiên cởi gói giấy, giở ra trước mắt long lanh của cô con gái chiếc áo khoác trắng tinh và chiếc “may-ô” sắc sỡ.

Vì bà muốn cho cô An, lần đầu được ra bãi bể, khoe cùng mặt trời, sự trẻ và sự đẹp của cô, nhân thể để cô có dịp phơi ra ngoài ánh sáng, bộ xương mỏng, xương quai xanh và xương sườn cụt.

Buổi trưa, Đồ Sơn chỉ còn là một con đường nhựa nát nhẽo, bên cạnh một làn nước phẳng lặng.

Cô An mặc nguyên bộ quần áo tắm, nằm trên chiếc ghế vải ngoài hiên, lim dim mong chóng ngủ để nằm mộng thấy một tấm chồng Tiến sĩ mai sau.

Cô sung sướng, thỉnh thoảng hé mắt ngấm lại cặp chân dài và thon bắt chéo lên nhau, với cái ngực nở nang, hai bên nhô lên hai đầu vú nhọn hoắt.

Trong nhà bà Phán ngồi dưới quạt trần, đương loay hoay với nước bài tổ tôm khó đánh.

Một xã hội phong lưu.

Những con ve rí rả kéo dài tiếng không lúc nào ngừng làm nặng thêm bầu không khí oi ả mùa hè.

- Thưa bà, ông Phán nhà vẫn có tin ra được như thường ạ?

Bà Phán ngẩng đầu lên, ngập ngừng trong vẻ khó chịu; nhìn ông Hàn xem câu hỏi đó có ý châm chọc không.

Rồi bà chăm chú xoay lại phu bài, cố tình làm như không nghe tiếng.

Ngoài hiên, cô An cũng mở mắt, nhìn vào phía ông Hàn, rồi cựa mình, xoay đi nơi khác.

Trên nét mặt đang hớn hờ của hai mẹ con, thấy lộ vẻ khó chịu dường như một hình ảnh xấu xa hiện ra trong óc họ, mà họ hết sức xoá nhoè đi không được.

Từ lúc đó, bà Phán ít nói chuyện bông đùa, mà cô An thỉnh thoảng lại cò quạ không yên trên ghế vải.

Một năm về trước, một hôm ông Phán Tuyên đi làm không thấy về nữa. Bà Phán lo sợ, vào toà hỏi tin tức thì hay rằng hồi mười giờ sáng, ông đã nhận được cái trát bắt vì tội ăn hối lộ.

Dạo đó, bà chẳng làm gì có hai má và chiếc ngực quý phái ngày nay, và cô An còn là cái Chắt vô giá trị.

Sau ba tháng nằm ở trại “Ký giám”, ông Phán ra toà lĩnh mười tám tháng tù. Khi lại bị xích tay giải về Hoả Lò, ông nom thấy vợ con đứng dưới bóng cây bên Toà án sụt sịt khóc thảm thiết, thì ông cũng không sao ngăn nổi được

nước mắt.

Ông thấy cảnh tan hoang của gia đình mất chủ mà lo vì ngoài ông ra, còn ai có thể che chở cho hai tấm thân yếu đuối kia nữa?

Ngoài giờ ăn cơm và lúc điểm danh, ông chỉ nằm trên sàn, hai chân ghếch lên cái cùm gỗ, vắt tay ngang mắt nghĩ cách làm tiền nuôi bọn người vất vưởng ở ngoài.

Tuy cảnh trái ngược thực, song ông nghĩ đã là một người đàn ông, bao giờ cũng phải lo cho tròn bổn phận làm cha và làm chồng.

Lắm khi đêm khuya trần trọc, trí ông đương bối rối thì đằng đầu trại, một bác tù cao hừng lại rống to:

Ai đưa tôi đến chốn này

Bên kia Toà án, bên này Đền lao

Từ khi mắc nạn đền lao

Tin ra thì có, tin vào thì không.

Giọng hát khô khan, song ông nghe ra muôn phần não nuột. Ông toan nói điều vài câu cho hả tấm lòng uất ức, nhưng bác Cai đã đập chiếc roi mây xuống sàn mà quát:

- Im mồm!

Trong trại, lại chỉ còn tiếng ngáy, với tiếng muỗi. Trời không nở phụ kẻ có lòng tốt. Hết hạn chống án ông nhận được một tin mừng: trong nhà pha, thiếu người làm bàn giấy, ông Sếp đã nghĩ đến ông.

Bắt đầu hôm sau, ông lại nghiêm nhiên ngồi biên chác, làm cái nghề cũ của mình.

Sự may mắn còn đưa ông xa hơn nữa: ông được giữ phận sự sắp đặt những chuyển tù phát vãng.

Đến đây, tôi hãy xin chua nghĩa hai điều:

- Một là: Khi người ta có tí quyền pháp trong tay, thì người ta có thể làm cái sức mạnh vô hình đó, biến thành một sức mạnh hữu hình thí dụ như những đồng bạc vừa xính, vừa trắng, vừa kêu. Hai là: ngục thất âm u không khi nào lại là chỗ để cho tội nhân ngồi đọc kinh Sám hối cả vì nếu tiếng “sợ” có hai chữ, thì tiếng “Liều” có bốn chữ, nhiều hơn.

Ông Phán đã sinh ra làm người, lĩnh chức “ông Phán”, th tránh sao ra ngoài hai điều ấy?

Vậy nên, ít lâu sau khi lép bực “tù anh chị”, người ta thường bắt gặp những cuộc thì thầm dăm giúi giữa ông và bọn tù nhân đã thành án, sợ cảnh Vạn Bú, Sơn La

Người năm đồng, kẻ một chục, ông thu nhặt ngấm ngầm, chẳng may ngày không.

Số tiền bỗng tự nhiên, đã là một liều thuốc cho ông ăn ngon ngủ kỹ trong

ngục, đợi phiên gác thầy Đội Bốn để gửi về cung đón vợ con.
Những khi giờ nghỉ buổi chiều, ông chải chiếu nằm xuống gầm sàn cho đỡ
rệp, ngó mắt ra lỗ “tu mai” khoét dưới chân tường, thì trên môi chua chua
những râu, ông để nở một nụ cười bằng lòng của người đã lo tròn bổn phận.
Chẳng bao lâu, loạn tù hết, ông mang áo, chiếu trả lại ông Sếp, thuê xe về
nhà.

Những sự thay đổi trong đời vật chất của bà Phán và cô An làm cho ông nở
nang gan ruột.

Nhưng trên mặt phẩn và môi đỏ nẫu của hai người ông thường thoáng thấy
một vẻ bần khoản khó chịu.

Cho đến một buổi tối, bà Phán buột miệng, nghĩ to lên rằng:

- Giá ông được đi tù mười năm. có phải cả nhà sung sướng không nhỉ?

Cô An vội vàng nói theo:

- Vâng, thầy cứ ở trong Hoả Lò mà lại vui vẻ hơn đây.

Ông Phán như tỉnh giấc mê, sững sốt đáp:

- Ủ nhỉ!

Rồi ba người lùn nhau thần thờ, tiếc rẻ một dịp may hiếm có.

Viết 1934, in trong Ông chủ báo - Phổ thông bán nguyệt san số 61 (1940)

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Chuyện chó chết cái thâm ý của anh chàng sợ vợ Trích trong bức thư mừng một người bạn gái có tính hung hãn sắp về nhà chồng

Chị sắp xuất giá tôi chắc chị chả thiếu chi đồ mừng quý hoá về vật chất; vậy muốn tặng chị một thứ lạ mắt, lạ tai về tinh thần, nên theo tính riêng của chị xưa nay, tôi xin chép câu chuyện chó chết này cho hợp thời, gọi là cây nhà lá vườn, chắc chị cũng chẳng từ chối tấm lòng thành thực của tôi vậy.

Tuy việc xảy ra đã mười năm nay, nhưng bây giờ tôi nghĩ lại, vẫn còn thấy bật buồn cười và rợn tóc gáy!

Chị e lời chẳng thấu ý, tôi viết ra không được rõ ràng khéo léo, vậy xin chỉ đọc xong, hãy thử gập cái thư này mà để địa vị vào tôi lúc bấy giờ, sẽ biết tôi vẫn còn là mạnh bạo, và thử ngẫm nghĩ kỹ, rồi ra chị có nên để cho anh khiếp oai không?

Ngày ấy vì nhà có súng, nên tôi cũng đã hiểu luật săn bắn, là mình không có giấy phép mang khí giới, thì dù có vác súng hầu người khác, cũng chỉ được đi cách người ấy năm thước thôi. Nhưng nếu người nào cũng biết trọng pháp luật cả, thì toà án còn lập ra để bắt tội ai? Chỉ vì nổi dù có biết tội mười, nhưng tặc lưỡi một cái, là cứ làm văng mạng? Mà nhất là tôi đây nếu chẳng cậy mình một chút, thì chi đã phải một phen lo mất mặt vì câu chuyện chó chết của anh chàng sợ vợ này?

Khẩu súng ấy của cha tôi mua để bắn chim, nhưng vì cha tôi bận việc luôn, ít có khi rảnh để đi săn, mà tôi thì thèm quá.

Khẩu súng ấy vẫn treo ở tường, nhưng đạn thì cha tôi cất cẩn thận trong tủ kính đứng có khoá ngay cạnh bàn giấy

Xung quanh nhà, mà nhất là trong các đồi bên cạnh huyện, lúc nào thấy gầm ghì chim gáy lạch đạch bay hàng đàn ở các bụi cây, mà anh lính cơ Ca-rán-tiêng còn mách tôi rằng ở các đồi ấy thường đêm đêm anh vẫn nghe thấy tiếng nai kêu hươu gọi. Anh lại giục tôi nên vác súng mà đi săn.

Cần gì, súng của Quan mà cậu mang đi bắn ở huyện nhà, thì bố đứa nào dám hỏi!

Anh Cá-rán-tiêng quê ở một làng gần rừng có nhiều cọp cho nên thỉnh

thoảngg kể cho tôi nghe về cách săn cọp ở vùng ấy. Tôi thích nghe lắm, mà phục nhất là cái lối chòng lọng cổ cọp rất giản tiện mà thần tình; chỉ cần một cái dây chẳng to lắm nhưng biết cách giật thì con cọp dù khoẻ đến đâu cũng mất cựa! Anh chòng lọng thử cho tôi xem vào cổ con mèo rồi dạy tôi cái lối xếp dây và buộc nút.

Từ khi học được cách làm chòng lọng cọp, tuy tôi cũng chẳng hy vọng một ngày kia bắt được ông Ba mươi, nhân những lúc buồn, tôi hay lấy dây ra giật chơi mấy củ khoai lang lăn lóc dưới gầm phản, rồi khi đã thạo, tôi nghĩ ngay đến sự ăn cắp đạn.

Hôm ấy cha tôi có việc phải đi vắng hai ngày. Tôi mừng lắm. Cơm sáng xong, tôi lấy dây, tết cái chòng lọng cọp treo lên mặt tủ, nhắc một tấm ván long đánh ra dòng xuống, giật cổ được sáu viên đạn. Khi sắp sẵn các đồ đi bắn xong, tôi xuống trại cơ, gọi anh Cá-rán-tiêng, rủ cùng đi cho vui, vì anh ấy bắn thạo lắm. Anh ấy thích đi, nhưng ngần ngại đáp:

- Để đến bận khác. Quan đi vắng, tôi phải ở nhà coi huyện.

- Anh đi độ hai giờ đồng hồ thôi mà, thầy Quán đồn cũng chẳng biết đâu, và anh đi bắn với tôi chứ với ai mà sợ?

Nghĩ phân vân một lúc, anh đáp:

- Vâng, cậu cứ đi một mình trước, chờ tôi ở đầu phố tôi sẽ đến sau.

Tôi qua trại cơ. Thầy Quán đồn thấy tôi ăn mặc gọn gàng và dáng đi hùng dũng, bèn ngắm và khen mãi, rồi thầy chúc:

- Cậu đi săn cho may mắn nhé!

Câu này rất kiêng kỵ. Trong làng săn, ai gặp người chúc thế, y như hôm ấy vác súng về không có khi lại bị rủi ro nữa.

Tôi cũng bị cái mê tín ấy nó bám vào óc, từ ngày được ngửi mùi thuốc đạn, cho nên tôi thất vọng ngay từ đầu.

Chúng tôi chui, rúc, treo, leo, vào rừng, hết sức đi kiếm chim muông, nhưng chẳng gặp con nào. Rồi loanh quanh chúng tôi qua cái làng cách huyện lỵ ước ba cây số.

Hôm ấy là ngày phiên chợ, nên người lớn, trẻ con kéo xem chúng tôi đông lắm, mà mình thì ngượng về một nỗi không được con nào. Chợ ấy hẹp, nhưng có một điều làm cho tôi chú ý nhất, là ở dọc đường đi tôi nhận thấy bốn năm hàng bán thịt chó, mà hàng nào cũng đông người đến mua, có người ngả ngay nón ra đẩy đánh chén.

Tôi đi đến đầu làng, thì gặp một người chòng chọc con mắt nhìn tôi, lại tùm tùm cười ra ý chế nhạo. Hai tay thọc vào túi áo cánh, anh ta ưỡn ngực, vênh râu ngắm mãi vào cái chùm dây xách chim rỗng tuếch, và nói bâng quơ rằng:

- Nhục chưa?

Đang vào cái tuổi hung hăng, tôi nào chịu nổi những câu nói xỏ xiên của những quân ngựa miệng, tôi liền quắc mắt lên nhìn, rồi đứng dừng lại, định chất vấn anh chàng lão xược, thì anh Cá-rán-tiêng, biết ý, lôi áo tôi đi và nói nhỏ:

- Thôi xin cậu, nó không biết.

- Nó là đứa nào thế?

- Lý trưởng cự làng này đấy.

Thấy nói Lý trưởng cự, tôi càng tức, vì lẽ gì nó chẳng biết tôi là con quan mà dám nói láo? Ấy phần nhiều các cậu con quan thường có cái thói hách hơn bố xin chị tha lỗi cho tôi.

Tôi cúi tiết, quay cổ lại nhìn, thì thấy nó vẫn nhìn theo tôi, mà lại bĩu môi ra cách khinh bỉ. Tôi giận quay gót trở lại, định cho nó một bài học hay về cách xử thế thì anh Cá-rán-tiêng lại kéo áo tôi mà rằng:

- Thôi, khê chứ cậu, con gì kia kìa...

Anh trở cho tôi ở cái đồi bên cạnh, một con vật gì lông vàng và có vằn đốm đen, đương lẫn trong bụi cây.

Tôi ngắm kỹ một lúc, rồi giật mình nói:

- Hổ! Hổ? Anh ạ.

Anh Cá-rán-tiêng tái mét mặt lại, cũng trở mắt lên rồi nói:

- Không phải, con gì đấy.

- Đích là hổ, con hổ con, trông lông nó thì biết.

Lúc ấy con vật nhích đi một tí, thì tôi quả quyết rằng:

- Không còn sai nữa. Anh để tôi bắn.

Anh chàng lão xược ban nãy cũng rảo bước sau tôi thấy tôi nói hổ, thì anh cũng chồm vào rằng:

- Phải đấy, ở đây vẫn có mấy con hổ con. Bắn đi. Con gì cũng bắn phăng đi!

Tôi se sẽ lui lúi nấp sau gốc cây, quay lại thấy anh Cá-rán-tiêng có ý sợ mà lánh xa, còn anh Lý cự kia lại đáng vui vẻ mà nhìn chòng chọc vào con hổ.

Tôi lấp đạn, giương súng, ngắm. Tôi hồi hộp, vì không biết phát này có rửa nhục cho tôi trước mặt cái anh vô lễ kia không, hay là nó lại làm thêm cho tôi một phen rát mặt nữa? Tôi ngắm rất kỹ, trúng lắm. Tôi bóp cò: Đoành!

Tiếng vang inh trời, một vùng khói toả tròn lan ra trước mắt, che lấp cả con vật. Bỗng anh Cá-rán-tiêng kêu ầm lên rằng:

- A! Chết rồi!

Anh Lý cự cũng vừa vỗ tay, vừa nhảy như thằng cuồng:

- A ha! híp! híp lơ! Con ma quay lơ! Hổ chết rồi!

Chúng tôi mừng rú, thì nhau chạy lại bắt, thì trời ơi chị có cho tôi mượn mau cái rô đề che mặt không, cái con vật nằm sổng soài ra giữa vũng máu còn đang trợn ngược đôi mắt và hàm hè nhe bộ răng nhọn hoắt ra ấy lại chẳng phải là hổ, mà chỉ là con chó vện! Khổ quá thì ra trông gà hoá cuốc, tôi bắn

phải con chó vận nhà người ta? Lúc chúng tôi đến nơi mới được vài giây đồng hồ, đương nhìn cái thảm trạng ấy, thì con vật khốn nạn kia đã lim lìm dần mà hồn về chín suối.

Tôi hồi hận vô cùng. Cái cuộc đi săn hôm nay thực là đại đột quá! Tôi mang súng đã không có giấy, đạn lại đi ăn cắp thế mà lại bắn chết con chó vô tội? Rồi đối với chủ con chó ấy hẳn tôi còn lỗi thôi to. Chẳng biết tôi giờ cái con quan của tôi ra thì sự lỗi thôi ấy có giảm đi phần nào chẳng, vậy mà chẳng may cho tôi nữa, người có con chó chết. lại chính là cái nhà anh Lý cự đáng ghét ấy.

Chúng tôi đang tỏ ý lo riêng với nhau thì người ấy cũng chạy tới rồi nói:

- A, ông bắn chết chó nhà tôi.

Biết mình có lỗi, tôi vút ngay bộ mặt thù địch ban nãy mà dịu ngay cái nét hoà bình lại, mà tự giữ chủ nghĩa “bất đề kháng”.

- Phải, tôi bắn lầm.

- Ông bắn lầm? Phải! Rồi một ngày kia ông tương cả đạn vào bụng người ta nữa!

- Nhưng hình như tôi còn nhớ chính ông cũng bảo rằng hổ, và xui tôi bắn?

- Tôi nói đùa, mặc kệ ông chứ, ai bảo ông nghe? Chó hay hổ ông không biết à?

- Thôi thì nếu có phải chó của ông thật, thì ông bằng lòng, tôi đền tiền ông vậy.

. Ông là ai?

- Tôi là con Quan Huyện, ông này là ông Quyền Cá-rán-tiêng trong huyện.

Tôi tưởng tôi loè nó bằng chức tước to như thế, mà tôi gọi anh lính cơ là ông, lại lên giọng tây có uốn lưỡi thì nó đủ sợ, ai ngờ mặt nó cứ điềm nhiên. Tôi nói:

- Tôi đền tiền ông.

- Tôi không lấy đền.

Tôi hung hăng, trợn mắt, cầm ngang khẩu súng, hất hàm hỏi:

- Vậy anh muốn gì hơn nữa?

Lối bắt nạt ấy rất công hiệu. Trên cái mặt điềm nhiên kia, quả lờ mờ có vẽ ra hai nét nhăn cười:

- Tôi chẳng muốn gì hơn, mời hai ông về nhà xoi nước.

Xoi nước? Tôi cần gì đến nước của nó? Tôi nói:

- Tôi không vào, tôi không khát.

- Thì mời hai ông vào chơi nói chuyện vậy!

Nói chuyện? Chỉ có báng súng của tôi muốn nói chuyện với ngực nó thôi?

Nó tưởng tôi ngu ngốc như nó đấy ai chẳng biết nó dử tôi vào nhà để sửa một mẻ cho tôi đỡ tính ngông ngược? Tôi nói:

- Câu chuyện chỉ có thế, ông có muốn nói thêm gì thì nói ở đây.

- Thì hãy mời hai ông vào chơi thư thả đã.

Đến câu này thì thằng cha có ý năn nỉ. Tôi hiểu cái thâm ý của nó, nhưng hai chúng tôi lực lưỡng đường này, lẽ nào lại bó tay cho nó thịt? Lòng tự ái làm tôi hăng tiết, tôi liền đi trước và bảo:

- Nào ta đi!

Ấy hùng dũng thế, mà vừa đi, tôi vừa phân vân trong bụng đấy.

Tay lẽ mề xách con chó mềm như sợi bún, anh ta sấn lên đi trước. Đến nhà, anh ta mời chúng tôi lên buồng khách, rồi treo ngược con chó lủng lẳng ở đầu bếp và không biết đi đâu mất.

Ở vào cái địa vị tù giam lỏng, mấy lần chúng tôi bàn nhau đánh tháo, nhưng đã trót xưng danh thật ra rồi thì có trốn đằng trời cho thoát? Tôi nóng cả ruột, buồn cá người. Cái kim ngăn đồng hồ trên tường đã trở chéch sang chữ một.

Một lúc tôi thấy con bé con ở dưới bếp mang nước sôi lên rồi bung bộ ấm chén chè tàu ra nói:

- Thầy cháu mời các ông xơi nước.

Tôi chẳng đại gì mà uống nước của kẻ thù, biết rằng chè thực hay bùa mê, thuốc độc? Tôi đang xem xét ấm chén, ngửi chè, thì thấy một người lạ mặt đến, khăn áo chỉnh tề. Anh Cá-rán-tiêng nhận biết ngay là lý trưởng đương thứ. Người lý trưởng này lễ phép hơn người lý trưởng cựu, mà có ý thao khoa giao thiệp lắm.

Anh ta cứ gọi chuyện ra hỏi, nhưng trong bụng tôi lo lắng, không biết ý tứ họ định làm những gì, nên tôi chỉ đóng vai trả lời bằng những tiếng dẫn đo, đủ diễn ý tưởng, chứ không rậm lời như lúc thường. Rồi độ nửa giờ sau, người Chánh hội, Phó hội, Thư ký, Thủ quỹ lục tục đến dần.

Ồ hay, cả hội đồng hương hội họ kéo nhau đến làm gì đông làm vậy? Làm biên bản án mạng con chó chẳng? Tôi càng sợ, mà không thể đoán được ra sao, vì xem ra bọn họ, anh nào bề ngoài cũng ôn tồn nhã nhặn như anh lý trưởng đương thứ cả. Lạ một nỗi anh chủ nhà không ra mặt, để mặc một lũ trên này ngồi nói chuyện với nhau. Họ hỏi thì tôi đáp, mà lúc thấy nguy tôi lại khôn khéo hơn, thỉnh thoảng tôi trả lời: Không biết. Tôi không thể dò được ý họ. Giá họ cùng hàng tuổi cùng tư tưởng, cùng kiến thức, cùng nghề nghiệp thì tôi xét tính tình dễ hơn. Cho nên trong bụng tôi bực dọc lo sợ, nhất là chưa thấy họ đã động đến chuyện chó chết. Mặt anh Cá-rán-tiêng cũng chẳng kém vẻ rầu rầu; nên hai ba lần, tôi nháy anh đứng dậy và ngỏ ý đòi về thì họ cố mời cho được. Lắm lúc tôi nằng nặc đòi đi ra, thì họ phải gọi lão lý cựu lên giữ lại, rồi mấy người ra đóng cổng.

Đến hai giờ chiều, tôi thấy tiếng đàn bà nói léo nhéo ở ngoài sân, về việc con chó. Tôi biết rằng vợ anh chàng lão xược đã về, mà mình sắp bị beng to đến nơi. Tôi đang sửa soạn một cuộc xung đột kịch liệt để đối phó trong lúc khó

khăn, thì tôi thấy người chồng ở bếp chạy ra, lúc trợn mắt, lúc chỉ trỏ lên buồng khách, rồi người đàn bà có ý láo xược hơn chồng ấy hàm hàm chẳng khác gì con sư tử cái, chạy lên chào mọi người rồi hỏi tôi:

- Thưa cậu, tôi xin hỏi thực cậu, ai bắn chết con chó nhà tôi?

Tôi đứng dậy, trả lời một cách cứng cỏi:

- Tôi, chính tôi bắn vì tôi ngỡ là con hổ tôi đã xin đèn, nhưng ông ấy không nghe.

- Được rồi!

Hai tiếng cụt thun lủn ấy chẳng phải để trả lời tôi mà chính là để phê vào câu chuyện chó chết, lại ngụ ý đe dọa. Tôi tức quá, toan bảo cho con mẹ hung hãn ấy mấy câu, nhưng nó đã nhanh chân ra sân, rồi mở cổng cấp rồ đi đâu, tôi không biết. Lúc đó hai người trai trẻ lực lưỡng ở ngoài đi vào, mà bọn hội đồng hương hội lại nói với nhau rằng:

- À, hai anh tuần này được việc đấy!

Rồi con bé con lên nói:

- Thầy cháu mời các ông xuống dưới nhà nói chuyện.

- Bọn họ đứng cả dậy, tôi và anh Cá-rán-tiêng cũng theo ra, nhưng người Chánh hội xua tay nói:

- Mời các ông cứ ngồi chơi.

Nó rồi ra cả, đóng chặt cửa lại, làm cho tôi chẳng còn trông thấy gì ở ngoài. Tôi lắng tai nghe, nhưng họ thì thảo với nhau khế quá nên chỉ rõ có mấy tiếng sau, làm cho tôi rợn tóc gáy mà thương hại cho tôi mới hai mươi cái xuân xanh.

- Cho chết Chẳng phải trói? Mất cựa!... Con dao này chưa được sắc...

Lo quá, thân cô, thế cô, tôi biết tính làm sao? Súng để cạnh mình, tôi nằm, một tay vắt lên trán để nghỉ kê một tay thọc vào túi chỉ rình móc đạn ra. Tôi bàn mưu với anh Cá-rán-tiêng, xem nên chống cự bằng cách gì thì anh ta lại cuống quýt quá tôi, thêm một mối lo nữa là anh đã bỏ trại không xin phép. Rồi nghĩ luẩn quẩn rồi beng trong óc, tôi ngủ bằng lúc nào không biết. Trong khi ngủ, tôi chiêm bao thấy bao nhiêu phen kinh hồn, và giữa lúc đương nằm mê thấy họ đem mình ra bỏ rọ, thì có người lay vai tôi đánh thức.

Tôi choàng mắt dậy: lũ người ban nãy đứng cả trước mặt. Tôi giật mình, nghĩ:

- Có lẽ giờ này là giờ quyết định cái số phận mình chẳng?

Tôi bèn ngồi nhồm dậy, tay vớ vôi lấy khẩu súng. Họ đồng thanh nói:

- Nào, mời cậu, chả mấy khi, ta hãy đánh chén đã?

Trời ơi, câu nào họ nói cũng y nhị sâu xa. Hay, nghĩa là họ còn để cho tôi vài phút mà ăn uống no nê chẳng?

Tôi thấy lù lù trên bàn một mâm rượu đầy tú ụ, la liệt những đĩa, ngùn ngụt khói bốc lên thơm phưng phức nào dựa mặn, nào thịt luộc, nào muối gừng,

nào chả nướng. Tôi nhìn đồng hồ đã hơn năm giờ chiều rồi nóng ruột toan không ăn, thì họ mời và dắt ngồi vào ghế. Tôi cứ phải để ý dò từng tí, xem họ đưa mình đến cái hồ nào. Họ mời tôi nâng cốc, cầm đũa, uống, ăn. Tôi ăn dè, uống ít, và chẳng nói câu nào, vì luôn luôn nghĩ đến tính mệnh, nên phải nghe ngóng, nhai mãi mới dám nuốt. Hễ họ gấp tiếp là không bao giờ tôi dám bỏ mồm, lại gấp trả vào đĩa. Một việc họ trả thù tôi, mà cần gom nhiều trí khôn lịch duyệt hơn tôi để bàn soạn và lại xếp đặt bằng một cái chương trình lâu thì giờ, bí hiểm thế, thì tài nào tôi chẳng phải giữ mình cẩn thận. Họ ăn uống cũng ung dung, ì ộp như đám đánh chén trong đình, khen lẫn nhau nấu khéo. Mà họ nấu khéo thực, tiếc rằng tôi không dám bạo ăn, khéo đến nỗi từ ngày ấy đến bây giờ, tôi chưa được thấy bữa thịt chó nào ngon như thế nữa. Trong đám đánh chén, tôi để ý nhất vào anh chàng lão xược. Tôi thấy anh ấy ăn tục uống nhiều nhất, mà động anh ta nói câu gì ra, tôi cũng thấy ngang tai muốn bẻ. Không hiểu vì ác cảm mà tự nhiên tôi cảm tưởng thế hay sao, chứ mà tôi thấy anh ta làm gì, nói gì, tôi cũng chỉ muốn tặng anh một phát đạn vào ngực cho đỡ ngứa tay ngứa mắt!

Tôi ăn xong trước nhất, rồi đến anh Cá-rán-tiêng.

Vậy mà họ mới uống cạn có một chai rượu. Bao giờ cho hết hai chai nữa dương đứng chực ở giữa bàn?

Rửa mặt xong, tôi có thể đi đi lại lại để xỉa răng.

Lão lý cự thấy tôi như vậy, bèn nói:

- Mới chữa sáu rưỡi, đã tối đâu, mời cậu hãy ngồi chơi. Thông thả chán!

Ồ, quái đến sáu rưỡi họ định làm gì tôi? Lo quá, sợ quá.

Hắn chả còn nghi ngờ gì nữa, gần bảy giờ, lão Chánh hội nhìn ra ngoài sân, thấy tôi, nói:

- Thôi tối rồi, ông Cự gọi hai chú tuần dưới bếp mang hai thanh giáo lên đây!

Nghe câu nói ghê cả người, tôi vớ lấy cái súng và liếc mắt gọi anh Cá-rán-tiêng, đứng lại gần tôi, trước bức tường để thủ thế cho dễ, vì tôi mới học được miếng võ ấy. Có lẽ sống chết phen này đây?

Đứng trước cái phút tôi đoán hẳn là phút cuối cùng lòng tôi nao nao không sao tả cho xiết nỗi được. Bao nhiêu phiền ảnh trong hai mươi năm trời của đời tôi đều phun phụt diễn nhanh như chớp ở trước mắt. Việc hay làm cho tôi tiếc đời, việc dở làm cho tôi hối hận mà bao nhiêu người thân thích với tôi, cũng lần lượt hiện ra trong trí nhớ, khiến tôi nghĩ tới tình cảnh ấy, nông nổi này mà thốn thức, xuýt chảy nước mắt. Chị ơi! Đọc đến đây, chị có thấy động lòng không? Nhưng đồ chị đoán được cái thâm ý của anh chàng Lý cự ấy thế nào mà gọi tuần mang giáo mác đến làm tình làm tội gì tôi và cái kết cục câu chuyện chó chết này thế nào đây?

Thưa, kết cục chỉ có thể thôi ăn xong, chúng tôi đi về tuy trời tối, rừng rậm,

nhưng trong bụng vững như thành, vì đã có hai người tuấn giáo mác dẫn lối cẩn thận! Vậy anh Lý lão kia làm thế là nghĩa làm sao?

Thế nghĩa là, người tuấn đưa đương giảng cho tôi nghe thế, thế nghĩa là anh Lý này có tính sợ vợ mà lại thích ăn thịt chó, lâu nay vẫn khao khát thèm thường nhưng không dám xin tiền mua. Nay nhân thấy tôi vác súng qua, lại trông gà hoá cuốc, cho nên anh Lý “áp triệu” nhận thực chẳng ngại con chó vệ của anh ấy là con hổ, để tôi đưa phát đạn vào giữa đầu? Anh rất thoải lòng, nhưng còn sợ vợ bắt đem ra chợ bán mất, thì hụi bữa chén ngon, anh bèn cố mời cho được những tay tai mắt trong làng đến sẵn cho vợ mất nói, mà anh cố níu rịt lấy tôi, vừa để làm chứng, vừa để đền ơn, vừa để lấy thêm thế lực loè mẹ đi!

Vậy mà, than ôi! Sao anh chả cho tôi sớm hiểu thâm ý để tôi nói dăm ba câu cảm tình?

10 Avril 1932

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Chuyện của cô ấy

Nên giấu tên cô ấy. Và cũng chẳng cần biết để làm gì.
Miễn là ta biết chuyện của cô ấy.

Cô ấy xinh, thích ăn diện. Đã đỗ tú tài. Không học tiếp đại học, vì lấy chồng.
Vợ chồng rất yêu nhau.

Chồng cô ấy là công chức, tháng tháng lãnh một số lương đủ ăn xài. Nhưng ăn xài mới đủ thôi thì chưa ổn. Nếu chỉ đủ thì bao nhiêu thứ hàng tràn ngập trong các chợ, trên vỉa hè Sài Gòn, Gia Định, vừa đẹp vừa rẻ, vừa tiện lợi cho đời sống vật chất, ai tiêu thụ cho? Cho nên cô ấy cũng xin đi làm để có dư tiền.

Và cô được vào làm ở một sở của Mỹ.

Sở nào của Mỹ cũng có khối người Việt. Việc ít nhưng lương nhiều. Cảm ơn người bạn đồng minh tốt.

Cô ấy ở đó được chừng ba tháng, thì một buổi sáng, vào sở thấy trên bàn làm việc có một phong thư ngoài bì đề tên mình.

Mở bì ra, cô thấy một tập giấy đủ một trăm đô-la, và một bức thư:

“Thưa cô, tôi rất lấy làm vinh dự nếu được cô nhận lời đi chơi mát trong thành phố bằng xe hơi với tôi độ nửa giờ, sau buổi làm việc chiều mai 19-4. Nếu cô đồng ý tôi xin cô nhận chút quà của tôi đính theo đây. Ký tên (một người Mỹ cùng làm trong sở, mà cô có biết mặt)”

Đọc xong, cô không suy nghĩ lâu, gấp thư và giấy bạc bỏ vào phong bì đề nguyên chỗ cũ.

Buổi chiều đến sở, cô không thấy phong thư ấy. Hẳn là người Mỹ này biết cô không đồng ý, nên đã lấy đi.

Nhưng sáng hôm sau, là ngày 19 tháng 4, cô lại thấy chiếc phong bì trên bàn làm việc. Trong cũng có một trăm đô-la, và bức thư vài dòng như hôm trước. Chỉ có ngày hẹn khác, ngày 20 tháng 4. Vẫn tên ký của người Mỹ ấy.

Cũng như hôm trước, cô lại gấp tiền với thư vào phong bì, để lại ở bàn giấy.

Nghĩa là cô không đồng ý cho cái anh chàng đó được vinh dự đi chơi phố với cô trong nửa giờ đồng hồ.

Lại cũng như hôm trước, buổi chiều cô không trông thấy chiếc phong bì ở trên bàn.

Nhưng rồi đến sáng ngày 21, cô lại thấy chiếc phong bì đặt ở trước mặt.

Cũng đô-la và bức thư, nhưng đổi ngày hẹn là ngày 22.

Cô lại không nhận lời. Và cứ như vậy suốt một tuần, buổi sáng, bức thư để lại, buổi chiều, bức thư lấy đi và buổi sáng hôm sau, thư lại tới, chỉ đổi ngày hẹn thôi.

Việc này, cô chẳng cho các bạn đồng sự biết. Và cũng chẳng nói chuyện với chồng.

Ở Sài Gòn thường cô nghe thấy nhiều người khen Mỹ là lịch sự, là hào phóng. Dễ người Mỹ này lịch sự và hào phóng đây. Cô lại nghe nói Mỹ là bạn của Việt Nam, họ thường đi chơi với mình. Đối với người Việt, họ lễ độ, nhã nhặn và đứng đắn. Nhất là đối với phụ nữ. Cho nên, buổi sáng thứ bảy, nhận được thư, cô có suy nghĩ. Suy nghĩ về cái con người quá xá là kiên tâm này đối với cô.

Hàng ngày, đi làm, cô đạp xe đạp mất chừng mười lăm phút. Cô mong dành tiền sắm chiếc Hon-đa, đi cho khỏi mất sức và mất thì giờ.

Nay một người Mỹ chỉ mời mình đi chơi có nửa giờ mà biếu mình một trăm đô-la. Hay là nhận lời quách.

Có làm sao? Nếu sáng thứ hai, cô vẫn thấy người ấy mời đi chơi, thì cô đừng nên từ chối nữa. Cô nghĩ thế.

Thì quả nhiên, trên bàn làm việc, cô lại thấy chiếc phong bì.

Cô đọc thư, nhận tiền, bỏ vào túi.

Chiều ngày thứ ba, biết là được hẹn, người Mỹ đợi cô ở cửa sổ. Thấy cô ra, hắn lễ phép cúi chào. Cô giơ tay ra bắt. Hắn mở cửa xe, mời cô vào. Rồi nhanh nhẹn, hắn mở máy.

Trong khi đi các đường, hắn nói chuyện. Hắn hỏi thăm gia đình cô, hỏi tất cả những cảnh, những việc nhìn thấy trước mắt mà hắn chưa hiểu. Hắn nói về gia đình hắn, và hắn rất kính phục người Việt Nam, vì người Việt Nam có nhiều đức tính và rất thân thiện với người Mỹ. Giọng nói của hắn cho thấy hắn quả là lịch sự lễ độ và nhã nhặn. Hắn đưa cô đến đầu hẻm (vì nhà cô ở trong hẻm) thì vừa đúng nửa giờ. Từ giã hắn, cô giơ tay ra bắt. Hắn đứng thẳng, cúi đầu chào, như chào một người trên.

Việc này bằng đi, đến mười hôm sau, cô ấy lại được tên Mỹ ấy mời đi chơi

trong nửa giờ. Hấn hẹn ngày giờ đón cô, và cũng biếu cô một trăm đô-la. Nửa giờ đồng hồ nói chuyện với một người dân nước văn minh mà còn được tiếng tội gì mà không nhận?

Thế là cô lại đi chơi với hấn. Và cũng vẫn nhưng thái độ cử chỉ đúng đắn như lần trước.

Vậy là cô có dư tiền để sắm chiếc Hon-đa. Chồng cô hỏi tiền nào, cô chỉ mỉm cười, nói là đi vay.

Năm hôm sau, cô lại nhận thư và tiền của người bạn Mỹ mời cô đi chơi. Giờ thì phải dùng tiếng “bạn” mới đúng.

Rồi đến nửa tháng, cô không thấy hấn mời. Cô đã có ý mong.

Thì một hôm, cô nhận được phong thư. Đập ngay vào mắt cô, là tập dày những hai trăm đô-la. Hấn mời cô dùng bữa cơm thân mật với hấn ở khách sạn X. Cô có nghĩ đến cái ý “tầm gửi lần ngành”. Cô từ chối bằng cách để lại phong bì ở bàn giấy. Nhưng rồi buổi chiều, chiếc phong bì thư mời ăn biến đi để rồi sáng hôm sau lại xuất hiện ở trước mặt cô.

Ba lần như vậy. Đến lần thứ tư, cô cho phong bì vào túi. Nghĩa là cô nhận lời.

Bữa tiệc chiều đãi thật trang trọng. Và vẫn những cử chỉ lời nói lễ độ và thân mật như mấy lần trước.

Bốn hôm sau, cô lại được mời, và cô không chối từ.

Và lại một lần nữa: Chả sao có bạn là người nước văn minh, mình học thêm được sự văn minh. Lại có lợi nữa. Đời cô thật may mắn hơn các chị em khác. Cô sắm ti-vi tủ lạnh, máy điều hoà nhiệt độ, may mặc cho mình, cho chồng. Cô còn muốn có chiếc xe hơi, để chủ nhật; vợ chồng đi chơi với nhau. Giá mà đủ tiền tậu được biệt thự thì hoàn toàn sung sướng.

Mười hôm sau nữa, cô ấy nhận được thư của người bạn mời ăn, nhưng lần này ăn ở nhà hấn. Có lẽ hấn cho là yêu cầu khó khăn đối với một người phụ nữ, nên hấn biếu cô những ba trăm đô-la.

Vì muốn có tiền để thoả mãn đời sống vật chất với chồng, nên cô không từ chối người Mỹ.

Bữa cơm hôm ấy cũng sang trọng không kém bữa cơm ở khách sạn. Chuyện trò còn có vẻ thân mật hơn.

Ăn xong, hấn tiễn xe cho cô về nhà.

Rồi một lần nữa, hấn lại biếu cô ba trăm đô-la để mời cô về nhà ăn cơm với hấn.

Trong độ hơn một giờ đồng hồ, xe đón, xe đưa, chẳng mất công khó nhọc,

còn được ăn ngon, được tiền nhiều, buôn gì lời bằng?

Hắn thuộc tính cô thích ăn gì, và không quen uống rượu mạnh, nên biết chiều ý cô và cũng chỉ dùng rượu bia. Hắn tỏ vẻ hân hoan và cảm ơn cô là tấm gương cho hắn bắt chước, nay hắn bớt được mấy thứ rượu có hại cho sức khỏe.

Lần thứ ba, hắn mời cô đến nhà để ăn cơm. Lần này, hắn khoe rằng mẹ hắn vừa gửi cho hắn một thứ nước ở bên Mỹ mới chế ra. Chỉ cần một giọt tí xíu nhỏ vào rượu bia, thì thấy có mùi thơm lạ lùng, thơm đến mấy giờ đồng hồ ở cổ họng, và chất men lại dịu hẳn đi.

Cô uống bia với thứ nước ấy, thì quả nhiên thấy thế thật.

Nhưng cơm ăn xong, lạ quá, cô không muốn về nhà vội. Rõ ràng là một dục vọng của thú vật nó làm cô cồn cào không yên. Hắn là tại giọt nước nhỏ vào rượu. Bởi vậy người bạn quý của cô đòi hỏi, cô chẳng từ chối tí nào: Cô vào buồng ngủ của nó. Và cửa đóng kín lại.

Đêm hôm ấy, khi về nằm cạnh chồng, cô ân hận, cô xấu hổ, cô nhục nhã. Cô muốn khóc, nhưng phải cố nhịn. Sợ chồng biết, cô càng không dám thú tội với người bạn trăm năm.

Lần sau tên Mỹ lại mời cô đến nhà chơi, nhưng không phải để ăn. Nó vẫn kèm theo ba trăm đô-la như trước. Cô hiểu là từ nay, cô biến thành đồ chơi của nó.

Nó thuê bằng tiền. Nghĩ vậy, nhưng cô cứ đi. Không phải đi cho nó thỏa dục vọng, mà là để mắng nó là đồ xỏ lá, đồ khốn nạn, miệng nói kính phục người Việt Nam, nhưng chính là khinh miệt người Việt Nam, dùng tiền, dùng thủ đoạn để cám dỗ cô, lừa đảo cô, làm hại đời cô. Cô sẽ ném trả tiền vào mặt nó.

Cô mắng nó thế thật, mà còn dùng nhiều lời đả đốn để hơn nữa để chửi rửa nó, đặng trút hết nỗi căm thù của cô đối với con quỷ dâm dục ấy.

Thằng Mỹ chỉ cười. Nó không cãi. Nó còn mời cô xem chiếu cuốn phim nó mới quay được.

Ôi trời đất ôi! Thì ra cuốn phim nó đã quay lúc cô vào buồng với nó, từ lúc cô lên giường nằm đến lúc cô mặc xong quần áo.

Cô la hét như điên như cuồng. Cô đòi nó phải đưa cô cuốn phim để cô hủy đi. Nó không thể từ chối. Cô châm lửa đốt ngay trước mặt nó. Rồi cô về.

Yên tâm.

Một tháng sau, cô nhận được thư của nó. Không kèm theo tiền. Cô hiểu là nó

không dám bắt cô làm thú vật.
Thư nhiều chữ hơn những thư trước.

*“Thưa cô,
Tôi sắp được về nước, nên cần bán những đồ đạc để lấy tiền. Tôi biết rằng cô cần mua lại một thứ, nên tôi viết thư này. Ấy là cuốn phim hôm nọ cô đã đốt. Cuốn cô đốt chỉ là bản in lại. Còn bản chính, tôi vẫn giữ để đợi đến ngày tôi rời Việt Nam sẽ bán lại cho cô. Vì là cuốn duy nhất và quý giá vô cùng, nhưng lại vì đối với cô là người mà tôi mang ơn, nên tôi chỉ bán tính bằng giá rẻ, là hai ngàn đô-la thôi.
Tôi đợi cô một tuần lễ để được nghe sự đồng ý của cô. Xin giao hẹn trước, là tôi không thể biểu không cho cô thứ quý giá này. Quá một tuần, nếu tôi không nhận được trả lời của người mà tôi dành quyền ưu tiên, tức là cô thì xin cô cho phép tôi để lại cho người khác.
Cùng lắm, nếu không ai có đủ tiền để lấy lại cuốn phim mà tôi bắt buộc phải cho không, thì người được tôi biểu phải là chồng cô.
Kính xin cô trả lời, và xin cô nhận những lời cảm ơn trước của tôi.
Ký tên”*

Đọc xong thư, ấy bàng hoàng, tái mét mặt, suýt ngã. Các bạn đồng sự tưởng cô bị cảm, vội vàng cứu chữa cho cô. Cô nghĩ rằng, đập chân tay nguyên rửa hết lời thằng khốn nạn. Cô đã nhận của nó bao nhiêu tiền, thì lần này nó đòi lại tất cả. Và thằng ở cái nước có óc con buôn, còn buôn sự đều cẳng để lấy thêm hai trăm đô-la làm lãi nữa. Mà biết đâu lại không phải là thằng khốn nạn đã buôn sự hào phóng đối với cô bằng tiền của cục tình báo Mỹ CIA thuê nó khai thác một loại tài liệu cần thiết.

Cô nghĩ nhiều. Cô lo nhiều. Cô phát ốm.

Cô thú tội với chồng, mong chồng trả thù cho cô.
Không thể đợi trời chung với chúng nó. Chồng cô tha thứ cho cô. Cô chỉ đáng thương, vì mắc mưu của nó.
Nhưng cô không thể chịu nổi nhục.

Cô đã tự sát.
Sài Gòn, 20 tháng 10 năm 1975

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Cô Kêu, gái tân thời

Nhưng cô có nhận cái tên ấy nữa đâu!

Kêu là nghĩa thế nào? Nghĩ bao nhiêu, cô lại oán cha trách mẹ, không đặt cho cô cái tên mỹ miều. Mà chữ nhỏ, nào thiếu gì tiếng hay, sao cô chịu mang cái tên nôm na xấu xí ấy mãi? Nhất là đi ngoài phố, bay là ở chỗ đông người, mà mẹ cô gọi: Kêu ơi! Thì cô đỏ mặt tía tai, hậm hực, lấy làm ngượng quá! Lại còn những chị em bạn cô? Cứ những lúc ở Bờ Hồ, hay thấy cô gặp một công tử quen nào, là nhè ngay cái tên cúng cơm của cô ra mà réo quang quác, rồi cười rúc rích.

Nhiều lần cô đã van lạy, xin rằng giữ sĩ diện cho cô mà gọi cái biệt hiệu cô mới nhờ người ta đặt hộ là Bạch Nhạn ấy, nhưng các mẹ ranh tai ngược, cứ vờ quên, để bêu cô, mới tức chứ?

Cô Bạch Nhạn - phải đấy, bởi vì cô đã thề độc đũa nào còn bêu cái tên cúng cơm của cô - cô Bạch Nhạn buồn lắm. Vì cổ hủ hết cách. Cái tên đã là “Ca êu sắc” mà lại ăn mặc lối cổ? Ấy thế cũng mang tiếng là con gái Hàng Đào! Các bạn cô, cô Bích Ngọc thì đã được mặc quần trắng và áo sáu khuy. Cô Song Khê đã được cạo răng. Đến ngay như cô Mộng Lê, mà bà cụ cũng chịu để chị đánh phấn và mặc áo màu nữa là! Ấy là chẳng dám so kè với cô Minh Nguyệt, được mẹ chiều chuộng quá mà cho phép đi học cả nhẩy đầm ở nhà bạn trai đấy!

Thế mà cô Bạch Nhạn ta, úi chào, động có chải cái tóc xoè xoè ra một tí, là bị chửi liền.

Úc nhất là quanh năm cô chỉ được mặc đồ thâm như người có trở, trông tối sẫm như bà cụ.

Ấy, giá cô không mua cái khăn nhung và nhờ bà mợ vờ đem lên cho, thì có lẽ bây giờ cô còn phải chít cái khăn xa-tanh trông như con Sen con Nụ.

Cô bực mình quá! Sao lại có bà cụ nghiệt như mẹ cô bao giờ. Bà cụ tưởng cứ đánh phấn với mặc áo màu là dĩ cả đấy!

Bà cụ biết đâu rằng các cô gái non bây giờ, mỗi năm mỗi một, thay đổi xoành xoạch, thi nhau mà quần nọ áo kia.

Mà có phải nhà cô nghèo kiết gì cho cam! Tiền của nhà cô, tưởng có sắm ăn, sắm mặc bằng mấy người ta, cũng còn thừa nữa là. Nhưng bà cụ cứ bắt na

bắt nét, bắt tập những nét ăn, ý ở, bắt học những câu nói, việc làm. Một hôm, cô rình lúc bà mẹ ngủ, mới khẽ lấy hộp phấn Cô-ty mà cô nhờ người mua hộ, vẫn cất kỹ ở trong hòm. Cô đánh mặt cho rõ trắng, bôi cả nốt ruồi giả bên cạnh má. Cô ngồi soi gương, ngắm đi ngắm lại một mình độ nửa giờ. Rồi lại phải đi rửa mặt cho thật kỹ mới dám đi ngủ.

Năm nọ, cô có giấu mẹ, may ngầm một cái áo lam.

Nhưng cô chẳng mặc lần nào. Đến bây giờ màu ấy lại là màu cổ nhất rồi. Những lúc cô có việc đi cùng chỉ em bạn, thì tự cô thấy ê chề nhất đám, vì cách ăn mặc của mình. Cô than thở, thì cô Song Khê xui rằng:

- Tội gì! Có tiền, cậu cứ sắm văng đi! Mẹ cậu có giết được cậu đâu mà sợ! Nhưng cô không dám liều thế. Vì lỡ bị mẹ chửi thì cũng khổ. Cô Bích Ngọc cũng phàn nàn hộ cô:

- Ở đời này mà cứ ăn mặc theo lối cổ, thì bắt quá lấy được anh giáo học là cùng! Những thằng Cao đẳng nó chỉ ưa tân thời thôi.

Thấy bạn vẽ cái tương lai, cô lại thở dài, oán cái nền nếp nhà cô. Sao trời đã sinh ra cô là con gái; con gái phố Hàng Đào; con gái phố Hàng Đào có nhan sắc; con gái phố Hàng Đào có nhan sắc của một nhà giàu; đương thì đào tơ mon môn, mà không được sinh trưởng vào một cái gia đình được ăn mặc tự do, để được xứng đáng với từng ấy cái mà cô được hơn người.

Cô bực. Cô bực quá!

Thỉnh thoảng, cô ngồi trông hàng, ló mắt ngắm các tiểu thư đi ngang qua nhà mà đâm ghen.

Nhiều cô thực là xấu, cái môi cong tón, cái mắt óc nhòe, thế nhưng hễ ăn mặc đúng mốt tân thời thì trông không thấy xấu nữa. Thế thì cô, tuy trẻ và đẹp, nhưng vì ăn mặc đen thì có lẽ cái nhan sắc cũng bị tiêu đi mất rồi chứ còn gì? Gớm! Thế thì chán thật. Cô thèm! Cô thèm quá!

Năm nào cô cũng lên Hàng Ngang vài chục lần, để xem hàng mặc mới.

Nhiều thứ đẹp và rẻ lắm! Cô ước ao.

Cô giơ tung cả cuộn của người ta ra mà ướm vào mình, đứng trước cái gương, ngắm nghía thật kỹ. Cô lấy làm thích lắm. Rồi cô lại nhà bạn, mượn áo mới may để mặc thử, rồi đi lấy dáng tha thướt, thì ai cũng phải khen:

- Bạch Nhạn nó mặc tân thời ăn lắm nhỉ! Thử cởi cái quần thâm ra xem nào.

Rồi họ lại nói:

- Ừ ra cứ mặt trái xoan và người thon thon, thì ai mặc quần trắng áo màu cũng nổi.

Mỗi bận cô được khen như thế, thì về nhà, cô lại đâm nghĩ. Cô mơ màng đến ngày cưới cô, quyết thế nào cô cũng xin mặc quần trắng và áo sa-tanh hồng, thêu hoa to bằng cái bát. Rồi cô tưởng tượng đến người bạn trăm năm của cô, trẻ, đẹp, đầy đà cứ chiều chiều dắt cô ra Bờ Hồ hóng mát. Những người ấy phải mặc quần Tây phẳng nếp, đầu chải thật bóng. Mà cô thì cầm cái mũ

cho chồng, mặc lối tân thời từ đỉnh đầu đến dưới gót!

Cô mơ màng cho nên cô thèm quá rồi? Cô không chịu nổi nữa. Cô đánh liều. Cô giấu bà cụ, sắm một mẻ toàn nhưng thứ tân thời.

Cô mua đôi giày cao gót, mũi vá; may một cái quần lụa Nhật Bản có bốn nếp gấp ở lườn, lại khâu trái một đường ở ống, mà ống thì hẹp, và vén gấu; một cái áo sơ mi viền đăng-ten và thêu hai bông hoa ở hai bên ngực; một cái áo cánh kín tà dài đến hông, cũng viền đăng-ten xung quanh; và một cái áo dài sặc sỡ, chỉ chít những hoa là hoa vẽ rắc rối như thời cục nước Tàu; một cái ví đầm bằng da hung hung, trong có sẵn những đồ để trang sức.

Cô sắm những thứ ấy, nhưng không dám để ở nhà. Cô gửi đăng chị Bích Ngọc, ở phố Hàng Trống.

Rồi từ đó, mỗi buổi chiều, cô thu thu hộp phấn vào bọc, cô đến chơi nhà cô Bích Ngọc.

Đến nơi, cô xỏ khăn, lấy lược ra chải lại mái tóc. Rồi rẽ lệch đường ngôi.

Rồi uốn lại mái tóc cho cong xuống và thò ra mang tai. Rồi cô bôi phấn khắp mặt, tai và gáy. Rồi cô vươn cổ ra để xoa cho đều. Rồi cô rề dài môi ra để tô son. Nhưng cô bạn dạy rằng đừng nên bôi cả vào bề dày của môi mà xấu, phải làm cho cái miệng chúm lại, nghĩa là phải theo chiều cái môi mà vẽ đồ một cái môi giả, mỏng và hẹp hơn làn môi thật, gọi là môi quả tim. Rồi cô mặc quần trắng, xếp cho thẳng nếp, đứng ống. Rồi cô vận cái áo sơ-mi, cái áo cánh và áo dài sặc sỡ, vuốt cho phẳng phiu. Xong đâu đấy, cô lặn đôi giày mang cá, ôm cái ví đầm, đến trước tú gương mà đứng. Cô quay đằng trước. Cô quay đằng sau. Cô đi đi. Cô lại lại. Cô uốn éo. Cô thướt tha. Rồi cô đứng yên. Cô ngắm. Cô bàn. Cô bình phẩm. Cô khoái lắm!

Rồi trong độ nửa giờ, ngắm chán, cô trút hết bộ cánh ra, xin thau nước, lau kỹ cái mặt rồi mặc quần áo thâm, đi về.

Ấy chẳng ngày nào là cô Bạch Nhạn không diễn tân thời một mình, một lúc như vậy. Có thể cô mới đỡ thèm, đỡ hậm hực Nhưng những hôm mưa lướt suốt cả ngày, thì cô nóng ruột quá. Mà cứ đến cái giờ ấy, quái lạ, cô nằm bẹp gí, chẳng thiết làm cái phải gió gì cả.

30-5-1933

Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

Đàn bà là giống yếu

Sau năm năm chuyên môn khảo cứu các thớ thịt đàn ông, cái Bồng đã biết đặt cái sắc đẹp của mình vào những công cuộc khai mở.

Quả tim nó chẳng phải là cái bắp thịt đỏ hồng, thoi thóp, cảm động nữa. Quả tim nó đã biến thành một gian buồng nhỏ, bọc sắt, có ống thu lời trong đó chứa chất biết bao nhiêu hy vọng của những anh chàng đại dột, nhìn đời qua cửa sổ nhà trường, tay cắp sách miệng lầm nhảm, nhắc lại câu: Đàn bà là giống yếu.

Một hôm, trong rạp hát, giữa chôn tối tăm, nó đã mỉm cười, đem quả tim quý hoá đó, nung nấu đặt vào lòng một quan phu goá vợ, mà một bước lên chức bà lớn nghênh ngang.

Hình như trời đã đặt một cái khuôn riêng để đúc nặn các người làm bà lớn. Nên chẳng mấy chốc, bà phủ đã được đúng kiểu mẫu, chỉ riêng bộ mặt cũng đã long trọng. Người ta tương chiếu bánh dày đám cưới, ở giữa đặt một quả chuối ngự, và ngay đầu quả chuối, nằm dài hai múi cà chua. Rồi khi hai múi cà chua tách ra để theo nhịp với cặp mắt híp, đưa quan ông vào chôn nát-bàn, thì ai cũng phải thấy một cái hố sâu thăm thẳm sâu như bụng dạ một người đàn bà. Song, quan ông lại có cái hình thể kháng hẳn. Vì ở người ngài cái gì cũng cong, từ cái sống mũi đến cái lưng tâm, từ cái lưng đến cách sử dụng. Tuổi đã già mà ái tình còn trẻ. Ngài mua được người ngọc ở chôn thành thị về để hầu hạ sớm khuya, thì thoả chí lắm. Ngài quyết từ nay không chê bai những món lễ nhỏ quá, để làm sao có đủ tiền cho người yêu tiêu xài sung sướng.

Thường, những buổi chiều tà, khi bức màn đen lóng lánh kim cương rủ xuống để che kín vũ trụ, trong vườn hoa, trước tư thất quan ông quan bà nhỏ to trò chuyện như một cặp nhân tình.

- Thế nào? Mai là rằm rồi, bà đã sửa soạn ra đèn chưa?

- Đã đem đầu vào làm tôi con Thánh thì tôi quên làm sao được. A, ông này, tháng hai Chính, tôi tổng cố nó đi rồi. Ai lại cung văn mà toét mắt, bản như ma. Lắm khi nửa giá châu, chán quá, tôi phải thẳng ngay lập tức.

- Đuổi nó đi, đến mai, lấy ai hát cho bà?

- Đã hơn nửa tháng nay, vợ lý trưởng sở tại đã cho gọi nhà phó Bái thay rồi. Thế mới gọi là cung văn chứ. Đàn ngọt, hát hay, lại nhanh nhẹn, sáng sủa. Thằng này khoẻ mạnh, vạm vỡ, ăn nói có duyên, chứ chẳng hom hem như

thằng chết giẫm trước đầu.

- Dễ thường tôi hom hem thể này, cũng là tuồng chết giẫm nhỉ?

- Chết nổi! Ví mình với thằng cung văn! Sao ông đại đột thể! Thật từ ngày hầu hạ ông, tôi như người đi xa về được đến nhà. Chẳng cần phải lâu son, gác tía, tôi mới được mãn nguyện. Đời tôi chỉ mong có hai điều: Một quả tim và một túp lều tranh.

- Còn thiếu một cuộn giấy bạc nữa là ba mới đủ?

Quan ông vừa nói tiếp, vừa lả lơi cười, rồi ôm chầm lấy quan bà: Một con nhái bén bám vào một quả dưa chuột?

- Bà đừng giận nhé. Thế bà có yêu tôi không?

- Gớm nữa? Lẩn thần lẩn? Đàn ông chỉ hay bịa ra những câu hỏi để đàn bà chúng tôi phải bịa ra những câu trả lời! Có! Rồi sao nữa?

Quan ông đứng dậy, cầm tay quan bà, dắt vào nhà, đóng cửa lại, qua bậc cửa buồng, gài then kỹ lưỡng. Rồi, dưới bộ ria mép như một cái mũ nổi úp chụp lấy cái miệng chúm chím, quan để nở ra một nụ cười móm.

- Rồi thì... Bà còn đợi gì nữa.

Quan bà ồng ẹo, đưa cặp mắt lườm yêu chồng tỏ vẻ:

- Nhưng mà thể thì rét lắm.

Năm phút sau, dưới ánh đèn treo trong phòng, hiện nguyên hình bộ phận một người như hồi sơ sinh của các bà mụ nặn.

Cứ thế, những cảnh nồng nàn yêu dấu của hai linh hồn sắp nguội, mỗi buổi chiều lại diễn ra, đến nỗi mấy con thạch sùng cũng phải đánh ghen mà tắc lưỡi.

Cứ thế, ngày giờ trôi qua đi, quan phủ say tí, không còn nghĩ lại quãng đời dĩ vãng vầy bùn của vợ nữa. Thời gian cùng một tay vẽ những vết nhăn trên trán người đời, lại đem khăn lau xóa hết những sự xấu xa ô uế trên mặt họ, để cho ai, tới lúc chết, cũng được anh em đọc điều văn kể công trạng và đức tính lúc còn sống.

Đến một hôm giông tố.

Mưa đổ. Gió gào. Trời lạnh buốt. Quan lớn đi bắt xóc đĩa, mãi khuya bì bõm mới về tới dinh. Bước chân vào hiên nhà tư, quan sung sướng nghĩ tới cái giường đệm bông, cái lông ấp thịt, thì lại quên hết nỗi khó nhọc xông pha.

Mưa vẫn đổ. Gió vẫn gào.

Cơn dông mỗi lúc một dữ.

Bỗng một luồng gió đánh bật cánh cửa, tung ra ngoài một cái bóng đen, xô cái bóng nhanh tí ra phía vườn, bắn nó lún vào quãng tối tăm mờ mịt.

Hồn vía chưa đến nổi lên mây, nên quan lên còn có can đảm chạy ngay vào trong nhà.

Buồng bà lớn còn hé mở, có ánh sáng chiếu ra. Quan vội vã đẩy cửa vào thì chao ôi! Con gió bên ngoài không ngờ mạnh đến thế. Nó chui khe cửa, làm tung cả chăn đệm trên giường, làm xổ cả tóc bà lớn, làm tóc cả áo quần bà lớn, để lại trên tấm thân ngà ngọc có một chiếc áo sơ mi.

Bên ngoài, mưa vẫn đổ. Gió vẫn gào.

Dầu người đàn độn đến đâu cũng đoán được tấn kịch vừa xảy ra trong buồng ấm cúng này, nữa là quan lớn “đèn trời soi xét”.

Quan chẳng còn nghĩ nổi quần áo ướt, khuynh hai tay vào háng, trừng mắt nhìn vợ.

Khác hẳn những kẻ có tội, bà điềm nhiên, lên giường quần chăn nằm ngủ. Quan không sao ghìm được cơn thịnh nộ, áp lại gần chỉ ngón tay dẫn đeo, rít lên:

- A, ra con này giỏi thực. Mày không coi ông ra gì. Văng mặt ông một tý, mày đã rước trai vào!

Bà đưa mắt nhìn ông một cách ngạo ngược, ngắt lời.

- Tiếc thay, ông biết chậm quá rồi, ông ạ. Bây giờ ông mới bắt được thì ông ngu quá. Đã hơn nửa tháng rồi kia mà!

- Mày trêu gan ông! Ông thì cho mày vào tù?

Bà ngồi nhồm dây, nhìn chính giữa mặt ông, cười rũ rượi:

- Úi chà! Dễ nhí! Xin quan lớn đừng lời đình. Khi lắm!

- Ông thì bắt cả nhà mày cho mà xem. Nuôi ăn cho béo để giờ quẻ.

- Ông nuôi tôi béo? Thế tôi có trả công ông không? Bên mua, bên bán, ông có quyền gì mà hạch? Ông nên biết, cái quyền tự do của tôi, ông đã cướp mất...

- Quyền tự do của mày? To nhí, ông có nhột mày không cho mày ra ngoài đâu mà mày báo mất tự do?

- Phải, ông chẳng đóng cửa cấm tôi đi lại, song cái thân tôi, ông đã nhét nó vào trong bốn bức tường trát bằng giấy bạc trộn với com, ông có biết không?

- Ai bảo mày đâm đầu vào?

- Thế ra ông không cảm ơn tôi đã cho ông biết những khoái lạc mãn kiếp ông cũng không biết à? Tôi đã mở đường mở lối cho ông đi, ông không biết còn toan giờ mặt. Đồ vô ơn!

- Con bé này thực không coi ai ra gì nữa!

- Tôi đã bảo ông rằng, tôi cho ông lợi dụng tôi để chóng được thăng, ông không hiểu, thế thì tôi cũng phải lợi dụng ông. Ở đời này, ai không thừa cơ lợi dụng là khờ.

- Gớm thật! Mày dạy ông luân lý thế phải không?

- Tôi còn dạy ông hơn nữa. Ông đừng có lời thôi vào tôi. Nay, ngay bây giờ,

tôi chạy ra trại cơ, trại lệ, ngoài phố, gõ cửa nhà từng đứa mà bảo: Dậy mà xem, bà phủ ngủ với trai ngay bên cạnh mũi quan phủ.

- Ông cấm mày nói!

- Cấm thế nào được? Tôi chỉ bán cho ông cái phiến thịt của tôi, chứ có bán đâu cái tự do?

Câu nói bướng bỉnh làm tắc cơn thịnh lộ của quan ông. Cái búi tóc bí mật sau gáy, giá biết cử động, chắc cũng phải xổ ra mà ngổng lên trời, làm thành một cái đầu ngạc nhiên.

Bà lớn được thể nói tiếp:

- Cái sung sướng của tôi chỉ là cái vỏ, cũng như chiếc áo lụa màu này, ai biết đâu gói chặt một tấm thân nát bét. Chữ “tử tế” của ông nêu lên cho mọi người, giá viết nó là “bất bí”, mà đọc là “bóp nặn” thì đúng hơn. Tôi có nói. Rồi tôi đi khắp chỗ quen thuộc, bạn bè với ông, báo với họ rằng: Mười mấy lần, bà phủ ngủ với trai, ngay trong buồng quan phủ.

Câu sau cùng, bà thông thả dần từng tiếng nghe chừng đã có công hiệu. Ông thì như bị từng ấy nhát búa nện vào chỗ yếu, vội vã sấn lại, lấy tay bịt miệng bà:

- Có khê chứ không?

- Việc gì phải nói khê? Người ta chỉ nói khê những điều nói dối, những câu ân ái thôi. Chứ những lời nói thực, phũ phàng, thì việc gì phải nói khê.

- Những bọn người nhà nó biết thì sao?

- Thì nó sẽ bảo ông là thằng mù, thằng ngốc.

- Nỡ nào bà để chúng nó chửi tôi?

- Tại ai? Ai giở mặt trước?

Quan ông đầu dụi:

- Trong lúc nóng nảy, nghĩ càn, bà chấp làm gì!

- Ông đã biết lỗi rồi chứ?

- Vâng, thì biết lỗi.

- Chưa xong: ông phải chuộc lỗi mới được. Lấp mồm tôi ông phải kiếm cái nút.

- Bằng gì nào! Bằng giấy “đỉnh” nhé?

- Không thềm?

- Bằng kim cương nhé?

- Tôi thừa rồi.

- Bằng ngọc thạch nhé?

- Tôi chẳng thiếu!

- Thế biết bằng gì bây giờ?

- Ông không đoán ra à? Ông không nhớ chủ nhật trước, đi chơi Hà Nội, tôi trả cho ông cái ô-tô “Fo” mà chê: “Vợ chồng lão phủ xoàng lắm” đấy à? Ấy, nút mồm đấy!

- Chết chưa? Bà điên rồi sao? Mong những cái ấy đào đâu ra?
- Đào trong ruột những thằng dân của ông, chứ còn ở đâu nữa? Ông quên rằng ô-tô của bọn các ông chẳng phải chạy bằng ét-xăng, mà chạy bằng mồ hôi nước mắt của dân đen à. Ông ngu lắm, hèn lắm?
- Chả hèn lại thua?
- Nói xong, ông toan ôm lấy bà, nhưng lại bị hất ra:
- Gớm chết? Ướt như chuột thế này. Ông có ừ không đã?
- Thì ừ chứ sao!
- Được rồi. Nhưng hôm nay tôi hãy phạt ông đã. Ông để tôi một mình đêm nay. Thằng ranh ban nãy làm mình mệt lử ra... Chứ như ông ấy...
- Nói xong, bà cầm tay quan ông dắt ra ngoài, đóng sập cửa lại. Bà còn văng vẳng nghe quan ông hỏi câu sau cùng:
- Gớm đã. Ban nãy bà bảo mười mấy lần?
- Mười bảy lần.

Bà trả lời liều vậy. Chứ bà còn đương tưởng tượng đến cái xe hòm nó nhẹ bộ rằng kèn sáng nhoáng ở đằng mũi, để cười, cười ông sẽ đưa bà đến chỗ phú quý vinh hoa hơn...

2-1934